

## HỘI NHÀ VĂN ĐÀI LOAN

Hội Nhà văn Đài Loan được thành lập vào năm 2009, với tôn chỉ và mục đích: khuyến khích các sáng tác văn học bằng tiếng Đài, đoàn kết các nhà văn Đài Loan, nâng cao chất lượng sáng tác và vị thế văn hóa của tiếng Đài, thúc đẩy giao lưu và hợp tác văn học trong và ngoài nước. Hội chủ trương sử dụng tiếng Đài (không dùng tiếng Hoa) trong sáng tác văn học Đài Loan.

## TÂI-BÛN PIT-HŌE

Kong-goân 2009 nî sêng-lip, chong-chí sī:

- 1) Kó-lē Tâi-gí bûn-hák chhông-chok,
- 2) Thoân-kiat Tâi-gí-bûn chok-ka,
- 3) Thê-seng chhông-chok chúi-chún kah Tâi-gí bûn-hòa tē-ūi,
- 4) Chhiok-sêng kok-lâi-gōa bûn-hák kau-liú háp-chok.

Pún hōe chú-tiū<sup>n</sup> Tâi-oân bûn-hák tiòh-ài iōng Tâi-oân gí-bûn (m̄-sī Hōa-gí) chhông-chok.

# 2017 台灣語ペンクラブ選集

## Hội Nhà Văn Đài Loan Tác phẩm chọn lọc

# Taiwanese Pen Annual Selections

## Tâi-bûn Pit-hōe Nî-khan

台文筆會 年刊



Printed in Taiwan NT 480

Tâi-bûn Pit-hōe Nî-khan

Taiwanese Pen Annual Selections

台文筆會 年刊

NO.4

June 2017



NO.4 June 2017

# Taiwanese Pen Annual Selections

台文筆會年刊

Tâi-bûn Pit-hōe Nî-khan

## TAIWANESE PEN

Taiwanese Pen, the literary society for Taiwanese writers for the promotion of literary creations in the Taiwanese language, was established in 2009. Taiwanese Pen asserts that Taiwan's literature must be written in Taiwanese instead of in Chinese. It's aims include 1) promoting literary creations in Taiwanese, 2) strengthening solidarity among Taiwanese writers, 3) improving the quality of literary writing and national status, 4) increasing international literary exchange.

## 台灣語ペンクラブ

本會は2009年に設立され、その趣旨は台湾語による創作を振興し、台湾語作家を団結させ、創作レベルおよび台湾語文化の地位を高め、国内外の文学交流・協力を促進することである。台湾文学の創作は台湾語で(華語ではなく)創作が行われるべきであると本会は主張する。

## 台文筆會

本會成立於2009年，以鼓勵台語文學創作、團結台語文作家、提升創作水準與台語文化地位，兼促成國內、國際文學交流合作為宗旨。本會主張台灣文學須以台灣語文(非華語)創作。





NO.4 June 2017

# Taiwanese Pen

## Annual Selections

---

台文筆會年刊

Tâi-bûn Pit-hōe Nî-khan



台文筆會編著

Taiwanese Pen Annual Selections  
Copyright © 2017 by Taiwanese Pen

All rights reserved. Except for brief quotations in a review, this book, or parts therefore, must not be reproduced in any form without permission in writing from Taiwanese Pen.

Editor-in-Chief: Lâm, Jū-khái  
Deputy Chief Editor: Tân, Ahim  
Editorial Board: Chiu, Tēng-pang; Lâm, Jū-khái; Si, Chùn-chiu; Tân, Bēng-jîn;  
Tân, Chèng-hiông; Tân, Ahim  
Executive Editor: Chiú<sup>n</sup>, Úi-bûn  
Assistant Editor: Tiu<sup>n</sup>, Giók-phêng

## Taiwanese Pen Annual Selections

### Tâi-bûn Pit-hōe nî-khan No.4

# 台文筆會年刊 **No.4**

---

出版發行 || Tâi-bûn Pit-hōe 台文筆會 Taiwanese Pen  
704 台南市北區小東路 147 巷 32 號  
TEL : (06) 209-6384  
E-mail : taibunpithoe@gmail.com  
No. 32, Lane 147, Siotang Rd., Tainan 70457, TAIWAN  
<http://pen.de-han.org>

發行人 || 理事長 陳明仁  
理事 || 陳正雄 (常務)、陳麗君 (常務)、周定邦、林武憲、林裕凱、施俊州、莫渝  
陳永鑫、陳豐惠、楊允言  
監事 || 高月員 (常務)、陳利成、陳慕真  
總編輯 || 林裕凱  
副總編輯 || 陳永鑫  
編輯委員 || 周定邦、林裕凱、施俊州、陳明仁、陳正雄、陳永鑫  
執行編輯 || 蔣為文 (祕書長)  
助理編輯 || 張玉萍  
美編 || 阮意雯、許意玫  
翻譯 || 英文 Chhòa, Hiok-chi (H.C.C.); Lâm, Jū-khái (J.K.L.)  
Tân, Éng-him (E.H.T.); So, Tâi-chhian (V.T.S); Rosalind Wu  
日文 高屋礼佳、勝村亞季  
越文 Đàng Thị Kiều Oanh; Phạm Hải Vân; Thái Thị Thanh Thủy  
Phạm Ngọc Thúy Vi; Nguyễn Thị Linh; Lư Bội Thiên  
校對 || 蔣為文、呂越雄、蘇代千、張玉萍、陳理揚、穆伊莉、勝村亞季  
郵政劃撥 || 戶名：台文筆會 帳號：42266208  
總經銷 || 亞細亞國際傳播社 劃撥帳號：31572187  
Tel : (06) 234-9881 網站 <http://www.atsiu.com/>  
出版日期 || 2017 年 6 月初版 定價 || NT\$480 元 ISSN || 2521-4314

◎本書著作財產權人為台文筆會。本書保留所有權利。文字轉載需經台文筆會書面授權。



目錄

Part I . English Version

# CONTENTS

---

## Preface

---

E01	Language Proficiency Tests and Teaching Vietnamese / Taiwanese to Foreigners	Chiú <sup>n</sup> , Úi-bûn	08
-----	---	----------------------------	----

## Poetry

---

E02	Let the Magic Begin! For Our Ancestral Spirits	Chiu, Tēng-pang	11
E03	Where Are They?	Chiú <sup>n</sup> , Úi-bûn	15
E04	The Taichu Ages, On Taichung	Iū <sup>n</sup> , Ún-giân	16
E05	Pa's New Shirt	Khng, Pêe-tek	18
E06	Tears of the Flower – In Honor of Iu <sup>n</sup> Kui and the Sunflowers	Khng, Teng-goân	19
E07	Your Name	Ko, Goát-oân	20
E08	Satyagraha	Koeh, Iàn-lîm	22
E09	Five Poems	Lîm, Bú-hiân	24
E10	Four Old Objects	Lîm, Bûn-pêng	26
E11	You are Wrong, Hu Jintao!	Lîm, Chong-goân	27
E12	Life	Lîm, Jū-khái	29
E13	A Sigh of Resignation – For Good Friend Sui-beng	Lîm, Liông-ngá	30
E14	A White Estate – The Salt Mountain and Salt House in Chhit-kó	Lîm, Liông-ngá	31
E15	The Late Night Love Letter	Tân, Bêng-jîn	32

E16	Taiwan, Playing Together: An Island Symphony – Tyzen Hsiao’s Concert Piece	Tân, Chèng-hiông	34
E17	Light	Tân, Lī-sêng	36
E18	It Doesn’t Matter	Teng, Hông-tin	38
E19	Song of the Drummer – In Memory of Chhian-bu Sen (Chhian-bu the Great)	Tiō, Thian-gî	39
E20	Sesame Greens	Tiu <sup>n</sup> , Siok-chin	40
E21	Seabirds	Tō’, Sìn-liông	41

## Essays

E22	Guarding Watermelons	Khu, Bùn-sek	44
E23	Family Burden (An excerpt)	Lí, Siok-cheng	47
E24	Waiting for Spring in the Pun Ki Lake	Ńg, Bùn-hông	51
E25	The Snow Day	Ngô’, Chèng-jīm	54
E26	Backyard Woods	Ô’, Bìn-siông	57
E27	An Introduction to the book, The Man Who Looked Forward to Tomorrow: Ong Iok-lim, the Prosecutor Who Disappeared During the February 28 Massacre	Ông, Khek-hiông	60
E28	My Home Companions	Tân, Hong-hūi	65
E29	The Five Kilometers Road	Tiu <sup>n</sup> , Giók-phêng	68
E30	My Ma (An excerpt)	Tiu <sup>n</sup> , Hòk-chū	71

## Fiction

E31	The Princess of Hyatt	Ngô’, Kéng-jū	76
-----	-----------------------	---------------	----

# 目錄

## Part II . Taiwanese Version

# CONTENTS

### 話頭

- T01 Gí-giân chhek-giām hām tùi-gōa Tâi-gí Chhiú<sup>n</sup> 蔣為文 82  
/ Oát-lâm-gí kàu-hák

### 詩

- T02 Khui Hiòng : Hō 祖靈 Chiu 周定邦 86  
T03 In tī tó-ūi? Chhiú<sup>n</sup> 蔣為文 89  
T04 時光 Taichu , 是講台中 Iū<sup>n</sup> 楊允言 90  
T05 阿爸 ê 新衫 Khng 康培德 92  
T06 花 ê 目屎 — 敬致楊達 kap 太陽花 Khng 康丁源 93  
T07 你 ê 名 Ko 高月員 94  
T08 Satyagraha Koeh 郭燕霖 96  
T09 詩 5 首 Lîm 林武憲 98  
T10 陳年四物 Lîm 林文平 100  
T11 胡錦濤。你錯了！ Lîm 林宗源 102  
T12 日子 Lîm 林裕凱 104  
T13 無奈 ê 吐氣 — 送瑞銘兄 Lîm 林良雅 105  
T14 白色 ê 別莊 — 七股鹽山 ê 鹽厝 Lîm 林良雅 106  
T15 暝尾 ê 情 phoe Tân 陳明仁 107  
T16 台灣合奏 島國交響 — 聽蕭泰然演奏曲 Tân 陳正雄 109  
T17 光 Tân 陳利成 111  
T18 Kù-chāi i khi Teng 丁鳳珍 113  
T19 鼓手之歌 — 懷念千武仙 Tiō 趙天儀 114  
T20 Moâ-ī<sup>n</sup> Tiu<sup>n</sup> 張淑真 115

## 散文

- |     |                                    |                  |     |     |
|-----|------------------------------------|------------------|-----|-----|
| T21 | 海鳥                                 | Tō̍              | 杜信龍 | 116 |
| T22 | 顧西瓜                                | Khu              | 邱文錫 | 120 |
| T23 | 家後（摘錄）                             | Lí               | 李淑貞 | 122 |
| T24 | 糞箕湖春天 ê 等待                         | Ńg               | 黃文宏 | 125 |
| T25 | 落雪記                                | Ngô̍             | 吳正任 | 128 |
| T26 | 後埕 ê 樹林                            | Ô̍               | 胡民祥 | 131 |
| T27 | 介紹這本冊<br>《期待明日 ê 人：二二八消失 ê 檢察官王育霖》 | Ông              | 王克雄 | 133 |
| T28 | 互相做伴 ê 「厝內人」                       | Tân              | 陳豐惠 | 137 |
| T29 | 5 公里 ê 山路                          | Tiu <sup>n</sup> | 張玉萍 | 139 |
| T30 | Goán A-mah（摘錄）                     | Tiu <sup>n</sup> | 張復聚 | 142 |

## 小說

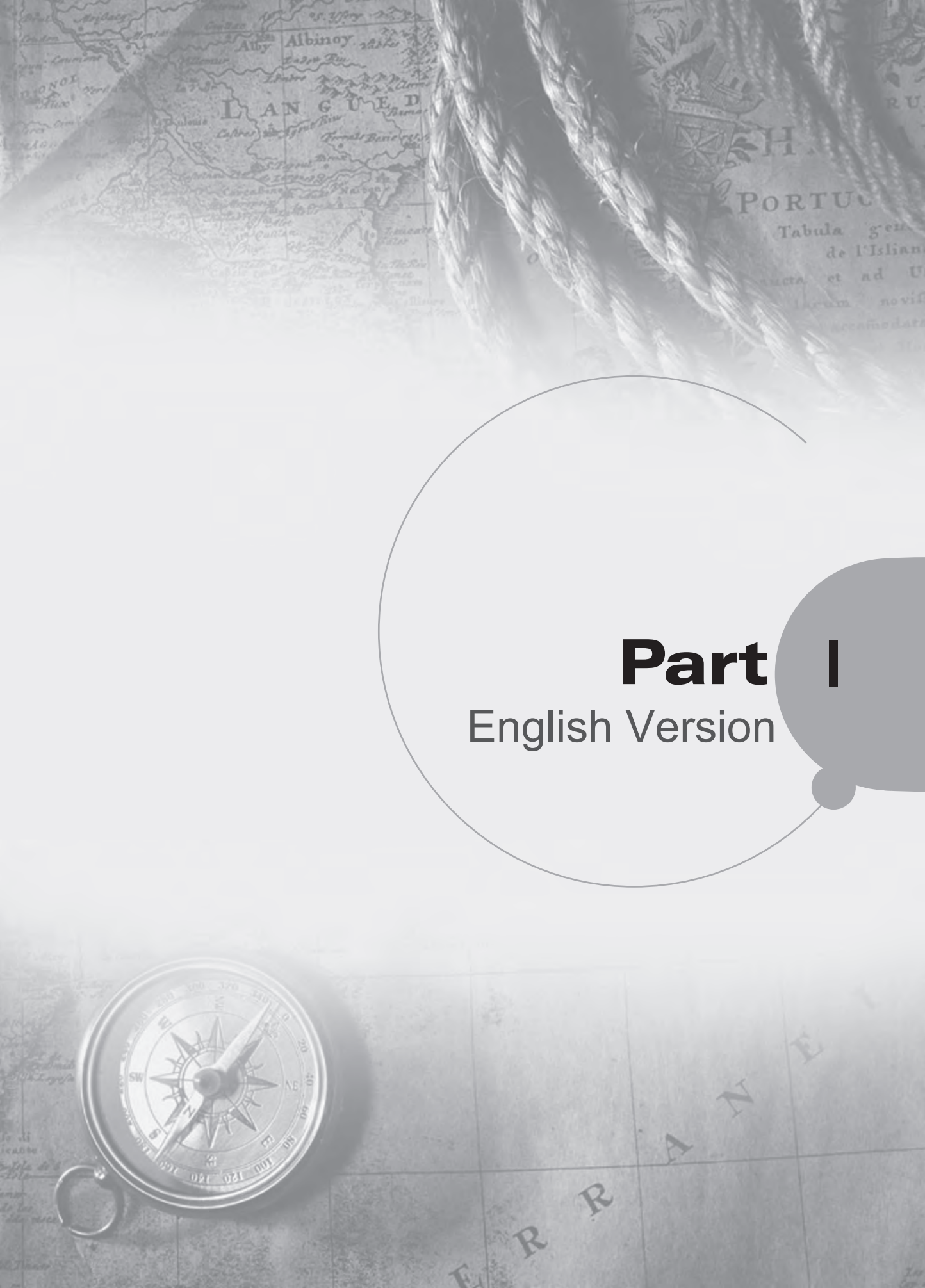
- |     |      |      |     |     |
|-----|------|------|-----|-----|
| T31 | 愷悅公主 | Ngô̍ | 吳景裕 | 148 |
|-----|------|------|-----|-----|

## 目錄

### Part III . Members / Hōe-goân

About the Members of Taiwanese Pen（照會員名姓 ê 羅馬字順序排）

154



# Part I

English Version



# Language Proficiency Tests and Teaching Vietnamese / Taiwanese to Foreigners

| Gí-giân chhek-giām hām tùi-gōa Tâi-gí/  
| Oát-lâm-gí kàu-hák

Chiú<sup>n</sup>, Ūi-bûn (Wi-vun CHIUNG)

First of all, I would like to thank all of the distinguished scholars and participants from Vietnam, Japan, the USA, Australia, New Zealand, France, Germany, the UK, China, Taiwan and all corners of the world for your support for the 3rd International Conference on Vietnamese and Taiwanese Studies & the 8th International Conference on Taiwanese Romanization!

Taiwan is a multilingual and multi-ethnic society. In addition to the traditional ethnic groups, international marriages have become more common since the 1990s. In general, about 1/7 of the marriages taking place in Taiwan in recent years involves a foreign spouse. These foreign nationals are mainly from Southeast Asian countries. Among them, Vietnam is one of the major source countries of foreign spouses. In addition to local Taiwanese languages, new immigrants' mother tongues are also included as additional elective language courses in elementary, high schools and universities in recent years. Among them, Vietnamese is the most popular language. Although the Vietnamese language education is getting popular recently, the number of qualified teachers and textbooks are not sufficient for meeting the demands in Taiwan. Nor is there a Vietnamese proficiency

---

test established in Taiwan. Therefore, “Language proficiency tests and teaching Vietnamese/Taiwanese to foreigners” was chosen as the theme of this conference.

The Center for Vietnamese Studies at National Cheng University was officially established in 2013 after several years of preparations. The Center is dedicated to Vietnamese studies in the areas of humanities and social sciences, such as language, history, literature, culture and ethnic minorities. The Center has also been devoted to the design of Vietnamese proficiency test in recent years. Finally, the International Vietnamese Proficiency Test has completed the procedure and will be officially released during the conference. In addition, the Center has proposed to publish the new Journal of Viet Nam Hoc starting in 2017. You are all invited to submit your papers for the upcoming journal!

Once again, thank you for your participation! Wish you a pleasant journey in Taiwan!

--Welcome remarks of 2016 International Conference on Vietnamese and Taiwanese Studies

---







**Si** 詩  
Poetry



# Let the Magic Begin<sup>1</sup> ! For Our Ancestral Spirits

■ Khui Hiòng : Hō 祖靈

Chiu, Tēng-pang/Tēng-pang Suyaka Chiu

All are abandoned and overgrown!  
That legendary black dog with insightful eyes died  
In the tunes of the nose flute  
And the music died afterward in the legend, too.  
During a drought lasting for seven years,  
Instead of leading a buffalo onto the roof for writing poems,  
We've been hauling a plow weighing five thousand years,  
Betraying our forbears and silently laboring in the fields.  
Thus Siraya's land was reclaimed as the bright green tillable Ka-lâm  
plain,  
Then, we started to claim to have a homeland in faraway China.  
(Tears are welling high from the snow's home and flowing down to  
Lô-chúi River)

One by one, our communal shrines are cooped up in the air-conditioned  
museum  
Where silverfish amuse themselves

---

1. The original title in Tâigí is “Khui-hiòng”, which is a rite in Siraya people's traditional Night Festival. Siraya people believe their ancestral spirits reside in the earthen pots (Hiòng-ô) containing sorcery water (Hiòng-chúi). When a Night Festival begins, an Ang-î (a female Plains Aborigine sorceress/ psychic, known as the hiòng-thâu (“head of the hiòng magic”)) has to preside the “khui-hiòng” rite, summoning and communicating with the ancestral souls and asking them for providing the ceremony with magic power.

And sport with the shrines, saying  
 That their grandfathers' grandfathers' grandfathers' grandfathers'  
 grandfathers  
 Always beat the battle drums covered with Formosan sika deer hides,  
 In the fiery blooming season of erythrina variegata,  
 Till the thundering roar tore the whole island of Taiwan to pieces.

The bandits occupying the museum plundered  
 And even raped those silverfish.  
 Only the shell of the Kingdom of Middag remains.  
 A hermit crab carries it, roaming around the nest of aboriginal knives  
 and swords,  
 Hunting heads spiritlessly.

(A teardrop weighing three thousand catties is  
 Rolling down from Giók-san<sup>2</sup> )

Here came Koan-tè-iâ, Má-chó-pô, and Sam-thài-chú<sup>3</sup> ,  
 Riding the Red-hare horse, sailing on wind and rain, stepping on  
 wheels of gust and fire.  
 The carrying poles of their palankeens shattered the thatch roofs of  
 communal shrines,  
 Clip-clop! Clash! Crash!  
 Dashing through the Great Wall,  
 They came and resided on the altars of all temples.  
 People offer them mangoes, wax jambus and pineapples,  
 On which the mammoth God Pigs may  
 Ride.

2. Giók-san ( 玉山 ; Chinese: Yushan; literally: "Jade Mountain" ) is the highest mountain in Taiwan.

3. Three deities from China.



(A teardrop weighing three thousand catties is  
Rolling down from Giók-san<sup>4</sup>)

Let's have a bite of mai<sup>5</sup> ,  
Chew an abibiki<sup>6</sup> ,  
And hold some Red-label concentrated rice wine of TTL<sup>7</sup> in the  
mouth,  
Then spout it out to the sky and make a rainbow.  
With our hearts, armored,  
Let's go!  
Let's go!  
Children and grandchildren of Soa<sup>n</sup>-á-kha<sup>8</sup> ,

Let's march on the rainbow bridge leading to our ancestral spirits.  
(The roaring thunder follows the lightning bolt.  
The greatest deluge since three thousand years is  
Devouring Giók-san and bringing down  
The three-thousand-catty teardrop)

It blooms! It blooms!  
The sun of Soa<sup>n</sup>-á-kha is  
Blooming!

( Trans.by E.H.T )

4.Giók-san ( 玉山 ; Chinese: Yushan; literally: "Jade Mountain") is the highest mountain in Taiwan.

5.A kind of steamed rice cake that Siraya people use as offering.

6.The areca nut in Sideia (Language of Siraya).

7.Taiwan Tobacco & Liquor Corporation.

8.Soa<sup>n</sup>-á-kha, a village in Liú-iâ<sup>n</sup> Dsistrict, Tâi-lâm City ( 台南市柳營區 ), where originally lived the Suyaka (a Siraya sub-tribe) people.

# Where Are They?

! In tī tó-ūi?

Chiú<sup>n</sup>, Ūi-bûn ( Wi-vun CHIUNG )

Where are they?  
Those top people who disappeared  
During the February 28 holocaust in 1947.

Under a foreign regime,  
No truth was found,  
No killers were caught,  
Only a bowl was left,  
A bowl of squid porridge.

That bowl of squid porridge,  
Is full of sadness and longing.  
And filled with the taste of justice and courage,  
Witnessing to the grief of an era.

Where are they now?  
Still searching for transitional justice.

That king of thieves still reigns.  
His underlings still act brazenly.  
Without a sincere confession of their wrongdoing,  
There's no possibility of a peaceful reconciliation.

Where are they now?  
They are in our hearts.  
They are the lilies in spring.

(Trans. by V. T. S.)

# The Taichu Ages, On Taichung

■ 時光 Taichu，是講 台中

Iû<sup>n</sup>, Ún-giân

## I. The Tōa-tō (Big Belly) Kingdom

Before the Dutch came, it carried on just fine,  
Not wanting to have anything to do with the outside world.  
Then came Koxinga, and, not caring to submit to him, was massacred  
from door to door;  
At the end every household was disrupted and scattered.

When the Manchus came, not wanting to become Chinese,  
The kingdom hid in the mountains in Po-li, passing its days in secrecy.

Now, not knowing what to make of this native regime,  
They erected a few smokestacks at the mouth of Tōa-tō River,  
Letting the smoke drift into the wind.

## II. Troop 2-7

The soldiers trained by the Old Homeland  
With strong-willed student-youths  
Stood up against the New Homeland.  
Then, the New Homeland sent reinforcement  
Killing whoever it saw.  
So they retreated into po-li, using the mountain terrain to fight once  
more.



Later, the storms over Taichung gradually died down,  
The turbulence melted into the wind.

### III. Taichung

The Old Rulers brought over many people,  
To turn swamps into a major city  
They laid railway tracks, built government offices, established  
education.  
Swearing to make Taichu the Taiwanese Kyoto.

The New Rulers also brought over many  
To build over the old foundation,  
Tall buildings, express roads, rezoned lands, PM2.5 appeared  
Little by little, changing Taichung into Kia<sup>n</sup>-to<sup>1</sup>

(Trans. by V.T.S)

---

1. The word is homophonic with Kyoto, but means 'Fearful Capital'.

# Pa's New Shirt

丨 阿爸 ê 新衫

Khng, Pôe-tek

Pa's new shirt,  
With big red letters,  
Saying he's 'the World's Best Dad,'  
Was gotten from a closeout sale of a factory by the roadside.

Pa's new shirt,  
With embroidered golf clubs,  
Saying he has a million dollar golf club membership,  
Was from his boss's discarded stuff.

The new shirt that I had worn,  
With a checked tie, to my first job,  
Which proclaimed me a Gentleman worker,  
Was the shirt that my father had saved, but never wore.

---In memory of my father, Khng, Chhiu-seng (1936-2016)

(Trans. by V.T.S)

# Tears of the Flower – In Honor of Iu<sup>n</sup> Kui and the Sunflowers

■ 花 ê 目屎 – 敬致楊達 kap 太陽花

Khng, Teng-goân (Khng, Goân)

The Roses, so very, very red,  
Gave their lives for Taiwan  
Their tears flowed, dripping down  
Stones cannot destroy them. The blooms  
Opened toward the Spring of Taiwan's democracy

The Lilies, so very, very white;  
Bloomed at the juncture of the temple of Chiang Kai-shek and a street  
The wild lilies that no one cared for,  
Broke down the thousands-year old regime with their wisdom  
And stopped the dead pig skin lying on the chopping board.

The Sunflowers, so very, very many,  
Came to flower on Taiwan's streets;  
Fought for people's stomachs.  
Heads, hit by wooden batons and water cannons  
Faces, dripping blood – the Sunflowers

(first appeared on Liberty Times, Arts section, Mar. 30, 2014)

(Trans. by V. T. S.)



# Your Name

| 你 的 名

Ko, Goát-oân

You, are--  
The words in my mouth,  
The ache in my heart.  
Your name is not recognized.  
If I give up the effort,  
I won' t have to keep searching--  
For my own history;  
For my own culture;  
And for my own place in the world.  
Let the Creator have the Power.  
After all, the beginning was the origin.

For more than four hundred years  
Tribes have blended their joys and sorrows.  
In colonization.  
Ages turned upside down  
Times,  
Passed in idleness  
Houses.  
Strangely, people get old  
Sweat.  
Swimming in the Sea of Suffering.  
With mixed emotions, a tapestry  
Was woven, of democratic freedom

Downcast hearts.  
At the bottom of our feet--  
Swaths of scars  
Memories of plasters  
Sighs of helplessness,  
Feeling of powerlessness,  
Are all left to the land to take up.

p.s. Is your name Taiwan?

--Oct. 23, 2016  
( Trans. by V.T.S )

# Satyagraha

Koeh, Iàn-lîm

1869 – You were born, a member of Indian aristocracy  
Was unfairly treated by the British  
Told to remove your turban, sit in the baggage car of a train  
Satyagraha, Satyagraha  
You insisted on non-cooperation  
1947 – Induced Indian national independence

1907 – You were born in Ta Pa Ni in Tainan  
Father died in Ta Pa Ni, by luck you were rescued by a school custodian  
1945 – Not willing to repatriate to Japan or be a Chinese official  
Satyagraha Satyagraha  
You insisted on non-cooperation  
1947 – During the Massacre You were martyred while calling out  
“Banzai for Taiwanese”

1959 – Born in Ban Li, Taipei,  
Child of a miner, who risked his life working in ironworks  
Went to Tainan, became a doctor, then a mayor  
February 22, 2014, Sun Yat-sen’s statue pulled down in a city park  
Satyagraha, No, No, Satyagraha, No, No  
You insisted on using with the constitution of the exile government  
Wanting us to pay NT500,000, or go to jail;  
We remembered your pro-Taiwan’s independence stand  
And wondered why you cooperated with the constitution of the exile  
government?

1949 You were born in O-ah-Liau, Mi-to  
Loathing to see Formosa become a secondary colony of the US,  
Studied Gene Sharp's Nonviolent Resistance  
On September 21, 2016, the Security Police Incident happened again,  
And you landed in a Taipei prison  
Afterwards, continued your imprisonment in Tainan, thanks to the Mayor  
from the mines

Satyagraha, Satyagraha

We love to hear about the non-cooperation movement against Mayor Lai  
Let Taiwan be Taiwan Let Taiwan be Taiwan .....

And A Fully Independent Country and Good Health to You

(Trans. by V.T.S)



# Five Poems

## 詩 5 首

Lîm, Bú-hiàn

### Window of the Mind

Opening my eyes

I see

The sky

Opening my ears

I hear

Flowers smile

Opening the window

I open

My mind

### The Dove

The dove circles the sky

With his home in the center

Round and round

Round and round

Wider and wider

No matter how long he flies

No matter how far he goes

Home

Is always the center

### **North Wind's Joke**

North wind jokes with the trees  
Who bend over with laughter so merry  
They lose their leaves

### **Fireflies**

Fireflies  
Carrying lanterns  
Neither eat  
Nor dance  
But ardently  
Lead us  
To seek  
A summer's dream

### **Learning to Fly**

The bird flies in the sky,  
The baby crawls on the ground.  
The baby wants to fly  
The bird teases him  
“Wait a while, wait a while  
You can barely walk  
Why learn to fly?”

(Trans. by Rosalind Wu)

# Four Old Objects

## 陳年四物

Lîm, Bûn-pêng

An old picture--  
Time, the Prosecutor  
Is preparing to use this photo  
To prosecute the suspect  
For the crime of wasting beauty

Old Love Letters --  
On this check, vows were made  
Whether we've always made the three thirty closing time for love,  
Once in a while  
We remembered our account, brought back the sentimental feelings  
And enjoyed the interest of our youth, more or less.

The Old Radio --  
Getting a mistress at one's old age  
To listen to the radio with one  
It's a new kind of lonesome  
No matter how one tries  
One cannot find the right song from youth

New Paradise<sup>1</sup> --  
The old brand is still going strong  
Still puffing, through life  
However, the past is like the drifting smoke  
With a whiff of delicate aroma in the air

(Trans. by V. T. S.)

---

1. A cigarette brand in Taiwan.

# You are Wrong, Hu Jintao!

■ 胡錦濤。你錯了！

Lîm, Chong-goân

My heart grew cold from within my bones,  
Realizing that China disdains all minorities,  
That the whole Communist Party is a party of robbers.  
Hand in hand, with Lian<sup>1</sup> and Soong<sup>2</sup>.  
I was secretly glad to see the true face of China;  
My heart spurts blood of independence from my veins.

The Nationalists drank our blood,  
Stole our money, made up the tale of Tai-tok<sup>3</sup> betraying China.  
We hate them so much we want to eat their flesh and gnaw on their bones.  
You are wrong, Hu Jintao! The hands you are holding are covered with  
blood!  
Did you ask Lian and Soong where they got their billions?  
You should cut out the hearts of the Nationalists for buying off the  
Taiwanese;  
Talk to the Taiwanese themselves about the problem of Taiwan.

In the new age there are new notions of nationhood;  
No one owns the patents to new technology, including violence and terror;  
In case a small country uses biochemical weapons on the sly

1.Lian refers to Lien Chan, former Vice President under Lee Teng-hui and a Presidential candidate in 2000 and 2004. He was a very wealthy man.

2.Soong refers to James (Chu-yu) Soong, former Provicincial Governor of Taiwan and 2000 Presidential candidate and 2004 vice presidential candidate with Lian. He left the Nationalist Party to found his own party, the People First Party.

3.Taiwanese for Taiwanese Independence Movement.



The powerful will become weak, have you thought of that?  
If we don't get rid of "the Chinese" and "Tiong Goan"<sup>4</sup> from the  
China virus,  
There will never be peace.  
There is a new path to a strong nation.

My heart grew cold from within my bones,  
When I see a sick China,  
A poisonous dragon harming the world,  
When you appear hand in hand with Lian and Soong.  
I was secretly glad to see a hopeless China.  
And my heart flows the blood of nation-building from my veins.

(Trans. by V.T.S)

---

4. Taiwanese for Central Plains, a nostalgic term for the birthplace of Chinese (Han) civilization.

# Life

## | 日子

Lîm, Jū-khái

I have heard it said, that Life  
Will tear you apart and swallow you whole;  
Meaning, Time has no mercy.  
It will rip you into unrecognizable shreds  
Divide it up for all life on earth to share  
Which is kind of a mixed blessing

Actually, life is full of uncertainties and dreams.  
There are bright, wonderful days  
And dark, desolate ones.  
Days that are both bright and dark,  
And days that are totally unclear.

The worst is having too many of those days  
In which darkness overtakes brightness  
Followed by endless grief.  
Then, living aimlessly  
A waste of being born,  
A waste of life.  
That's the kind of life to fear.

(Trans. by V.T.S)

# A Sigh of Resignation— For Good Friend Sui-beng

無奈 吐氣—送瑞銘兄

Lîm, Liông-ngá (Bók Jû)

Out of the clear sky  
Came a clap of thunder  
Bad news sent by the god of thunder

Ears still ringing the tone of your cell phone  
The theme song from Cape No. 7  
Full of earnest and emotion

I dug out some photos of us together  
Our exaggerated gestures  
Do not disguise the sunny smiles of May

The still youthful you, full of talents  
About to accomplish something great  
But the God in the sky got jealous

Or it's your friends in heaven  
Feeling lonely  
Decided to invite you to join them

So I sigh, with resignation  
And smile while holding back my tears.

(Trans. by V.T.S)

# A White Estate – The Salt Mountain and Salt House in Chhit-kó'

■ 白色 ê 別莊——七股鹽山 ê 鹽厝

Lîm, Liông-ngá (Bòk Jû)

I built a house of salt  
To keep and display our love

The roofs pure white  
The walls pure white

The doors facing south  
To receive warm breezes every day

West-facing windows  
Let us watch the sunset anytime (like The Little Prince)

Salt is the crystallization of Sea's lifelong love

Let's put on our matching white outfit  
And stay here  
In this white estate of love.

(Trans. by V.T.S)



# The Late Night Love Letter

丨 暝尾 情 phoe

Tân, Bêng-jîn (Asia Jilimpo)

It's been more than ten years  
Since I've written a letter  
No one -- whether friend, lover, or enemy  
– to write to  
Everyone just talk or call;  
Or email, which is pretty popular too.

Wanting to write to God --  
Do angels deliver letters?  
At least I can write to myself,  
Then I don't need to pen two addresses  
And even save the envelope.

What to write about?-  
Been drifting for quite a while  
It sounds odd  
Nothing that important, really  
Pondered from morning to night  
Then it came to me – no one's ever written me a love letter  
Often seen people show theirs off  
Who said you can't laud yourself?

On a night of clear moon,  
In a place few people know  
A poor lowly boy was born  
Fed on pigweed and cotton weed  
You can't find romance or love there  
So to write a love letter to myself  
How do I begin?

Hard to sprout syrupy words from this mouth  
Just like the sour fruit eaten as a boy

The day is about to break  
Still can't think of a single word  
Getting frustrated  
As I doze off to sleep  
Hurriedly I scribbled,  
'I love YOU.'

-- The morning of November 7, 2009

(Trans. by V.T.S)

# Taiwan, Playing Together: An Island Symphony – Tyzen Hsiao's Concert Piece

台灣合奏 島國交響 – 聽蕭泰然演奏曲

Tân, Chèng-hiông

Laying the whole Taiwan on its side  
It becomes a piano.  
The dark, heavy lid of history is opened  
by sure, strong hands,  
To begin playing, from February 1947  
All the way  
To the end of 1979 in one continuous section.  
Originally a happy springtime allegro,  
Became inexplicably a mournful requiem, in a different key.  
What should've been a cold, wintry largo  
Suddenly changed to become a passionate, impulsive march.  
Gentle fingers, dancing over the keys,  
Sought from behind the monotonous black and white world  
Buried multi-colored sound of our ancestors  
Releasing long-imprisoned, suffering souls,  
And untying people's conscience not to let them be silent anymore.  
On the open stage of the Pacific,  
Stars look down on the waves from the sky, and listen silently  
The Sun and Moon take turns to turn on the stage lights all day and night.  
Seagulls and flying fish ally to broadcast the performance to the world,  
Phrase by phrase, and moment by moment.

All the broken, scattered syllables of the last 400 years  
 Are put together and made into a magnificent epic  
 To be sung together  
 Using our own Taiwanese melody

If you hold the whole island upright,  
 It will become a violin.  
 Played with a bow made of life-long persistence,  
 Drawn,  
 Across the bridge of Central Mountain Range  
 To call forth low sounds from Pingtung-Kaohsiung coasts  
 All the way up  
 To the high crisp notes of Mount Jade.  
 With the warmth of N. Latitude at 22.5°  
 He embraced the loneliness found at 3,900 meters above sea level.  
 For decades he composed with deep passion,  
 Drawing the deep throaty sound of green sugar cane and the nasal sound  
 of golden rice stalks,  
 Who complement each other.  
 The stubborn Formosan pine and the obstinate juniper tree are moved  
 To undulate in accompaniment.  
 He even turned permafrost and snow on mountaintops into raging rivers  
 That flow down mountainsides and over plains to reach the sea.  
 Just like the warm feeling of strength that returns, after sickness,  
 It flows from the heart to the rest of the body, to the limbs.  
 He made dignity and pride, barely alive,  
 Beat and breathe once again.  
 Collecting the notes of twenty million people  
 He made them into a hauntingly beautiful piece  
 To be played with the distinctive island sound  
 In concert

(Trans. by V.T.S)

# Light

| 光

Tân, Lī-sêng (Tân Īn)

“The Sun”

The Sun’s glance, inch by inch,  
Moved over the glassy body  
Our wintry concerns should be brought out  
To air in the sun, so they won’t get moldy.

The soul, becoming warmer inch by inch,  
Began to have the fragrant smell of spring, of flowers and grass  
I should wake up, say goodbye to the dark night.  
And wait to hear the song of the first bird  
From the sky

A ray of light, coming through the window  
Makes the cold-hearted coffee slightly warm.  
Just like the night you left  
The feeling of warm tears  
On my lips.

“Moonlight”

At that time, in my childhood memories  
I planted a plant of dreams.  
Luckily, I had some tears left to water it.  
Whether I was happy or sad,  
As long as there was moonlight, it would grow  
Its leaves and branches spread wide.

Now,  
I hear the sound of flowers opening  
A fragrance of longing  
Like those moths seeking light.  
Uncovering the thoughts of the whole forest  
Whether in spring or summer,  
Fall or winter, the dewdrops of my melancholy  
Still remembers the kindness of Lady Moon  
Drop by drop, I will repay it with my love  
The night you treasure...

(Trans. by V.T.S)



# It Doesn't Matter

| Kù-chāi i khì

Teng, Hōng-tin

Slipping under the quiet of the night;  
Walking over the noisy and happy keyboard;  
The pure sound of a love song hugs me.

Although it was a goodbye that could not be reversed,  
Ahh, the love remains.  
Since the beginning to the end,  
I am not lonely to be by myself.

--Written Jan. 12, 2016  
(Trans. by V.T.S.)

# Song of the Drummer – In Memory of Chhian-bu Sen (Chhian-bu the Great)

| 鼓手之歌—懷念千武仙

Tiō, Thian-gî

Chhian-bu Sen, Japanese novels you had written;  
Chhian-bu Sen, colloquial novels you also had written;  
Chhian-bu Sen, and composed war novels;  
Chhian-bu Sen, you also published reviews of literature and poetry;  
Chhian-bu Sen, and you put down thoughts on life;  
Chhian-bu Sen, and wrote tales of Taiwanese legends;  
Chhian-bu Sen, also you translated aboriginal myths and legends;  
Chhian-bu Sen, and Japanese novels and poems;  
Chhian-bu Sen, you also wrote stories about the place, Ho'lo'Tun;  
Chhian-bu Sen, and translated memoirs about Japan's defeat in war.  
Chhian-bu Sen, Chhian-bu Sen, please keep writing, and I will keep reading.

(Trans. by V. T. S.)

# Sesame Greens

| Moâ-í<sup>n</sup>

Tiu<sup>n</sup>, Siok-chin

Its tender leaves so green  
Sesame is best picked in May  
Full of nutrients and so appetizing  
You won't get tired of it even after eating three bowls  
Picking its tender leaves, peel them well  
Then go over it carefully with a winnowing fork  
Add some anchovies and some yams  
It then becomes a thick soup

It's best eaten cold  
You can also put it in cookies or mochi  
And sesame popsicles are great too.  
You won't be able to stop at just one

While the plow shop is chopping up a pangolin  
Let's go to Tai Tiong to eat some sesame greens  
Sesame greens don't hurt the environment  
So enjoy it with praise and relish

(Trans. by V.T.S)

# Seabirds

## | 海鳥

Tō; Sìn-liông

Boats busily come and go  
Seabirds flying high and low  
I know they are trying to get a peek at  
The feelings of a sojourner which, whipped by the bitter wind  
Cannot be hidden.  
They are my eye witnesses.

I bow my head to thank God for this unusual experience  
Wanting to stick some leaves picked from the trembling tree to line my  
poem  
But, afraid to be too hasty,  
Decided to lay down my pen for a while

The Sun came up a little bit late today  
My mind had long woken up before then  
Maybe I should go back to my dreams  
Let the poem about my homeland settle a bit

Right after leaving the land I knew well  
Immediately I struggled to make a living.  
Drinking the unfamiliar water, breathing in the strange air

Caused me to blurt out strange utterances from my throat.  
It was not until I tried to sing, to cheer myself up  
That I realized at what the seabirds were laughing.

No mountains here  
But the rivers are so wide  
Indeed, they make me feel a little less homesick.  
Telling myself not to be obsessed when daydreaming.  
The ocean winds keep pushing my boat  
Time to go, but don't hurry.  
No matter where we land, our hearts are with that  
Island-shaped image, hanging somewhere in a corner of the world

One day, when my poem is ready  
I will ask the seabird to bring it to you.

(Trans. by V.T.S)



# Sàn-bùn

散文

# Essays



# Guarding Watermelons

顧西瓜

Khu, Bûn-sek

When summer comes, you often see people selling watermelons on roadside stands. Nowadays the watermelons are vastly improved, so much so that they are perfectly sweet and juicy, tasting wonderful and refreshing that you can't really complain about anything.

I still remember the days, when I was a child, when my family grew watermelons. Most of our field was for growing rice, but Dad would keep a part of the field free to plant some watermelons, to be eaten around June to slake our summer thirst.

Usually we started growing our watermelons after the winter-spring rice season, after we were done with the rice-planting. After the watermelons were planted, the first crop would be ready for picking right around the Dragon Boat Festival. Also right around that time, thieves would try to steal the big fruits. So Dad used to set up guard over them at night. He usually erected a simple shack near the watermelon patch for the purpose.

The job of guarding watermelons is really tedious; you have to be there right after supper, when the soil was still hot from the heat of the sun. And the field mosquitos would be humongous and vicious. If you had trouble staying in the shack, you would go out in the field to walk around and check on the melons. If you saw any melons that are not the right shaped or are too small, you brought them inside, to cut up and eat later.

There's a saying that "the pottery seller uses broken bowls," so the watermelon watchman ate the bad ones first. The nice big ones were for friends and neighbors. In the dark of the night, it's hard to tell how ripe the watermelons were, even when you thump on the rind with the back of your fingers. Like the crooked ones, if your fingers happened to thump on the ripe side, you would think the whole watermelon is sweet when it is not. Then when you cut it up to eat, you will discover the white, bland flesh that is tasteless, like eating a cucumber.

By the time you were done eating the watermelons in the shack, the ground has gotten cooler and there might be some breezes blowing. Then it was time to get inside the mosquito netting and read rhyme books. In the guard shack we always had some light bulbs strung up. Once the bulbs are turned on, Dad would start reading the rhyme books to me. Some of the more familiar ones, I remember, were Yellow Crane Tower, Sam Phek-Eng Tai (two tragic lovers' story), and many others. From those times I picked up some Taiwanese words, the heritage of my ancestors. If I hadn't, today my own culture would have been lost to me and I would be an ignorant ox in regard to Taiwanese.

When guarding watermelons you also had to get up in the middle of the night to make the rounds. We had a dog tied in front of the shack then, and it would bark if anything was going on. When the dog barked, we would have to get up right away, and with a flashlight in hand, go check on the patch. My father, a light sleeper, would get up all alert, but for me it was a struggle to open my eyes. Usually I would stay asleep at that time.

When times get hard, people's hearts also get hardened. People from outside of our village were coming in gangs to steal our

watermelons. They weren't afraid of you, just afraid of being caught. This is what people mean by "No one is worse than a thief." While we were afraid of the thieves, they were not afraid of us. So things were not easy. Gradually, Father got more and more reluctant to grow watermelons because he did not like the trouble of dealing with these hardened petty criminals. As a result, I had less and less chance to experience the country life through guarding watermelons. In the blink of an eye, it has already been some forty years. In the meantime, I have turned from a country boy into a city folk, someone who only knows how to eat, but not how to grow, a watermelon.

(Trans. by V.T.S)

# Family Burden

(An excerpt)

## 家後

Lí, Siok-cheng

After dinner, A-ki went packing. Then, calling out, “Bye Ma, I’m gone to my parents,” she rushed off, riding her motorscooter. Ever since A-ki married my son A-thoan, she has often gone back to her own parents. When my son came home and didn’t see his wife, he went off like a bomb: “Why didn’t you stop her?” I replied, tears coming down, “What right do I have as a mother-in-law? See, she’s had two kids now, I can’t say ‘no’ to her going back home. Honestly, she should have more sense as a daughter-in-law, not leave whenever she wants. Even if she stays at an inn, she still has to pay something. Am I just the cook here? Does anyone pay me any respect?”

His face showing irritation, A-thoan replied, “Alright, alright, you don’t have to go on and on repeating the same things, like a broken record player. It gets stale after a while.”

“So call me a bore; in a moment I am going to the temple next door to light a few incense sticks. You chose your wife; it’s too late to regret it now.” Wiping off my tears, I went into the kitchen to eat my rice. And saw that empty bowls, dirty chopsticks and spoons were scattered on the table. So my daughter-in-law had eaten before leaving. Times sure have changed. Now the younger generation don’t even call you when they eat, unlike in my time.

When I got to the temple, I lit three sticks of incense, and with tears in my eyes I knelt in front of the image of the Mother Goddess. I told her what’s in my heart. With bitterness, I thought of my own and

my mother's life, laboring hard our whole lives for the sake of our families. My mother had a stroke in the last few years of her life but now should be at peace with Buddha now.

I was born in an impoverished family in Peng Tong (Pingtung). My grandfather had two wives; my mother was the daughter of the second wife. Although my mother and her other siblings had the same father, our family was not treated well. Ever since I was born, my mother and I had to work by the sweat of our brows for our family. Father died in a traffic accident when he was fifty. To make a living, we grew some fruits. I was the oldest child. So after finishing elementary school, I helped taking care of my younger brothers. When fruits ripened, I helped Mother sell them by taking them around the village and the outskirts on our bicycles.

In the countryside, the income from selling produce was uncertain. So when I was seventeen, I went to work in constructions with another girl from my village. But I was short, thin, and weak, and the work almost broke my back. It was too heavy. Worried that if I broke my health I wouldn't be able to take care of my own family when I have children, I switched to work in a factory. The factory made bags. That's where I met my husband. He was the section leader in my work room. He knew how to draw designs, mix the dye, print out the designs, everything. He didn't smoke or drink, was responsible and hardworking. So it was considered a good match. We were working in the same company, had things to talk about, and understood each other. So we got married after six months of dating. Although he was the oldest son in his family, his mother had the control of the purse strings. After we got married, he still gave her all his salary. She only gave us NT. 10,000 for all our expenses. To feed three kids, see the doctor and pay school fees it wasn't enough. I had to come up with the rest somehow. So I worked, day and night, to save money for a business. I was an honest businesswoman and my customers trusted me. So my business prospered and in a few years I had made enough to buy land

and build houses. I gave each of my children a house and also saved some for my retirement so in the future I don't have to bother my children for money.

My husband was careful with money, good to his parents, spoke softly to people and often smiled. People thought he was easy to get along with. Although he was big and tall, and had karate and judo skills, (one stern look from him and one would tremble in their shoes), he was a softy underneath. Anytime his friends wanted to borrow money he would give them. In exchange he got a bunch of useless IOU's or checks that couldn't be deposited. Every time I thought of my hard-earned money and him so casual about lending it to people, I would have disagreement with him. Then he would get mad and throw me against the stairway by my hair. His mother had told him not to let his wife get the upper hand. She was a stingy one, my mother-in-law. I didn't even dare to eat anything from the refrigerator without her permission. Nevertheless, although she treated me badly, I still did my duty as a daughter-in-law and took good care of them until my father-in-law passed away at the age of one hundred.

I pinned my hopes on my children. After years of waiting and hoping, finally, Second Son was getting married. A-ki had come to our house one day with him and just stayed. She was born in the rural parts in southern Taiwan. Had medium height, dark skin, face like an aborigine, and liked to smile. She was probably an athlete as a student; she looked nimble of hands and feet. I thought she might be helpful around the house. After living with us for a while, we got to know each other's habits and thought there wouldn't be any problems. Anyway, as long as my son liked her, my husband and I had no objections. How could we have known that we had gotten ourselves bad in-laws?

Her family told us that her father was seriously ill, so they wanted the wedding to be performed quickly. We consented. On the night of the wedding, the bride heard someone say that she was a 'Heng Chhun Hoan', an aboriginal person from Heng Chhun, and this made her so



mad that she loudly called for a divorce right away. Since then she has behaved irresponsibly.

Times sure have changed. The moment she entered our household, my daughter-in-law has never gotten up before noon. She doesn't clean up around the house, goes out until 7 or 8, leaves bowls and chopsticks on the table when she finishes eating and plays with her computer all night. Then on weekends she goes back to her parents and stays overnight.

Every time I thought of my unhappy life -- being mistreated by my mother-in-law, never getting any good words from her, swallowing my bitterness -- I wondered why it happened. Did I deserve it because I had no dowry? Was I fated to marry my husband? Did I owe him from my previous life? If the debt was incurred in my previous life, let me pay off all of it in this life! All I hope for are for my children to have happy families, me not to be a nagging mother-in-law, and for them not to be as unhappy as I was.

My oldest and youngest sons had long time girlfriends, but they were told by the wife of the second that it is a bad idea to marry into our family; that the father-in-law controlled the money and makes all the decisions. So they decided not to marry my sons. It's been ten years. Both sons are nice-looking, earn good salaries, own their own homes, but still unmarried. I have no desire to pressure them; their life is their own, let them worry about their own future. I just want to retire and take good care of my own body.

Two desires I have, I told the Mother Goddess: let me grow old peacefully, not be a burden to my husband and children, and make the granddaughter my youngest son had out of wedlock to be properly given a place in our family one day. Those are my wishes. (The rest deleted)

(Trans. by V.T.S.)

# Waiting for Spring in the Pun Ki Lake

■ 糞箕湖春天 ê 等待

Ńg, Bûn-hông

As I walked down the stone steps and approached the village, several household dogs barked at me ferociously from the doorway of their dwellings. In front of me is a big dirty concrete ditch, giving off that horrid smell commonly associated with ditches. A Plumbeous water redstart hopping on the surface of the water, searching for food and ignored my presence.

The lake was messy and rotting; maybe its springtime had passed, or is waiting for its spring to come. Maybe that Plumbeous water redstart, like me, is looking for the spring of the Pun Ki Lake that hasn't come yet. Or it could be trying to eke out a living, like the people here, from the broken land and the forest.

I passed by about ten houses, then climbed up some stone steps leading to the front yard of a hotel. There, about seven or eight tour buses were standing ready, their engines revved up, about to head to other scenic spots. The whole parking lot was noisy with the sounds from chatting tourists to bus engines, the air foul from the smell of gasoline and car exhaust. You could barely breathe. As I made my way to the roadside, I saw a bunch of people, surrounding two police officers, excitedly discussing the theft of a car that took place the night

before. The officers took a hard look at me, probably thinking that I looked suspicious since I didn't have the look of a tourist, yet was hanging around the area.

Whether it's because I hadn't slept well the night before, or felt disappointed from not spotting the black-feathered pheasant this morning, or from the dismal state of the the lake, I began to feel listless and depressed. So I decided to get out of here.

Dragging an exhausted body, I walked along the driveway back towards where I stayed last night. Suddenly, when I happened to lift my head, I saw a sign on a telephone pole saying, 'Lake Be Encouraged'. Immediately a feeling of determination sprang in my heart, so instead of returning to my lodging, I kept walking on.

In a few minutes, I saw a narrow stone stairway next to the side of the driveway. It led to a wooden cabin on the top, where some flowers and vegetables were grown on one side, and the railroad tracks of Alishan were on the other side. Hovering, on top of a bunch of flowers in the garden was a black swallow butterfly.

In a few minutes I had climbed up the narrow stairway and gotten close to the butterfly. The butterfly had the distinctive, one-in-the-world double red half moon links at the tail of its wings. As the sun's rays hit its wings, the scales on the butterfly's wings shined golden green and golden blue, so brilliant that I kept still, not daring to move, in order to drink my eyes' fill of the beautiful sight. It was a rare, native Taiwanese papilio hoppo. The papilio hoppo wound its way among the flowers, unbelievably gracefully, sometimes floating higher, sometimes lower; sometimes moving to the right, sometimes to the left. Sometimes it came

near me, other times it drifted from me. On its wings the red circular bands interwove with the golden green and golden blue color, dazzling the eye, at the same time casting a spell on the onlooker. Time flowed slowly at that moment. All was quiet, not a sound did I detect. All that my senses were aware of was the sight before me, which seemed like a dream or an illusion.

All of a sudden, the papilio hoppo flew right at me, so close I can reach out and touch it, then it circled behind me, and came out from the other side of me. Afterwards it ascended and came to stop before my head, as if trying to look me in the eye. Seconds passed. Yet it stayed there, elegant and flamboyant. At that moment, a breeze came from the lake towards where we were, and the soft wind blew at the butterfly. Suddenly I smelled something sweet, like fragrant flowers, light and subtle and delicious. A feeling of bliss, contentment and happiness surrounded me. The next moment, the butterfly slowly retreated, flew over the train tracks and disappeared into the woods.

I slowly awoke from my dreamy state, feeling stupified, not sure whether I was sleeping or waking, whether I had just experienced something real or imagined. Finally, I climbed down the stone stairway and came to the driveway. It was absolutely quiet there. Not a single bus or soul was around, and the village beyond was also silent. The morning air, coming from the lake, was cool and refreshing. The warm sunlight was striking at the rippling green forests, and it was absolutely beautiful. Finally I walked back to my inn, picked up my backpack, and prepared to leave this place of legend, Pun Ki Lake in Spring Time.

(Trans. by V.T.S)

# The Snow Day

落雪記

Ngô, Chèng-jīm

‘The Twenty-four Solar Terms’ was the natural law developed over the centuries by people from long ago, by long-term observations of solar positions, climatic changes and agricultural activities to coordinate their relationship. In 2015, about ten days after the ‘Minor Cold’, then the ‘Major Cold’ arrived. In two weeks the semester was coming to a close. The scheduled activity, according to my syllabus, was ‘Traditional Taiwanese Proverbs’, so I made plans to teach my students three groups of traditional sayings. The first is a nursery rhyme about the months; the second is about the Winter Solstice and the third, a proverb, “When Major Cold is not cold, neither men nor horses are peaceful.”

Flipping through my calendar I saw that the ‘Major Cold’ falls on the 22nd of January this year, the day of the school ceremony commemorating the end of the semester. After explaining to my students the meaning of the traditional sayings I added that, if the weather turns out to be different from what our ancestors passed down according to their life experience, then we can blame it on global warming. In this life, in the world, whether it is something visible or invisible, the future cannot be seen clearly. To be honest, no one can predict the future, not to mention something as erratic as the weather.

It’s true that after the Minor Cold the weather got progressively colder. On the day of the Major Cold, there came a mighty cold mass.

Three days after, on January 23, the wind chill factor fell to below 10°C. According to the weather forecast, if the temperature continues to drop, the chance of snow on Taipeng Mountain is very high. On the first weekend after the start of the school vacation, vehicles jammed the mountain roads leading to snowed-on mountains, bringing kids and families eager to see the rare snow. On television screens one sees car after car waited at mountain passes for chains to be put on their tires so they can drive on the snowy ground. Everyone looked quite happy and busy.

In the past, astrologists named the position at which the Sun arrives at 255° Zodiac as ‘Major Snow’. This year, the ‘Continental high air pressure’ cold air mass brought a frigid seasonal wind down from the Siberia, and in a few short days the outdoor temperature, like a rollercoaster, had gone down to below 0°C. In subtropical Taiwan, the chance of seeing snow on plains comes about once in forty or fifty years, according to old folks. On January 26, a news report stated that the snow on Taipeng Mountain had already reached more than a foot high. The people up on the mountain were having an exciting time of it: adults and children ran, strolled, skipped, and chased each other on grounds that looked like covered in powdered sugar. People in groups were making snowmen, or people were scooping up snow in their hands to make snowballs to throw at each other and have a fight. No one seemed to feel the cold. However, if you are someone who is more sensitive to cold weather, you had better stay home, be indoors and try to imagine seeing that world of white through watching your television screens.

On the Internet, some netizens posted scientific facts about the snow. The posts included videos and graphics. The posts said that this powerful cold current(some people called it ‘Super Cold Current’) is caused by the Arctic Oscillation, originated by Arctic air that broke



through multiple barriers, headed south and brought powerful cold winds down. On January 23 that power was really felt in Taiwan as several high mountains became covered with snow.

Outside the window, it was still wet and cold, with the rain drizzling. I wondered what was going on the plains while the high mountains are being covered with snow? So, putting on a light raincoat, I headed toward the mountainside on a motor scooter. On some farmers' fields I saw something white on top of crops. From a distance it looked like that snow had also fallen on plains. But upon closer inspection, I saw that what looked like snow from a distance were actually plastic sheets covering the melons planted by Taisugar Company, to protect them from the elements. From a distance, the sight looked like an endless sea of snow concealing the ground underneath.

Passing some mountain villages, I came upon a group of mahogany trees, the leaves still very green. For some ten years, the leaves of this kind of tree would not become shriveled up until March. Felt a little surprised. When I got home, although my head didn't pick up any snowflakes, still, my nose and ears got red from the cold.

However, going out on a dark cold day, I was inspired to come up with a whimsical piece — something literary for a snowy day. Thus the “Dialogue between the Wind and the Mahogany”: ‘....The Season passed /Wind: Why are you falling off the branches? /Mahogany: Because my leaves are getting yellow, I need a new dress, grow new buds. /Wind: For what purpose?/ Mahogany: To nurture others! /Wind: It should be in fall that leaves fall!/Mahogany:Could it be that spring isn't following the Law? / Mahogany: Just let it be ! /If not, let's ask spring! (At that moment, spring tries to sneak by, on tiptoes, mouth curved and secretly smiling...Ahh! No words spoken by spring.)

(Trans. by V. T. S.)

# Backyard Woods

## 後埕 ê 樹林

Ô; Bîn-siông

Since coming back to Murrysville from Taiwan in late April, it has been three weeks; it is early May and spring evening time in Murrysville. Three deer stand on the slope of the lawn in the backyard; their mouths move diligently.

In May, the new grass is indeed tender. Although the deer eat the grass very attentively, still their heads turn back and forth, and their ears also twitch left and right, gathering the information around them. They are surrounded by maple trees each standing straightly up, just recovered from the cold of winter; their branches sprouting new leaves and maple seeds. The leaves remain light green with yellow, and still far from the extent of dark green. Far in the southwest corner of the backyard is a dogwood shrub; in front of it is a vine hanging from the sky towards the ground. Suddenly, as if pulled by Tarzan's arms, the vine begins to shake, swinging back and forth in front of the snowy white flowers of dogwood. By the kitchen window, I see a pair of maple seed wings like propellers turning in a spiral; they are falling like a helicopter to land.

Evening in the backyard, the god of sleep seems to dominate the masses of trees. It seems, they don't care that deer, vine and maple seeds do not follow the rules of silence and stillness. From the trunk to

the branches of the trees, from the branches to the butterfly-like gentle leaves, the trees are all in their place; tens of thousands of maple leaves seem to take it to heart to keep their "model-soldier" posture of standing still; though, sometimes, there are maple seeds of weak will, being affected by gravity, propeller-like oars row across transparent sea of air. Like in hot weather, among the ranks in the military parade, occasionally some people also barely hold themselves, secretly pick their itching nose, or faint, and with a loud sound the whole body hits the ground squarely.

In the whole backyard, all the trees appear situating themselves in a hurricane's eye, and preparing to face off the storm. Basically, the trees with deep black trunks take over the backyard one by one. They are standing there orderly and motionless, silent without words; in an atmosphere of contemplation, in a posture of research, and in a manner of waiting for an order.

Either in the evening or before early morning sunlight, the trees occasionally create this kind of spectacle.

The woods creates a landscape in "space" that extends through "time" to form an atmosphere in the space-time coordinates; be it long or short, each time it offers me a chance to observe, it gives me a miraculous feeling that the trees, the branches and the leaves are frozen in the four dimensional coordinates of space and time.

For example, this evening, even the honeysuckle on the top of the fence, its hundreds of vine and thousands of leaf also keep a fixed

posture caused by electromagnetic force; they all dare not make a noise. The wind is also very delicate, yielding to the will of all leaves. This backyard woods landscape is rendering space and time into one whole; it is truly a mighty force in a motionless posture waiting for someone to issue the attack order.

In Taiwan, political storms occur from time to time. Some say: “Politics is an art.” In reality, that is nothing but a politician’s skills to do anything they want in the storm for the interests of themselves. Since 2000, in Taiwan’s politics, many political storms were created by the opposition who campaigned and lost repeatedly and yet didn’t have courage to accept it, and there have been a number of members of the ruling party, who are also interested in creating storm in their own bullpen and then do anything they want solely to maintain the private interests of themselves and their factions, completely ignoring the people’s life and death. So, do not point your fingers laughing this side or that side is not calm enough under crisis, or behaving like the pot calling the kettle black.

Backyard wonders of the woods enabled me a different understanding, it also caused me to think: “Only the statesmen have skills to calmly face the storm, to form a capacity within the storm eye, to endure loneliness, to face confusion and to seize the nature of the problem, and furthermore have the ability to deal with.”

Published in “Taiwanese Literature Battlefield” No.3, 2006.7.

# An Introduction to the book, **The Man Who Looked Forward to Tomorrow: Ong Iok-lim, the Prosecutor Who Disappeared During the February 28 Massacre**

介紹這本冊《期待明日的人：二二八消失的檢察官王育霖》

Ông , Khek-hiông

I have thought about turning my parents' heartbreaking story into a book for several years now. My father, Ong, Iok-lim, graduated from the Imperial University in Tokyo, and was the first Taiwanese person to be a public prosecutor, but he lived an extremely short life. During the February 28 Massacre, he was taken and killed, without a trial, by the Chinese Nationalist Party (hereby known as KMT) and his body dumped. The book contains some sixty pages of my father's journal entries and personal writing. From them one senses that, although his life was short, it was well-lived, full of meaning, events and contributions to society. It was a life worthy of admiration for future generations.

The book is called *The Man Who Looked Forward to Tomorrow: Ong Iok-lim, the Prosecutor Who Disappeared during the February 28 Massacre*, the title taken from one of my father's essays. It was a very touching and inspiring essay. It described my father's thoughts while he was resting at home trying to recover from tuberculosis. At that time, he had just lost his mother and was forced to stay home from school.

He didn't know if he will eventually get well or not, and felt ashamed of not continuing with school as his classmates. His family was a big, traditional family with complicated relationships. No one cared for him, so he felt utterly bereft and lonely without his beloved mother. Life seemed hopeless and he would like nothing better than to take his own life and follow his own mother to wherever she is. But, he continued, he realized that "What Mommy really wants, is not to kill oneself, but to challenge and defeat the crooked system that pushed her to the edge. Yes, I am going to study really hard, become someone great.... I no longer care about what other people thought of me, or their jealousy or their coldness. What I care about is tomorrow's bright future."

Again and again he told my mother: "A person does not bow down to one's circumstances, but must struggle to overcome life's difficulties." My father was a very strong-willed man, and the path he chose was: "Justice! Strength! Bring happiness to everyone!"

In the book I include a scholarly article, "A Close Study of Traditional Taiwanese Songs", which systematically analyzed Taiwanese poems and songs. Written in Japanese, I especially asked Dr. Le-kun Tan, professor of Taiwanese literature at National Cheng Kung University, to translate it authoritatively into Taiwanese to show the beauty of Taiwanese songs. When Father was taken away by the authority, someone told Mother that if there were any books on communism or letters written to anyone Japanese, they had better be destroyed otherwise the KMT would use them as incriminating evidence against Father. Since Mother had no time to go through the contents of each book and letter to tell whether they would be suspicious or not, she spent several days and nights burning all of them, leaving very few behind. If they weren't all burned, there would be more scholarly articles left written by my father. This incident also shows the horror of KMT's rule in those days.

After my father was tortured at the hands of the military and secret police, he was probably shot to death and hastily buried. Although he

suffered excruciating pain, it was, at the end, of short duration. For my mother, her suffering lasted for days, months, even years. Imagine and gently reared young lady, every day at dusk, carrying a three-month-old baby on her back and holding a two-and-a half-year-old in her hand, going out to wherever there were unidentified corpses, to look for and identify her dead husband. Such pathetic scenes can hardly be imagined. At that time she dreamed of my father often, but the dreams never lasted very long, leaving her disappointed and fearful. A widow often lives for the sake of her children. My mother knew about the murder of Tiu<sup>n</sup> Chhit-long, a physician, and his two sons, also medical doctors. She worried that the KMT would also take us away and kill us. For this reason she had nightmares involving ghosts who kidnapped us. So at night, she would hold us tightly and not dare to fall asleep completely. Every time she fell asleep, the ghosts would come. When my father's brother, uncle Iok-tek joined independence movement causes in Japan, she became worried too. Liau bun-ge, a leader in the independence movement organization Republic of Taiwan, was forced by the KMT to return to Taiwan from Japan and surrender because his relatives had been arrested, and Mother worried that the same thing would happen to us, that one day we would be taken as hostages for what our relatives are doing. The late Professor Tiu<sup>n</sup> iam-hian had interviewed me and my mother at length, and the interview was written up by Ms. O`Hui-leng into a very emotion-filled and moving piece of oral history. If I were to start over and write a story about my mother, it might be an even better book. This oral history account is in the book *The February 28 of Lam Kang, Taipak*, and is published by Ngo`Sam-lian Taiwan Historical Data Foundation. I have been given permission by the publisher, Ngo`Chhiu-bin, M.D., to reprint that piece in this book.

My father was a kind-hearted person; at the same time he was intolerant of evil deeds or bad people. In the chapter about his journal, it accounted three big cases that he took up as the prosecutor of Sin Tek City. One, the smuggling case of a shipping company. He went and dug up all the evidence of goods being smuggled, and put seven or eight people in prison. This made the local people very happy. However, the



profiteers begged a classmate of Father's from elementary school, a Mr. Ko, to go to our house and give a bribe to my father. As soon as Father saw his friend taking out a big envelope full of money, he loudly rebuked him and told him to leave immediately. Two, the case of the corrupt police. Three police officers in charge of the Sin Tek section of the national railroad were reported as being corrupt, and Father filed a public prosecution case against them. Enraged, the three took their guns to Father and wanted to kill him. Father was utterly unmoved and unafraid. Three, the case of the misconduct of the Mayor of Sin Tek. Mayor Kuo was an army corporal and backed by high-level officials. But Father did not yield to pressure from his superiors to overlook the mayor's corrupt behavior, thinking that corrupt officials must be held accountable. At the end, Father was forced to resign from his prosecutor job. Two letters written by Father and kept by his American English teacher, Mr. George Kerr, gave some impression of the situation at that time. On September 18, 1946, Father wrote, "I insisted that the judiciary branch must be independent,....Aggressively prosecute those who have committed crimes and the officials who did wrong. I was opposed by my superiors who held the power. However, the Taiwanese are very supportive of me. Finally I was forced to resign, but I don't regret what I did, because I tried my best." Father was truly an admirable 'iron-faced prosecutor.'

In recent years many that care about Taiwan's future are loudly calling for judicial reforms. Did you know, Dear Reader, that my father started to demand such reforms seventy years ago? On the Bin Po (People's Daily) newspaper he wrote editorials and commentaries on the judiciary procedures. He insisted that the judicial system must be independent from the government, that judges must stand firm in upholding the law, respecting the law and upholding the freedom of speech. When he saw that the military police were frequently arresting people illegally, he wrote 'An Explanation on the Arrest and Trial Legal Procedure', to remind the people that they have the right to request the court to transfer those who had been taken into custody by the military police to hand them to the court system after 24 hours, not keep them in police custody, and that the military police must obey such requests. At

that time, my father and a bunch of legal professionals were planning an island-wide conference to discuss the judicial problems in Taiwan, hoping to come up with some consensus to make demands on the KMT government. Mainly, to stop interfering with the work of those who work in the judicial system or for the courts. Due to such an appeal, a five-day government-led conference, starting on December 22, 1946, was held. Unfortunately, nothing came of it, especially the central problem of government interference. Moreover, Father became a thorn on the side of the KMT, and as a result they found excuses to take him away and kill him during the February 28 Massacre.

In 2016 when Tsai In-wen was elected President of Taiwan, she made a promise to have the report on Taiwan's transitional justice done in three years. The report will thoroughly investigate the massacre and publicize the truth. When the massacre happened, Lian Chen-tung, Huang Chao-chin, Yo Mi-chien, Liu Chi-kuang, and Lin Ting-li gathered a list of some two hundred leaders and intellectuals in Taiwanese society, handed it to the Commander-in-Chief of Taiwan Chen Yi, who instructed heads of the military police and the Military Bureau to arrest, kill and dispose of bodies of these society leaders. To investigate this massive murder case is the most important task of transitional justice. Time has certainly passed quickly. The seventieth anniversary of the February 28 Massacre is upon us. Yet the truth about the killing of Taiwan's local leaders and intellectuals is still being suppressed and denied. Hopefully the publication of this book can give a push to the accomplishment of transitional justice.

When I started to write this book, I was worried that there wouldn't be enough material to work with. But after I started to collect information about my father and organize the stories Mother told us, it turned out that there is quite a lot of material to work with. For this book, I have tried to choose the most interesting ones to put in it.

(Trans. by V. T. S.)

# My Home Companions

互相做伴 ê 「厝內人」

Tân, Hong-hūi

I have two adopted ‘daughters’, one twelve years old, named Becca, and the other ten, named Baby. The two of them are as different as night and day. Becca, the older, is very active, always moving around, stretching, jumping, one minute running here and there and the next minute up and down; she is seldom still. Baby, on the other hand, despite being the younger, spends much of her time lying in front of the window, looking out, or sleeping – so her belly is quite big!

Becca, who loves doing exercise, is quite attached to me, and always protests when I am about to go out, and will continue to complain until I am at least a block away from the house. Even then, I can hear her yowling. When I come home, as soon as I am a few steps from the door she will sense my approach and makes a big show of welcome, demonstrating her gladness to see me. At home, she will try to sit next to me and sometimes touch my arm or lean against me. She seems to feel more secure that way. At bedtime, as soon as I come into the room she will run towards the bed and jump into it, either to lie next to my pillow or at the foot of the bed next to my feet. There she will stay until the next morning.

As for Baby, although she is not as demonstrative, she will still find something that belongs to me, like my satchel or some piece of clothing with my smell, and lie on it. Very interestingly, she always answers when you call her name. As many times as you call her name, she will answer.

Actually the two of them are both very attached to me, but in their different ways. And in the beginning they got along very well, too, until one time, when Baby had to go stay in the hospital for a month. After her return to our household, Becca no longer allowed her to come near her, as if she didn't recognize her anymore.

At this point, do you sense something odd about what I am saying?

Well, the thing is, my 'daughters' are my two cats!

Becca is actually Taiwanese for 'white feet', and Baby Taiwanese for 'white nose.' Both are the kind of cat that many Taiwanese traditionally avoid, the kind of cat with white paws. This is especially true for Baby, who is a true white-footed black cat. The reason I decided to adopt her from the animal hospital is, because no one showed any interest in adopting her after being on a adoption poster for three months. The vet told me that Baby had been abandoned right after she was born, and was found and brought to the hospital by a kind passerby. At first they were worried that she would not survive, but gradually she got better and became healthy. When I first met her, she was really tiny, with a V-shaped pattern on her chest, kind of like a Formosa black bear, and herribone patterns on her stomach, small tufts of white hair near her nose and mouth, white paws, and the rest of her black. She looked really adorable, and as I was looking for a companion for Becca, I decided to adopt her.

Both Becca and Baby are my faithful companions; they live with me as my family. I really treasure their presence and the chance to be with them. On the other hand, I am sad to see the many other homeless cats and dogs roaming the streets outside, reminding me of the homeless people I see. Animal protection groups advocate TNR (Trap-Neuter-Return) (or CNR, Catch Neuter Return), which I fully

agree with. Being the ones that have access to most of the resources on earth, we humans should do our best to care for other animals. When we want to get a pet, we should first try to adopt one before buying one. We shouldn't abandon any pets of ours under any circumstance, because they have emotions just like us, they can feel happiness and sadness, just us.

People and animals, we are all one family; we should treasure all life. Living together, let's spread love to the world; and there will naturally be peace on earth.

(Trans. by V.T.S)

# The Five Kilometers Road

## 5 公里 ê 山路

Tiu<sup>n</sup>, Giòk-phêng

On Friday afternoon, when I went to pick up A-ú from his school, he asked me in the car, “Mama, do I have a holiday next week, the kind that you get just by telling the teacher?” I couldn’t understand what he meant immediately, so I asked him, “What is a ‘holiday that you get just by telling the teacher’?” He answered, “Like the one on Monday, when I had a cold and a fever, and you called the teacher so I could stay home, like that kind.” His answer made me smile, but I explained, “That is called an Excused Absence, not a holiday! Anyway, Mama has no way of knowing whether you will get another day like that next week. I really hope not. How about you? Would you rather get sick and stay home, or go to school?” A-ú immediately answered, “I want to stay home.”

So kids are like that – they would rather be sick so they could stay home and goof off, than do work. This exchange made me think of my own school days, when I was little. Sometimes the mountain road leading from our home to school would become blocked due to landslides; other times my teacher had to bring me home because I developed a fever in school. That time, the road was so winding that Mr. Lin got dizzy from making all the turns. Another time, we had some great time picking fruits from a roadside tree. Or there was that time when we knocked down mangoes from a tree with some rocks... Oh, suddenly I could see that road, going from my house to the school, in my mind.

I can’t remember who it was that told me that the distance of that road, going from my house to the main road, was five kilometers long.

If I walked further, to my classmate's house and took the back road from their orchard, by sliding down the hills we could get to school in 45 minutes. Otherwise walking normally took at least an hour. When I was little, all five of us children went to school on foot. My oldest sister walked to school for all six grades of her elementary school. I, the youngest, walked only two years. Going to school on foot had its fun moments, not the least by helping me become fleet-footed enough to take home first prizes in school running races.

At that time about seven kids lived on the same block in my neighborhood, and all of us would walk to school together. One day, somebody suggested that we choose two people to carry everyone's book bags. We found a bamboo pole and looped all the bags onto the pole. Then, playing paper-scissors-rock, the two that lost the most times had to carry the pole. These two kids, one on each side of the pole, carried it for ten blocks, then all of us play paper-scissors-rock again to choose the next pair of coolies, while the rest got to have an easy time of it. While we younger kids walked, my third oldest sister would use a thin stick to keep everyone in line, so no one wandered off or fell behind. That way we all got home at the same time.

Although walking and passing the time that way was kind of fun, I can't deny that it sometimes got tiring, too. So we were always glad to find someone who could give us a lift. But the chances that a vehicle came by that was big enough to take all five of us, were small. So in my memory, we only got a lift twice during those years. One of those times was a farmer driving a flat-bed truck, carrying some cement tubes to a farm. We all sat on top of the cement tubes, rocking all the way. It was pretty exciting! The second and last time was on a pickup truck driven by a man we kind of knew, who lived not far from our village. Although the truck went slowly, we didn't mind. At least it was better than walking in the middle of a hot summer afternoon! That man had a son whom we sometimes played video games with, so we had no reason

to suspect him. In a little while, the man told us that he was going to take a different route. We smiled and told him it was okay with us. And then, after two hours and still not seeing anything familiar, we started to get nervous. Normally by this time we would have been home already. My oldest brother and oldest sister were getting frantic and kept asking when we are arriving. And me, I was on the verge of tears! Fortunately, in a quarter of an hour we got to our village. As soon as the truck stopped, we all jumped down and ran home like mad. As soon as we got to the entrance our house, we saw Grandma waiting in front, a bamboo broom in her hand. All of us got a good whipping from Grandma; the older you are, the worse you were spanked. It was really horrible! Since then, we dared not get a ride from other people anymore.

In a few years, our older sisters and brothers started junior high and high school, and could ride motorbikes to school. They were able to bring us, the younger siblings, to school, so going to school became much easier. Traveling those five kilometers' road became a time for looking at the scenery while singing some tunes on the motorbike. Ah! It's been a long time since I've been back. The next time I go, I will make sure to tell my son about the way I went to school, about the road lined with banana plants, betel nut trees, plum and maple trees and bamboo groves, a natural jigsaw puzzle made up of different shades of vivid green.

(Trans. by V. T. S.)



# My Ma

(An excerpt)

## Goán A-mah

Tiu<sup>n</sup>, Hók-chû ( Babuza Chû )

Among my siblings and I, we use an expression slightly different from other people's way of calling their mothers. We called our mom "A-mah." Sometimes if it is said a little loudly or a little fast, it changed from the 4th tone to the second tone, and "a-mah" becomes "a-má (Grandma)!" Then, our neighbors would laugh at us, saying that we have turned our mom into an old lady. In my recollection, we were often teased by others for this. Even more unusual, our aunts who live in Khe-ô' call their mother 'a-i (Auntie).' People say that's how the Pê<sup>n</sup>-po' (lowland aborigines) people call their mothers.

Well, our mother is no longer with us. Hasn't been for twenty-one years. Every time I think of her, I get a little pain in my heart, a little sad. As if my heart has sunk to the bottom, the bottom of a bottomless pit, to a region of darkness and gloom.

Ma was born in Tâi-chhoan Township, in Chiang-hòa County, central Taiwan. The locals call the place Tōa-chng (Big House). She had very little education; as far as I know, Ma only had one year of night school, and I doubt that she even learned anything in that one year of school. She told me that their teacher, in one week, taught them one Japanese word, HA-NAH, meaning "flower." She was only able to write her name and Pa's name. As for writing our, the children's names, she had a hard time. In those needy times, especially in the poor countryside, being uneducated was quite common. Actually, you were considered lucky if

you had enough to eat. Going to school was out of the question, especially for girls. In those days of ‘Males are the most important’ mentality, and working in the fields still common, women were quite insignificant.

( Next paragraph omitted )

From the time that she was a young girl, Ma had a tough life. From the age of 5 or 6 she started cooking rice for her family. Imagine, if you’ve never seen the old-style stove of an earlier age, a little girl, five or six years old, standing beside a tall stove. She was hardly tall enough to see the top of the stove, not to mention the pot on it. How to compensate for the lack of height? Well, she got herself a stool to stand on, that’s how! Besides making rice, she also had to wash everyone’s clothes, feed pigs, sweep and clean the entire house. When needed, she also had to go into the rice paddy to pull out weeds or carry food to the others. For the heavier jobs, like carrying fertilizer on your shoulders using a pole and two buckets (the buckets contain human feces and urine), my uncle did them. How my mother passed her teenage years, I have no idea. At age 24, she married my father and came to live with his family. Her life didn’t get better. From then on, she had to take care of his five younger siblings – one sister and four brothers. There had been five brothers, but Uncle Ban-ê was given to another family to raise very early. Same kinds of work she did as when she was unmarried– cooking rice, doing laundry, cleaning the house, working on the field, now plus watching over her younger in-laws. Then Pa set up a rice mill – the kind that had a machine that separates rice hulls from rice kernels – and Ma had more work to do, but I don’t know the details since Ma never mentioned anything about the mill. Anyway, you cannot imagine how busy she was – a small woman, responsible for: taking care of her mother- and father-in-law, her brothers- and sister-in-law, all the housework, some field work, and now the rice mill. In fact she never had a free moment. However, this busy but still nourishing life soon came to an end. Dad got what Ma called an ‘itchy butt,’ and went into peanut oil-making. He opened a factory, failed, lost a lot of money,

and was clapped up in jail for owing too much money. He even sold the bedroom linen-and-quilt set Ma's family gave her when she got married to get money! When I was five, the family moved to Tiong-liâu Township, Lâm-tâu County, from our homestead in Po-sim Township, Chiang-hòa County. Tiong-liâu Township was the site of the big earthquake in 1999. Hence our lives became harder.

After we moved to Tiong-liâu, we bought some acres of hilly land and flooded fields to work in. I have no idea how much land we had. I just remembered that we had endless work to do every day. On the hilly land, we planted cassavas, pineapples, longans, and bamboo. On the flooded fields we had water rice. In addition we planted some vegetables in smaller plots of land. Growing things on hilly land is really arduous work; you suffer from hot winds, sun, and pouring rain. Rural folks had no shoes to wear, so the work was done barefooted. The bottoms of our feet were often cut by spiky grass until blood dripped. We wore chháu-leh-á (a hat with a cone center made from bamboo) when we were out, and wrapped our faces with scarfs. But no matter how we protected our faces from the elements, after one whole day of working in the field, our faces invariably turned dark, our bodies full of grime from the weeds. There were also snakes and bees that would bite or sting us. The king ratsnakes smell pretty bad, and wasps are vicious! So farming is really not easy. Plowing (in those days we had no machinery for plowing, you had to drive oxens), rice planting, weeding, fertilizing, rice-cutting and finally drying out rice stalks, are all back-breaking work. I still remember, one time, I became so exhausted that I was unable to climb into bed. (Rural bamboo beds were quite high, as high as those tall stoves, possibly to prevent creatures such as snakes from getting at us.) We also kept lots of chickens and ducks, plus a few pigs. To feed the pigs sweet potatoes, chopped potatoe leaves and leftover scraps and to clean out pigpens were our daily chores. Ma did these things from early morning to sun down. In our third year in Lâm-tâu, whether from overwork or malnutrition, one day Ma just couldn't get up from her bed. She was also pregnant with our fifth brother at that time. No one thought

there's any hope. I was seven then, a stupid, simple country boy who didn't know enough to worry. I hardly remember anything about that time, except that Ma was so weak that it got to a point where she was put on a board and placed in the parlor, to be carried out for burying. Fortunately, somehow she began to recover, and eventually gave birth to a healthy boy, our fifth brother. Hearing the older folks tell it, they all expected the baby to be born somewhat halfwitted—with Ma in such condition, the baby would probably have something wrong with it, they thought. As it turned out, not only was the boy smart, he also became the most handsome one among us. The only thing he lacked was height, being quite short, but it kept him from having to serve in the military. He is now a Chinese medical doctor. The year after Fifth Brother was born, our family moved to Taipei, and I started a new stage of my life.

In Taipei Ma's life didn't get better. Father would 'try ten things, fail nine of them. The quicker he tried, the quicker he failed!' according to Ma's opinion. They went to acquire vegetables for selling. To do that, you had to walk for two hours on unpaved roads, still on barefoot, to the Central Market in the city to get vegetables from the producers. Every time we started, it would be dark and by the time we got there it was light already. We did this no matter how the weather was—windy or rainy. There were so many mouths to feed, at first three boys and two girls, later on two more boys. The expenses were enormous! In desperation, Ma took in people's laundry to wash, sold betel nuts, and borrowed things from anyone and everyone: money, rice, tools, even the big metal tub for bathing... The only thing she didn't need to borrow were husbands and children!

It was no surprise that, with such a difficult life, our Ma became struck down with a serious illness, and became bedridden at age 48, never to get up again! (The rest deleted)

--written Mar. 30, 2001  
(Trans. by V. T. S.)



**Siáu-soat** 小說  
Fiction

# The Princess of Hyatt

## 愷悅公主

Ngô, Kéng-jū (Tân Lûi)

“ONE MILLION! One Million! One Million dollars!” Screamed Hong-ah, arms raised high as if making the Long Live Somebody gesture. “YES! YES! ONE MILLION DOLLARS!” Chun-ah cried with her, arms going around her and swinging her excitedly in a circle. But Chun-ah, being rather puny, and Hong-ah big rather large, they were, for a moment, in danger of toppling over. To be honest, the amount was actually 990,000, including the second time. Shouting ‘One Million’ was just for the heck of it.

“Say! Let’s go get you some new clothes at Soho! Pick whatever you like, as many as you like!” Chun-ah showered kisses on Hong-ah while kneeling in front of her, making Hong-ah ticklish and laugh. The money was like ghost money, scattering all over the floor in bunches. “Ten, twenty, thirty thousand...” Everywhere, on the floor.

“Look, Chun-ah!” Cried Hong-ah, pointing to the T.V. screen. “Look! That’s you! There!” Surprised, Chun turned his head and dropped his hands from Hong-ah’s waist. “This just in – a robbery was committed this afternoon at the Tienmu branch of Yushan Bank...” A clip of the robbery video was shown. “Suspect is a man in his 20’s, 155 cm tall, with a mole on the tip of his nose.”

Shit, didn’t he check out that bank several times before the job and saw no surveillance cameras? So where were his images taken? Scared now, Chun-ah hurriedly stuffed all the money into a gym bag, zipped it up and slapped on a motorcycle helmet on his head, then rode to Hong-ah’s mother’s house to hide.

Not until the next day did he take Hong-ah shopping. Scared to be recognized, Chun-ah kept his helmet on and stopped at the curb in front of the department store. He told Hong-ah to go in by herself. "I'll be here waiting for you." With her purse on her arm, Hong-ah went into the store. Two-and-a-half hours and five floors later, she came back out, three large shopping bags on her side.

First she showed Chun-ah a black floor-length gown with fancy gold flower embroidery. Then she showed him a frothy white dress with a short, short miniskirt. Next she stripped down and wore a see-through pink nightie with a tiny lacy panty underneath. "Look! The Princess Hyatt, Tan Kin-hong!" She almost sprained her ankle while turning with 3-inch heels on her feet. Chun-ah got so inflamed watching her that he began to paw her here and there. Hong-ah stopped him. "You said, once we strike it rich, you'll take me to stay at the Hyatt Hotel, in the Princess Suite."

"Okay, okay, tomorrow we'll go." He went back to trying to get his hands on Hong-ah, but she pushed his hands away. No matter how he begged or cajoled her, she said, "Not until tomorrow." Then she began to collect the scattered clothes on the floor.

For the next few days, there was not much news, so the Yushan Bank robbery was reported again and again on T.V. Each time, Chun-ah's face, with the mole on the tip of his nose, appeared. The mole was clearly visible from every angle. "How can I show my face outside?" Chun-ah thought. He was still hiding in Hong-ah's mother's place. Going to the Hyatt was impossible. For three weeks, all he dared to do was bringing Hong-ah to work on his motor scooter, his helmet strapping tightly to his head, hiding his face. He stayed inside during the day, and at night Hong-ah tortured him by dressing provocatively, smiling flirtatiously and winking at him, saying, "The Princess Hyatt,



Tan Kim-hong.” And still refusing to let him touch any part of her.

Thus Chun-ah endured for weeks, having been deprived and starved of his lust for her. And then one day, that horrific incident took place at the Ho Ping Hospital. The SARS (Severe Acute Respiratory Syndrome) became an epidemic in Taipei. Overnight, on television, Chun-ah saw people everywhere wearing masks on their faces, on the streets, in stores and places of work, everywhere. He suddenly got an idea. Jumping up, he called to Kim-hong, “Hong-ah, let’s go to the Hyatt.”

Putting an N95 mask on his face, plus a piece of gauze for extra coverage, Chun-ah’s face was almost all covered up except for his eyes and ears. Riding his scooter to the Soho Department Store, he parked and went inside nonchalantly. He bought for himself a sea-blue suit, a white shirt with gold buttons, an Italian silk tie, and pointed-toed black leather shoes.

After the two of them finished dressing up, they looked not half bad, like some minor stars. Though not as handsome as Hollywood actor Gary Cooper, Chun-ah could pass for Ko Chun-hsiung, the youthful-looking Chinese actor. Though she didn’t have the air of a Grace Kelly, Hong-ah somewhat resembled that adult actress, famous for her generous curves, Hsiao-tan. With N95 masks on their faces, the two of them arrived in style at the Hyatt Hotel in a taxi.

While they were staying in the Princess Suite in the Hyatt, they ate and drank like royalty. For food they had creamy, butter-drenched French food, eaten with forks and knives; for drink they had golden-colored, honey-sweet champagne that bubbled luxuriously, drank from glasses that clanked melodiously. Over Hong’s body was a semi-transparent net-and-lace night gown, which looked shimmery and slinky. More often than not they caressed each other while both



were naked. The bed they slept on was a queen-size, ultra-soft, ultra-springy bed with mosquito netting. They felt so heavenly in their suite that they hardly slept during those two nights.

The whole time they were there, they used room service and never stepped outside the door of their room. On the day that they were leaving, the concierge stood at attention at the entrance of the hotel. Dressed in a red velvet jacket with gold trims and a tall hat, the man bowed deeply to them, saying in English, “Thank you,” Then in Chinese: “Thank you for staying.” Chun-ah stopped a moment, approaching the man with a bill in his hand. Handing the bill to the concierge, he said in English: “Very good.” The man bowed again, then raising his hand, waved a taxi over for them.

On their way home, the two of them were so giddy they laughed all the way there. At the entrance of their lane, two policemen were standing guard, wearing guns, bullet-proof vests, and masks. The police officers held up their hands to stop them from going in. “This area is closed.”

“Oh, what’s matter?” Hong asked, all innocent.

“Someone’s being arrested inside.”

“Really? Who?” Still pretending to be innocent.

“Bank robber, armed and dangerous.”

“My God, that’s scary!” So saying, the two of them quickly got away.

The next Monday, Chun-ah brought Hong-ah to the front entrance of the Hyatt Hotel. At that moment, a foreign couple came out of the hotel hand in hand. The man had a shaved head and earrings, and the woman jeans and a cropped top that exposed her navel. The red velvet-wearing concierge was there again,

bowing to the couple. He said, “Thank you! Come again.” But the couple didn’t seem to notice him, being too busy kissing each other goodbye.

Hong-ah went in through the employee entrance. Today, as part of her regular work routine, she cleaned the guest rooms, sweeping and picking up and wiping until 10 O’clock at night. The whole day, while she worked, she had a smile on her face. While doing the Princess Suite, Hong-ah touched the oh-so-bouncy, soft bed, saying to herself, “The Princess Hyatt, Tan Kim-hong...Nothing unusual.”

(Trans. by V.T.S)



**Part II**  
Taiwanese Version

# Gí-giân chhek-giām hām tùi-gōa Tâi-gí / Oát-lâm-gí kàu-hák

## Language Proficiency Tests and Teaching Vietnamese / Taiwanese to Foreigners

Chiú<sup>n</sup>, Úi-bûn (蔣為文)

Tâi-seng, lán beh kám-siā lâi chū Oát-lâm, Jit-pún, Bí-kok, Ò-chiu, Hoat-kok, Tek-kok, Eng-kok, Tiong-kok, Tâi-oân kah sè-kài ták só-chāi ê hák-chiá kap lâi-pin, in-ūi ū ták-ê ê chi-chhî chiah ē-tàng hō`chit piàn ê hōe-gī sūn-lī oân-boán kap sêng-kong!

Beh chhim-jip jīn-bat 1 ê bîn-chók, tō ài hák-sip in ê gí-giân. In-ūi kè-chhōa, ùi Tang-lâm-A sóa lâi Tâi-oân tòa ê sin-î-bîn lú lâi lú chē. Tang-lâm-A ê gí-bûn tī Tâi-oân mā lú lâi lú siū tiōh tiōng-sī. Chhiū<sup>n</sup> kóng, Kàu-iók-pō`í-keng kā Tang-lâm-A gí-bûn ùi 2018 nī khai-sí liat jip kok-hāu ê cheng-sek soán-siu khò-têng. Tī sin-î-bîn tong-tiong, lâi chū Oát-lâm ê Oát-hiong-jīn (越鄉人) chiām siōng chē. Só-í, Oát-lâm-ōe tī hák-hāu ê khui-khò sò-liōng mā siōng chē. Sui-bóng sī án-ne, koan-hē Oát-lâm-gí ê su-chu, kàu-châi kah jīn-cheng kang-khū iáu sī chin khiàm-khoeh. In-ūi án-ne, lán chit piàn ték-piát í “gí-giân jīn-cheng hām tùi-gōa Oát-lâm-gí /Tâi-gí kàu-hák” chò chú-tê. Ng-bāng thàu-kòe hák-sút kau-liú thang thê-seng Oát-lâm-gí/Tâi-gí ê kàu-hák phín-chit.

Góa tū-liáu tam-jīm Oát-lâm Gián-kiú Tiong-sim ê chú-jīm chi-gōa, goân-té mā sī Tâi-oân Gí-bûn Chhek-giām Tiong-sim ê chú-jīm. Lán ū kú-nî chiōng-sū Tâi-gí jīn-cheng kah kàu-châi giân-hoat ê keng-giām. Lán chit-má kā chit ê keng-giām choán lâi Oát-lâm-gí ê giân-kiú hām chhui-kóng. Lán tū-liáu ū chhut Oát-lâm-gí

kâu-châi chi-gōa, chit-má mā beh soan-pò lán Tiong-sim gián-hoat ê Kok-chè Oát-lâm-gí Jîn-chèng cheng-sek thui-chhut khai-hòng pò-miâ!

M̄-nā gián-kiù gí-giân, lán Tiong-sim ê gián-kiù hoãn-ûi pau-hâm siā-hōe jîn-bûn ták-ê léng-hék, chhiū<sup>n</sup>-kóng bûn-hòa, bûn-hák, lèk-sú, chong-kàu, gē-sút hām chió-sò bîn-chók. Só-í, lán chit-pái iau-chhiá<sup>n</sup> ê lâi-pin lóng sī Oát-lâm gián-kiù kok léng-hék ê thâu-kioh choan-ka. Ūi tióh chhiok-chìn Oát-lâm gián-kiù ê kok-chè kau-liû, Sêng-tâi Oát-lâm gián-kiù tiong-sim ùi 2017 nî khai-sí beh hoat-hêng “Oát-lâm Gián-kiù” kî-khan. Tī chia mā sêng-khún iau-chhiá<sup>n</sup> tàu chi-chhî kah tâu-kó.

Lō-bóe, koh chit-pái kám-siá ták-ke ê chham-ú, mā kám-siā lán kang-chok jîn-oân hām chì-kang ê phah-pià<sup>n</sup>, chiah chhiok-sêng chit-ê hōe-gī ē sêng-kong. Chiok ták-ke sin-thé íóng-kiā<sup>n</sup>, hêng-hok bô tè pí! Khan-chhiú chhut thâu-thi<sup>n</sup>!

--2016 Tâi Oát Jîn-bûn Pí-kàu Kok-chè Gián-thó-hōe Hoan-êng-sû







**Si** 詩  
Poetry

# Khui Hiòng : Hō 祖靈

Let the Magic Begin! For Our Ancestral Spirits

Chiu, Tēng-pang

(周定邦 / Tēng-pang Suyaka Chiu)

Pha-hng--ah

傳說 --lìn hit 隻有慧眼 ê 烏狗

死 tī phī<sup>n</sup>-phín-á 聲 --nih

Soah 連 phī<sup>n</sup>-phín-á 聲 mā 死 tī 傳說 --nih

7 冬 ê khó<sup>n</sup>-hōa<sup>n</sup>

無 kā 牛牽去厝尾頂寫詩

Tian-tò 拖 1 張 5 千年重 ê

犁

背祖 tī 田園 tiām chí

Kā Siraya thóa<sup>n</sup> 做青綠綠 ê 嘉南 pē<sup>n</sup>-iū<sup>n</sup>

講 ka-tī ê 祖厝 tī 唐山

( 目屎 ùi 雪 ê 故鄉 pia<sup>n</sup> lòh 濁水溪 )

公廨 1 間 1 間走入去博物館 chhiū<sup>n</sup> 冷氣

Lāi-té ê chián-hî-á giâ 石 lián

Chhùi 笑目笑 leh phih-siū<sup>n</sup>--lâng

講 in 阿祖 ê 阿祖 ê 阿祖 ê 阿祖 ê 阿祖

Lóng tī 刺桐花開 kah 紅 phà-phà ê 時

Kā 花鹿 á 皮 te<sup>n</sup> kah ân-tòng-tòng ê 戰鼓

Lòng kah kui-ê 台灣, 山、崩、地、裂



顧守博物館 ê cheng-piàng  
 連 chián-hî-á mā liáh 去強姦  
 Chhun 大肚王國 ê 殼  
 Hō kià-seng-á phāi<sup>n</sup> leh sì-kè séh-lin-long  
 Tī hia 有番刀 ê 巢窟，無 lám 無 ne leh 出草

( 1 粒 3 千斤重 ê 目屎  
 Ûi 玉山 lìn--lòh-lâi )

關帝爺 媽祖婆 三太子  
 騎赤兔馬 駛風雨 踏風火輪  
 轎 kng sà<sup>n</sup> 斷公廨 ê hm-á  
 Khi-khi-khók-khók  
 Liòng 過萬里長城  
 Chhāi kah kui-ê ang-keh 桌頂  
 Théh soāi<sup>n</sup>-á , liám-bū , ông-lâi  
 Hō phak tī thō'-kha ê 大豬公  
 騎

( 1 粒 3 千斤重 ê 目屎  
 Ûi 玉山 lìn--lòh-lâi )

咬 1 chhùi mai<sup>1</sup>  
 Pō'1 □ abibiki<sup>2</sup>  
 Kâm 1 chhùi 公賣局 ê 紅標米酒頭 á  
 Bū Bū hō 天頂出虹  
 穿鐵甲 ê 心肝  
 行 --lah  
 行 --lah  
 山仔腳<sup>3</sup> ê 囝孫  
 行 lǎi thàng 祖靈 ê 虹橋  
 ( 雷公 sih-nah pìn-piàng 叫  
 3 千年來 siōng 大 ê 大水  
 Thiah-chiáh 玉山 lín--lòh-lâi  
 Hit 粒 3 千斤重 ê 目屎 )

開花 --ah , 開花 --ah  
 山仔腳 ê 日頭  
 開花 --ah

---

1.mai : 西拉雅族祭典用 ê 糕 á 。

2.abibiki : 西拉雅語 「檳榔」 。

3.山仔腳 : khah-chá Siraya Suyaka 社 。

# In tī tó-ūi?

## Where Are They?

Chiú<sup>n</sup>, Ūi-bûn (蔣為文)

In tī tó-ūi?

1947, 228 siau-sit ê Tâi-oân thâu-lâng.

Tī gōa-lâi thóng-tī hā,

Bô chin-siòng,

Bô goân-hiong,

Kan-ta<sup>n</sup> chhun chít-óa<sup>n</sup>,

Tán-thāi chhin-lâng ê jiû-hî-moâi.

Hit óa<sup>n</sup> jiû-hî-moâi,

Ū móa-kî<sup>n</sup> ê siàu-liām.

Mā ū cheng-gī hām íong-khì ê chu-bī,

Kiàn-cheng sî-tāi ê ai-pi.

In tī tó-ūi?

Choán-heng cheng-gī iáu teh chhiau-chhōe

Hit kho' chhát-thâu iáu teh chò sîn.

I ê hó-á iáu teh chhio-tiô hiau-pai.

Nā bô chin-sim jīn-chōe,

Bián siū<sup>n</sup> beh hô-kái kiōng-seng!

In tī tó-ūi?

In tī lán ê sim-koa<sup>n</sup> lâi.

In sī chhun-thi<sup>n</sup> ê pek-háp.

# 時光 Taichu，是講 台中

## ■ The Taichu Ages, On Taichung

Iû<sup>n</sup>, Ún-giân (楊允言)

### 一、大肚王國

荷蘭人來進前 就活 kah 好勢好勢  
無啥欲 hām 外邦人相交插

鄭成功來 袂癮歸順 侵門踏戶就 kā thài  
終其尾 hóng 剿 kah 弄家散宅

清國人來 王國崩敗 袂癮漢化  
Bih 去埔里 ng-ng-iap-iap 過日

咱 m̄ 知愛按怎紀念這個本土政權  
只好 tī 大肚溪出海口 chhāi 幾 lō 枝煙筒管 予伊  
茫茫渺渺

### 二、二七部隊

舊祖國訓練 ê 軍人  
參有志氣 ê 學生囡仔  
倚出來反抗新祖國

了後 新祖國派兵增援 見人就 thài  
只好退去埔里 利用地形 tī 烏牛欄 koh 戰一場

了後 台中 ê 風雷 漸漸化做  
茫煙散霧

### 三、台中

舊統治者 chhōa 一陣人來  
Kā 滿仔地規劃做中部第一城市  
鋪鐵路 起官廳 辦教育  
誓言 beh kā Taichu 打造做京都

新統治者 chhōa 一大陣人來  
Tī 原底 ê 基礎繼續拍拚  
Lò 跤厝 快速道路 土地重劃 PM2.5  
一點一滴 沓沓仔 kā 台中改造做  
驚都

# 阿爸 ê 新衫

## Pa's New Shirt

Khng, Pôe-tek (康培德)

阿爸 ê 新衫，  
印 chit iân 紅色 ê 大字，  
講伊是世界 siōng-chán ê te-tī<sup>1</sup>；  
是 kang-tiū<sup>n</sup> 倒店我路邊買來 --ê。

阿爸 ê 新衫，  
繡 chit 枝 kim-sih-sih ê kiû-chhōe，  
講伊是百萬會籍 ê Go-lu-huh 會員；  
是阿爸頭家 phia<sup>n</sup> chhun 加減 khioh 來 --ê。

我 chiū 頭路 ê 新衫，  
結 chit 條角花仔 ê ne-kut-tái，  
講我是坐辦公桌 ê “chiam-thâu-môa”<sup>2</sup>；  
是阿爸 m̄ 甘穿 ê 新衫。

-- Kì-liām lāu-pē Khng, Chhiu-seng (1936-2016)

---

1.Daddy.  
2.Gentleman.

# 花 ê 目屎 — 敬致楊逵 kap 太陽花

Tears of the Flower – In Honor of Iu<sup>n</sup> Kui and the Sunflowers

Khng, Teng-goân (康丁源 / 康原)

玫瑰花 紅 kî-kî  
為台灣 拼生死  
目屎流 目屎滴  
石頭誓袂死 花蕊  
開向 台灣民主 ê 春天

百合花 白泡泡  
花開中正廟佾街頭  
欠人照顧 ê 野百合  
用智慧 弄破萬年體制  
封殺 鎮砧 ê 死豬皮

日頭花 有夠濟  
開佇 台灣 ê 街頭巷尾  
為著 人民 ê 腹肚  
頭擋 木棍佾水龍  
面皮染成血色 日頭花

-- 《自由時報副刊 2014.3.30》

# 你 ê 名

## ■ Your Name

Ko, Goát-oân (高月員)

你，是  
我喙內 ê 話  
我心中 ê 疼  
身份未明  
若欲放手，tō  
免一直 cháu-chhōe  
家己 ê 歷史  
家己 ê 文化  
家己 ê 定位  
權勢，交予創作天地者  
起初，才是源頭

超過四百年  
族群融合悲喜  
殖民  
歲月顛倒憂  
日月  
Chhit-thô 過千秋  
門戶  
Ki-koai 人 iáh 老  
汗水  
苦海沐沐涸



喜怒哀樂怨，交織  
一堆民主自由夢

心肝頭鬱卒  
跤底  
— lih — lih ê 傷痕  
有糊藥仔 ê 數念  
有弱勢 ê 感嘆  
無能 ê 無奈  
全部留予大地承擔。

PS. 臺灣敢是你的名！

--2016.10.23

# Satyagraha

Koeh, Iàn-lîm (郭燕霖)

1869 你出身印度貴族  
Soah 遭受英國人無平等對待  
提掉頭巾 坐火車 hōng 趕去貨車廂  
Satyagraha Satyagraha  
你堅持無合作運動  
1947 催生印度獨立建國

1907 年 你出身台南噍吧哖  
多桑大人慘死噍吧哖 幸得工友相救  
1945 毋願引揚回轉太陽國 毋願做支那官  
Satyagraha Satyagraha  
你堅持無合作運動  
1947 二二八大屠殺 高語「台灣人 banzai」殉道

1959 年 你出身台北萬里  
炭礦子弟艱苦人 卡桑冒險打鐵工  
南下府城 做醫生 做市長  
2014222 湯德章公園孫文銅像 lak-lòh 來  
Satyagraha NO NO Satyagraha NO NO  
你堅持 kap 流亡政權憲法合作運動  
愛咱賠償 50 萬 去坐監

阮想起你主張台灣獨立

Ná ē 堅持流亡政權憲法 leh ?

1949 年 你出身彌陀蚵子寮

毋甘 FORMOSA 做美國次殖民地

專心研讀 Gene Sharp 非暴力抗爭

2016921 治警事件重現 進修龜山大學

卒業後 p̄ng 炭礦市長福氣欲 koh 去台南監獄深造

Satyagraha Satyagraha

阮意愛 listen 對賴神無合作運動

Let Taiwan be Taiwan Let Taiwan be Taiwan .....

建國成功 身體健康 建國成功 身體健康 .....

# 詩 5 首

## Five Poems

Lîm, Bú-hiàn (林武憲)

### 1. 心窗

Kā 目矚展開  
我看見  
天頂

Kā 耳仔夯起來  
我聽見  
花 teh 笑

Kā 窗仔開開  
我 ê 心  
嘛開啊

### 2. 粉鳥

粉鳥佇天頂圓圓 kho`仔  
Kā 家己 ê 厝做中心  
圓一輪攔一輪  
圓一輪攔一輪  
圓 kho`仔愈圓愈大  
無論伊飛佻久  
無論伊飛佻遠  
厝  
永遠是伊 ê 中心

## 3. 北風愛耍笑

北風尚愛 kap 樹仔耍笑  
 害樹仔笑 kah 歪腰  
 落 kah 無半葉

## 4. 火金姑

火金姑  
 秀鼓仔燈  
 無 chhōe 食 ê  
 無 chhōe 耍 ê  
 也無跳舞  
 伊真熱心  
 Chhōa 阮去  
 Chhōe 一个  
 熱天 ê 夢

## 5. 學飛

鳥仔天頂飛，  
 囡仔土腳爬，  
 囡仔想 beh 飛。  
 鳥仔羞羞羞：  
 「等一下，等一下，  
 哪會未學行，  
 著想 beh 學飛。」

# 陳年四物

## Four Old Objects

Lîm, Bûn-pêng (林文平)

### 舊相片

時間 ê 檢察官  
用這張舊相片  
準備欲以躊躇紅顏 ê 罪名  
將嫌犯起訴

### 舊情批

這張支票 海誓山盟  
毋管是毋是捌為愛走三點半  
三不五時仔  
Kā 記持 ê 口座提來回甘  
加減攏會當享受淡薄仔青春 ê 利息

### 老收音機

食老閣娶 ê 細姨  
陪伴老人塊收聽  
一款新品種 ê 孤單  
但是毋管按怎接  
攏收袂著伊上合意 ê 青春曲調

### 新樂園

老牌子猶袂退休  
閣塊為人生吐大氣  
只是往事如煙  
有一絲仔一絲歲月 ê 芳氣

# 胡錦濤。你錯了！

■ You are Wrong, Hu Jintao!

Lîm, Chong-goân (林宗源)

心按骨髓寒起來  
 原來中國無尊重弱小民族 ê 存在  
 原來共產黨攏是土匪黨  
 當你 ê 手拎着連、宋 ê 烏手  
 我真歡喜阮看着中國 ê 真面目  
 心按血管漬出獨立 ê 血水

國民黨 lim 台灣人 ê 血  
 搶台灣人的錢製造台獨出賣中國  
 台灣人恨 kah beh khè in ê 骨 食 in ê 肉  
 胡錦濤，你錯了！你拎 ê 是一雙血手！  
 你 kám 有問連宋幾百億 ê 財產按怎來  
 你應該 thài 國民黨收買台灣人 ê 心  
 台灣 ê 問題 ài kah 台灣人講才着

新 ê 時代有新 ê 國家觀念  
 新 ê 科技無人有專利 暴力恐怖 mā 是  
 假使弱小民族 kiân 暗 ê 生化病毒武器  
 強國 mā 會變弱國 恁 kám 無想着  
 「漢人」、「中原」ê 病毒若無除中國 bōe 和平



21 世紀已經是區域聯盟和平共存 ê 世紀  
新 ê 時代有新 ê 強國 ê 路

心按骨髓寒起來  
我看着一個病態 ê 中國  
我看着一尾禍害世界 ê 毒龍  
當你 ê 手拎着連、宋 ê 烏手  
我真歡喜阮看着中國無救  
心按血管流出建國 ê 血水

--2005.11.20

## 日子

## | Life

Lîm, Jū-khái (林裕凱)

Pat thia<sup>n</sup> 人講起，日子

Ē kā 人拆 chiáh 落腹  
 是講 時間無腹腸  
 Kā 人拆 kah m̄-chiâ<sup>n</sup> 人  
 分張 hō 世間眾生  
 也算功德

窮實 jit-chí hóá<sup>n</sup>-hóá<sup>n</sup> 幻幻 lah  
 也有光彩 樂暢 ê 日  
 也有 àm-sàm 悲傷 ê 日  
 光彩 àm-sàm sa<sup>n</sup> lām ê 日  
 也有 hóá<sup>n</sup>-hóá<sup>n</sup> 無明 ê 日

驚 sī 驚 hiâ<sup>n</sup> ê 日 siu<sup>n</sup> chōe  
 Àm-sàm tò kèr 光彩歡喜  
 Soah 悲情無盡  
 了後，hóá<sup>n</sup>-hóá<sup>n</sup> 度活  
 無彩 lāng si<sup>n</sup>  
 無彩 人生  
 Siōng 驚 chit 款 人生

# 無奈 ê 吐氣—送瑞銘兄

■ A Sigh of Resignation—For Good Friend Sui-beng

Lîm, Liông-ngá (林良雅／莫渝)

Tng-thâu-pèh-jit  
偏偏就出現霹靂  
一聲雷公帶來歹消息

耳坑響出你進前 ê 手機鈴聲：  
《海角七號》ê 主題曲  
真情 koh 哀傷

Chhiau 出咱作夥 ê 幾張仔相片  
拍戲 ê 手勢  
Bô 改五月天 ê 日頭笑容

年輕 ê 你 真有才情  
正當展翅做事  
Bô 料 上天怨妒

是毋是你 ê 好友阿嘉、國修、炎憲  
傷寂寞  
強強邀請你去 kap in 作伴

阮只好吐氣 無奈 ê 吐氣  
含笑忍著目屎

(2016.01.)

# 白色 ê 別莊—七股鹽山 ê 鹽厝

■ A White Estate – The Salt Mountain and Salt House  
in Chhit-kó

Lîm, Liông-ngá (林良雅／莫渝)

用鹽砌造一間厝  
典藏咱 ê 愛情

純白 ê 厝頂  
純白 ê 壁堵

門向南片  
迎接每一工溫暖 ê 春風

窗仔朝西  
親像小王子隨時看得到夕陽

鹽，是海水發願一生情愛 ê 晶體

咱穿純白 ê 情侶衫  
Tòa 遮  
這間愛情 ê 白色別莊

(2016.05.05.)

# 暝尾 ê 情 phoe

## ■ The Late Night Love Letter

Tân, Bêng-jîn ( 陳明仁 / Asia Jilimpo )

十外年 m̄-bat 寫 phoe  
想無收 phoe ê 對象  
朋友 愛人 對敵  
Ah 都開講 iah 唱聲就好  
E-mail mā 真時行

想 beh 寫 phoe 請示上帝  
天使 kám 有兼送 phoe  
上無 mā 會 sái 寫 hō-ka-tī  
Koh 免註明雙 pêng ê 住址  
連 phoe 囊 mā 省 ah

寫 siá<sup>n</sup>-mih  
漂浪 beh 1 甲子  
假 ná 怪奇 hám 古  
真正 kā 想 mā 無 tap 無 sap  
更頭想到暝尾  
Chiah 想著 m̄-bat 收過 Love letter  
Chhiàng-chāi 聽人展寶  
Siáng 規定 bē-sái ka-tī o-ló

Hit 暝月光清白  
Tī 少人知 ê 地頭出世  
臭賤 ê 囡仔  
Ka<sup>n</sup>-ta<sup>n</sup> 處治豬母奶、鼠 khak 仔草  
Nah 有 siá<sup>n</sup> 情愛 thang 展  
Ta<sup>n</sup> beh 寫情 phoe hō<sup>·</sup>ka-tī  
是 beh ùi toh 講起  
賣糖賣蜜話句 sian 講 mā bē 出嘴  
Ná 像細漢食 ê 酸澀果子

天 beh thiah-háh--a  
Iáu 想無話語  
Sian 想都 iàn 氣  
Teh tuh-ku ê 時  
潦草 tòe 人 puh 1 句  
我愛 -- 你

--2009、11 月初 7 chái 起時

# 台灣合奏 島國交響—聽蕭泰然演奏曲

Taiwan, Playing Together: An Island Symphony –  
Tyzen Hsiao's Concert Piece

Tân, Chèng-hiông (陳正雄)

將規个台灣園坦橫  
成做一台鋼琴  
用堅定 ê 雙手出力  
掀開烏暗沉重歷史 ê 崁蓋  
對一九四七年二月開始演奏  
連繼彈到  
一九七九年年底做一个坎站  
原本是春天起頭歡喜輕鬆 ê 快板  
哪會 hiông-hiông 轉音 透濫悲哀傷心 ê 牽亡調  
應該是寒天時仔冷清沉重 ê 慢板  
按怎一時變調 成做激情衝動 ê 進行曲  
用溫柔 ê 指頭來回  
走揣烏白單調世界 ê 背後  
深埋佇土地內底五彩自然 ê 原音  
釋放長期關禁 ê 靈魂毋免閣再含冤  
啟開久年網縛 ê 良知毋免繼續吞忍  
佇太平洋曠闊 ê 舞台  
天星攏金金看風湧也恬恬咧聽  
日頭佻月娘換班 早暗輪流拍燈照光  
海鳥佻飛魚連線 暝日無歇轉播放送  
一句一句一陣一陣向全世界發聲

將四百冬來斷裂 ê 短音節  
編寫做一篇偉大久長 ê 史詩  
用台灣家己 ê 聲調  
做伙合奏  
共規个島國倚乎直  
就是一支提琴  
用一世人 ê 堅持做弓  
挨動  
中央山脈強硬 ê 琴弦  
對高屏海岸深沉平靜 ê 極低音  
一路 peh 到  
玉山頂頭尖利冷淡 ê 上懸音  
用北緯二十二度半 ê 熱情攬抱  
海拔三千九百外公尺 ê 孤單  
用數十冬 ê 深情作曲  
吸引蔗葉青翠 ê 喉韻稻穗金黃 ê 鼻聲相招來回  
起落合音  
打動姿勢倔強 ê 鐵杉立場固執 ê 圓柏牽手前後  
搖幌伴奏  
連長年冰凍 ê 霜雪嘛溶做絞滾 ê 溪水  
流落山崁流過平洋流入海口  
親像枯焦久時 ê 氣血恢復燒燙 ê 活力  
流出心臟流向身軀流到四肢  
予強欲無脈 ê 尊嚴重重新跳動  
予將近斷氣 ê 驕傲閣再喘氣  
共二千萬人分散 ê 單音符  
譜曲出一首優美感心 ê 樂章  
用島國特殊 ê 音韻  
同齊交響



# 光

## Light

Tân, Lī-sêng ( 陳利成 / 陳胤 )

< 日頭 >

日頭 ê 眼神，一寸一寸  
Tī 玻璃 ê 身軀，搬徙  
寒天 ê 心事，著愛提出來外口  
曝一寡仔日，才 bē 生菇

靈魂，一寸一寸燒熱  
開始有花草 ê 芳味，春天  
應當 teh beh 清醒，kap 暗暝相辭  
了後，用耳空 tī 天頂等待  
第一隻鳥仔 ê 歌聲

光線，透入窗仔內  
Hō 冷心 ê 咖啡淡薄仔溫暖  
拄好親像你離開 hit 暝  
滴落喙唇，目屎 ê 溫度 .....

< 月光 >

Hit 時

我 tī 細漢 ê 記持內面  
種一攸夢想  
好佳哉，koh 有目屎好 ak  
無論歡喜，抑是悲傷  
只要有月光，伊就直直大漢  
枝葉嘛漸漸 thòan 開 .....

這時

我聽著花開 ê 聲音  
有一種思念 ê 芳味  
親像燈蛾 kāng 款  
Kā 規樹林 ê 心事，攏總  
掀出來，春夏也好  
秋冬也好，憂悶 ê 露水  
猶原會記得月娘 ê 恩情  
一點一滴，用愛報答  
你珍惜 ê 暗暝 .....

# Kù-chāi i khi

## It Doesn't Matter

Teng, Hōng-tin (丁鳳珍)

Nng kòe àm-mî ê tiām-chēng  
Kiâ<sup>n</sup> tiàm lāu-jiát ê keyboard téng-koân  
Hō sùn-chin ê chēng-koa lám--leh  
Sui-jiân í-keng sī bōe-tàng tng-khi ê lī-piát  
Aih~ Ài kun-pún lóng tī--leh  
Àn siōng-khí-thâu kàu chiong-kî-bóe  
Chit ê lāng kî-sit bô ko-toa<sup>n</sup>

---2016/01/12

# 鼓手之歌—懷念千武仙

■ Song of the Drummer— in Memory of Chhian-bu Sen  
(Chhian-bu the Great)

Tiō, Thian-gî (趙天儀)

千武仙，你寫日文詩  
千武仙，你寫白話詩  
千武仙，你寫戰爭小說  
千武仙，你寫詩文學評論  
千武仙，你寫人生隨筆  
千武仙，你寫台灣民間故事  
千武仙，你翻譯原住民神話傳說  
千武仙，你翻譯日本詩、日本小說  
千武仙，你寫葫蘆墩故事  
千武仙，你翻譯日本戰敗回憶  
千武仙，千武仙，  
你打拼寫，我打拼讀。

--2012.5.30

# Moâ-í<sup>n</sup>

## ■ Sesame Greens

Tiu<sup>n</sup>, Siok-chin (張淑真)

Moâ-í<sup>n</sup> ê hióh chhi<sup>n</sup>-chhi<sup>n</sup>-chhi<sup>n</sup>  
Gō<sup>·</sup>-goèh cheh-jit tng tióh-sî  
Êng-ióng thè-hoé ē khui-pî  
Liân chiáh 3 óa<sup>n</sup> bê pá-khì

Kéng chí<sup>n</sup>-hióh si hō<sup>·</sup>chheng-khì  
Chhiú-kang thoah iù iōng chhiah-ki  
Chham hí-pó<sup>·</sup>koh chham han-chî  
Moâ-í<sup>n</sup>-thng koh chhiū<sup>n</sup> khan kí<sup>n</sup>

Moâ-í<sup>n</sup> peng liâng siōng kài chhi<sup>n</sup>  
Moâ-í<sup>n</sup> chò piá<sup>n</sup> chò moâ-chî  
Moâ-í<sup>n</sup>-peng mā lâi 1 ki  
Chiáh liáu soà-chhùi koh ka thi<sup>n</sup>

Lê-thâu-tiàm leh chàm Lâ-lí  
Lâi-khì Tâi-tiong chiáh moâ-í<sup>n</sup>  
Moâ-í<sup>n</sup> seng-thài ū î-chhî  
Pau lí o-ló kah tak-chih

# 海鳥

## Seabirds

Tō, Sìn-liông (杜信龍)

船隻來來去去  
海鳥飛 koân 飛 kē  
我 lóng 知影 in leh 偷看  
出外人 ê 心情 hō'sng-h-sng 叫 ê 酸冷風 siàn kah  
無法度 bih 藏  
In 是我 ê 見證者

À<sup>n</sup> 頭祈禱 o-ló 上帝 ê 賞賜 che 無仝 ê 體驗  
欲 kā phih-phih-chhoah ê 樹 á tiah 2-3 hióh 葉 á tah 佇詩 chōa  
Soah 驚 ka-tī 過頭 chhóng-pōng  
只好先 kā 筆 àn hā

日頭 thiah-háh 有 khah 晚  
心早 tō 起床等  
Koi-put-chiong 先做夢鬥伊 ê 面模 á  
寫 hō 故鄉 ê 詩坐清 --chit-ē

離開 ka-tī 熟似 ê 土地  
 隨 koh 插支拚勢過活  
 Lim ê 水、suh ê 空氣 ...  
 致使 nâ-âu 孔起反症吐無全 ê 話語  
 心悶唱歌時才發現  
 原來海鳥 leh 笑是 chit 項代誌

無看見山  
 總 -- 是，有闊 sai-sai ê 河  
 的確有減少思念  
 陷眠時叫咱 m-thang 迷戀  
 海風直直 sak  
 起行 lah，免趕寬寬 á 行  
 Kàu toh 咱 ê 心 tī 某 1 角勢島嶼 ê 形影  
 Lóng 掛吊 tī teh

等詩寫好  
 我才 iang 海鳥交 hō-- 你







# Sàn-bûn

散文

# Essays

# 顧西瓜

## Guarding Watermelons

Khu, Bùn-sek (邱文錫)

熱天若到，路邊就有真濟人咧賣西瓜，chit-má ê 西瓜是改良了 koh 改良，攏是甜 koh 有水分，食落去是合喙 koh 透心涼，會使講是袂嫌得啦。

會記得細漢 ê 時陣，阮厝嘛有種西瓜，彼當陣，大部份 ê 田攏是種稻仔，m̄-koh 阮老爸會留一坵田來做西瓜園，按算六月冬會當予 tak-ke 來食喙焦。

種西瓜差不多是春冬播田煞才落去種。到五月節前，頭番花 ê 西瓜就差不多會食得 ah。這 ê 時陣，厝邊兜有一寡 m̄-chiân 人會來偷挽，阮老爸就佇園邊搭一間草寮仔來顧西瓜。

顧西瓜 ê 頭路講起來是無快活，暗頭仔飯食飽就愛來顧；暗頭仔塗氣猶真燒，田中央 ê 竹跤蠔是歹 koh 大隻，人佇寮仔內攏蹠袂牢，就愛去田頭田尾巡巡整整，看著歪臍 ê 西瓜抑是 m̄-chiân 物 ê 西瓜，若是有到分 ê 就 ka 挽轉來寮仔前 khng，較等咧做一擺剗來食。

人講：「賣碗 ê 食缺碗」，顧西瓜就愛對 bái ê 先食。嬌 ê，大粒 ê 是欲留予 tak-ke 食。暗時仔暗眠摸，西瓜有熟無熟是看袂真，有 ê 用手嘛擱袂準，親像歪臍西瓜，若拄好去擱著熟 ê 這片，就叫是到分啊，ka 掣掣起來。若按呢，定定會去食著無到分 ê 西瓜，白泚無味，敢若食瓠仔，攏袂呵佬哩。

西瓜食煞，塗氣嘛轉涼啊，若有微微仔風就 koh 較涼，彼當陣，阮就鑽入去蠓罩內唸歌仔冊。阮顧寮仔攏有紮電火，火 ka 切著，阮老爸就教我唸歌仔冊，我會記得是黃鶴樓啦，三伯英台啦，幾若十本。我就對遐 chiah 捌一寡台彎字，祖先 ê 文化才傳有落來，若無，我 chit-má 嘛是一隻台語 ê 青盲牛啦。

顧西瓜就愛三更半暝起來巡，阮也佇寮仔前縛一隻狗，狗若有聽著 siá<sup>n</sup>-mih tōng-tân，伊會吠，阮就愛緊起來，用電火照照看看咧。阮老爸較淺眠，不時會精神起來斟酌一下；阮囡仔人較重眠，攏嘛是一睏到十八殿去 ah。

時機 bái，人心雄，有外庄仔人招規陣來偷挽西瓜；驚你看，m̄ 驚你知，人講「賊較惡人」就是按呢。人驚賊，賊 m̄ 驚人，按呢代誌就歹辦矣；阮老爸是愈來愈無愛種西瓜，伊無愛佢遐 ê 跤梢仔觸纏。害我對顧西瓜得著 ê 田園風味，就愈離愈遠。目一下矚，也有四十外年矣，我也對田庄倣變做街仔躉，會曉食西瓜，袂曉種西瓜。

# 家後

(摘錄)

## Family Burden

Lí, Siok-cheng (李淑貞)

暗頓食飽，阿祺 kōa<sup>n</sup> 行李，1 句：媽，我轉去後頭厝，講 soah，雄雄狂狂騎 ó-tó-bái 出去。自嫁入門，真捷轉去後頭厝，等後生阿傳下班看無某，ná 吃 tiòh 炸藥，大聲嚷老母無 kā 檔。伊含 tiòh 目屎：「做大家 kám 有資格管？Ta<sup>n</sup>，生 2 ê ah，我 mā 無反對轉去後頭厝。是講，做人新婦應該愛 chām-chat，hoah 行 tō 行，就算蹣旅社 mā ài 納錢，當作我是煮飯婆，目睷內敢有我這個大家存在？」

後生面仔臭臭應：「好啦～好啦！一直 liū，ná 錄音帶 --leh，聽久起臭酸」Oát 頭做伊去。

「算我厚話，稍等 -- 一 - 下欲隔壁宮 -- 裡拜拜，某好 bái 你 kah 意，後悔袂赴 --ah」Ná 行 ná 拭目屎行入灶竅食飯。Tang 時桌頂囡吃過空碗、蹣、湯匙，原來新婦食飽，時代無全，連食飯無叫一聲，不比阿月年代。

來到宮 -- 裡，流目屎點 3 欖香，心肝 jî-chháng-chháng，跪 tī 母娘面前，稟報心內話，想著家己 kap 阿母命運，為著家庭食苦一世，人，阿母中風拖幾若年來過身，應該綴佛祖身軀邊。

我出世屏東散赤家庭，外公娶兩個某。我是二媽生，平是全老爸生，外公大細心，阿母、我，三代無大家官緣，認命做。阿爸五十歲車厄過身，阿母晟養我 kap 兩個小弟，為家庭暝日做，厝 -- 裡種水果。我是大查某囡，國校卒業，擔起照顧小弟責任，等水果收成，母仔囡踏鐵馬載水果四界賣。

Khu 庄跤種水果，收入袂穩定。17 歲彼年，kap 庄 -- 裡查囡仔伴做塗水，我人矮 koh 瘦、khang-khòe 粗澀，無半年，規身軀腰酸背痛，做粗工無一手功夫，驚嫁翁無法度管顧家庭，決定學裁縫，到網仔版公司學車皮包。阿地 tī 遮做組長，ùì 設計網仔版、攪色、印刷一手包辦，伊無薰無酒，有責任、頂真。姻緣天註定，平空公司食頭路，講話投機，互相了解個性會合，熟 sāi 6 個月後結婚，雖然是厝 -- 裡大後生，攏是序大人 hōa<sup>n</sup> 手頭，嫁著 khiàng 跤大家，結婚後紙臺錢全款交厝 -- 裡，每个月只貼 1 萬籊，hō 三个囡 á 牛奶粉錢、身苦病痛、讀冊，無夠部份家己想辦法。計劃做生理，想辦法儉錢，只有暝日做，liap sai-khia，阮做生理講信用，生理真好，無幾年，蓄厝買地，囡仔一人一間透天厝，koh 一寡退休金，以後免 hō 細小操煩。

翁勤儉，伊 hōa<sup>n</sup> 手頭，對父母 iú 孝，講話輕聲好笑神，外表感覺好鬥陣。人高強大漢，學過柔道、空手道，免出手干焦看面腔驚死人。其實伊軟心、慷慨、風神，不時借錢予朋友，收一疊巴樂票。Nā 想著辛苦趁 ê 錢，白白送人足毋甘，為著錢項、看法無全應幾句，起性地 giú 我 ê 頭髮 lòng 樓梯，出手拍我，生理無閒 ai<sup>n</sup> 囡仔趕 khang-khòe，款厝內。嫁著 khiàng 跤大家，曲跤啥物攏管，特別交代翁袂使聽某喙，ài 壓落底。驚人講閒仔話，冰箱內物件伊 tīm 頭 chiah 食。雖然無伊 ê 緣，tī 家庭無地位，盡新婦本份，mā 照顧大家官到百歲年老。

望 --á 望、等 --á 等，無簡單第二後生決定娶某，新婦 - 阿祺，kô 後生來 toà m̄ 轉 -- 去，伊出世南部庄跤，好笑神、中範身材、烏皮膚、原住民 ê 面腔、學生時 chūn 是運動選手，跤手 liú-liáh，看 -- 起 - 來耐操，kap 阮生活一段時間、知性，照理講應該無問題。對象只要囡仔恰意就好，做父母無意見，娶入門問題 chiah 開始，sià<sup>n</sup> 知拄 tióh phái<sup>n</sup> 外家。騙親家重病驚未赴抱孫，逼後生結婚。結婚彼日，聽 tióh 有人講新娘是「恆春蕃」khioh 恨，彼暗鬧欲離緣。

時代確實無全，一入門，新婦暍到日頭曝 kha-chhng，毋款厝內，逐工暗時 7-8 點 chiah 入門，吃飽碗踏園桌頂，bit 房間拍電腦，歇暍日，四常轉外家過暍。

想著暍日為著這個家圓滿、吞忍吃苦，koh 得袂著大家官 o-ló，是我無 ká 嫁妝？Iah 是相欠債？才 hō 大家苦毒，委屈因心肝內，mā 知 iú 孝聽話，是做新婦基本，假使是頂世人因果，這世人債還 -- 還 -leh！干單 ñg 望三個後生家庭圓滿，mài 為 in 煩惱，做一個無插事 ê 大家，無希望 kah 我全款痛苦。

大、厝 á 後生有女朋友 --á，驚娶某是有原因，新婦後悔嫁阿傳，無 hō 伊 hōa<sup>n</sup> 手頭，大家官無明理，管東管西，生話苦勸大伯、小叔 ê 女朋友嫁別人，因為嫁來歹過日。十年過 -- 去，2 個後生人範袂輸人，穩定收入，1 人 1 間厝，生活無問題，到這 iáu m̄ 娶，無欲逼 in，未來人生家己負責，決定退休顧身體 khah 實在。

心內有 2 個心願，求母娘予我好年老，mài 拖累翁、後生、新婦 --in。厝後生外口彼 ê 查某孫，ta<sup>n</sup>，10 歲 --á，會當早日認祖歸宗。  
(後壁省略)



# 糞箕湖春天 ê 等待

## Waiting for Spring in the Pun Ki Lake

Ng, Bûn-hông (黃文宏)

順石梯行落，來到村內，幾間住家厝內 ê 狗 á，發出兇惡 ê 聲，對我一直吠。頭前面是一條用水泥砌 ê 大水溝，溝 á 內，發出一陣 koh 一陣 ê 臭水溝 á 味，一隻水鉛動 á<sup>1</sup>，佇 chit 條 thái-ko 垃圾 ê 臭水溝，跳來跳去咧揣食，無咧睬我來經過。

規个糞箕湖非常 ê 混亂 kap 腐敗，可能糞箕湖 ê 春天已經過去 ah，可能糞箕湖咧等待 ē 一个春天，可能 chit 隻水鉛動 á，kap 我 kâng 款，來 chia 走揣已經消失 ê 糞箕湖 ê 春天，iah 是伊 kap 這塊土地 ê 人一樣，佇山林破碎 ê 土地頂面，繼續拖命過日子。

Nng 過 10 外間人家厝，順石梯爬起 lih，來到一个大間旅館頭前，曠闊 ê 停車場，停車場內底，七、八隻 ê 遊覽車已經發動，準備 beh 開往其它 ê 風景區。規 ê 停車場，攏是旅客吵鬧 kap 汽車 ian-jín 發動 ê 聲音，規 ê 空氣，攏是汽車排出來 ê 廢氣 kap 石油 ê 氣味，互人無法度喘氣。行來到車道，路邊一群人，kā 2 个警察圍咧，咧談論 cha 暝一台轎車 phàn 見 ê 事件，警察對我身軀這種無親像遊客 ê 穿插，感覺懷疑，掠我一直 kàng。可能是 cha 暝困無好，ah 是今 á 日透早無看 tiòh 黑華雞，ah 是因為糞箕湖今 á 日 ê 混亂，互我 ê 心情，lú 來 lú báí，懊惱 ê 感覺，互我想 beh 趕緊離開。

1. 鉛色水鷄。

拖 che thiám-thiám-thiám ê 身軀，順車道繼續行，準備 beh tng 去 cha-hng tòà ê 民宿旅社，佇無意中 giáh 頭，看 tiòh 路邊 ê 電火條 á，掛一塊排 á，排 á 頂面寫三字：「奮起湖」，心內雄雄 chhèng 出一股堅決 ê 意念。Sèh 過民宿旅社，繼續向前行。

無外久，看 tiòh 車道 ê 正片，有一節短短細細 ê 石梯，石梯起 lih 頂面，有一間柴做 ê 厝，厝 ê 一片，有種一寡蔬菜 kap 花草，另外 hit 片，是阿里山鐵枝路。佇一欖花蕾 ê 頂面，有一隻真大隻 ê 黑色蝴蝶，慢慢 á 咧飛。

我腳步 liam 咧，順石梯爬起 lih，看 tiòh 這隻蝴蝶翅 ê 後尾，顯出世界獨一無二 ê，2 道紅色弦月紋。佇日頭 ê 照射，翅股頂面，金綠色 kap 金藍色 ê 鱗片，現出一道 koh 一道，閃閃爍爍 ê 光芒。我 khiā 直直，m̄ 敢震動，一直注目面頭前 chit 隻，干單出現佇台灣中高海拔，mā ē 飛去 lih 玉山山峰 ê 雙環紋鳳蝶。Chit 隻雙環紋鳳蝶，佇花欖邊 á，séh 來 séh 去，非常 ê 優雅，伊有時 á 飛 koân，有時 á 飛低，有時 á 飛去正片，有時 á 飛過來倒片，有時飛近，有時攔飛 hng，伊 ê 翅 ê 頂面，朱紅色 ê 雙環紋 kap 金綠色、金藍色 ê 光芒交參出現，非常 ê 迷人。糞箕湖春天 ê 時間慢慢 á 流轉，四週圍靜靜靜，攏無聲音，面頭前現出一個親像暝夢，ná 真 ná 假 ê 幻境。

突然間，chit 隻雙環紋鳳蝶，雄雄向我飛過來，飛到我伸手 lóh 摸 ē tiòh ê 倒片 ê 身軀邊，伊 séh 去後壁了，lòh ùi 正片 ê 身軀邊飛出來，了後，慢慢 á 飛 koân，飛到我 ê 面頭前，kah 我 sio 相。時間一分一秒經過，chit 隻高雅 koh 艷美 ê 蝴蝶，猶原輕輕 á 浮佇我 ê 面頭前。Chit 咧時陣，糞箕湖春天 ê 風，tùi 這隻迷人 ê 蝴蝶，一陣一陣吹過來，空氣散出親像香花 hit 款，薄薄 ê 清香味，一陣喜樂、滿足、幸福 ê 感覺 chng 過我 ê 身軀。無外久，chit 隻雙環紋鳳蝶，慢



慢 á 飛倒退，了後，快速翻身飛過阿里山鐵枝路，向樹林飛入去。

我 ùi che ná 準是眠夢 ê 幻境，慢慢 á 醒起來，gāng-gāng khiā 咧，  
m̄ 知 tú-chiah ê 情景，是真 iah 是假。行落石梯，來到車道，車道頂面，  
無任何 ê 車輛，mā 無半个人影，規个村，非常 ê 安靜，糞箕湖早起  
時清涼 ê 空氣，ûn-ûn-á 吹來，溫暖 ê 日頭，照佇一片 koh 一片青色  
ê 山林，景色十分 ê 優美。我行 tng 去民宿旅社，kā 旅行背包 phāi<sup>n</sup>  
起來，離開傳說中，春天 ê 糞箕湖。

# 落雪記 (摘錄)

## The Snow Day

Ngô, Chèng-jīm (吳正任)

「二十四節氣」，是古早人，年久月深，長期觀察，融合「日頭」位置，氣候變化，佢農事活動，遮三項情況，互相之間 ê 關係了後，tāuh-tāuh 仔發展出來 ê 「天候」理路；2015 年，「小寒」過了，量約十外工，著「大寒」，離學期結束，差不多兩禮拜；教學進度來到「臺灣俗諺語」，我按算欲將「時令」佢「節氣」有關 ê 三則俗諺，紹介予學生知。頭先，是「歲時謠」，接 sòa 第二則，是「冬節佇月頭，烏寒年尾兜；冬節佇月中央，無雪佢無霜，冬節佇月尾，烏寒正二月」；閣來，是第三則「大寒袂寒，人馬不安」。

掀曆日共看覓，「大寒」lòh 佇新曆一月二十，彼工，拄好學校休業式，俗語詞條意涵說明清楚了後，我特別閣共學生叮一句：時到，天氣若佢咱祖先留落來 ê 生活經驗有出入，咱就共準作是「地球暖化」ê 結果；本底，世間代，毋管是看會著 ê，抑是看袂著 ê，未來 ê 一分一秒，攏是混沌不明；頂真來講，是無人有法度預測 ê，何況「天象」，這款自然現象，就更加歹料算。

有影，「小寒」過了，天氣就 tāuh-tāuh 仔轉寒，到「大寒」彼工，寒流雄雄催逼，閣隔三工，亦就是怨人（新曆）一月 23，暗頭，體感溫度，降落到攝氏 10 以下，氣象報告預測講，氣溫若閣繼續降，「太平山」落雪 ê 機會誠懸，「學仔」歇寒，ù 一月 21 開始，23，24，拄好拜六，禮拜，報導講，駛車上「梨山」，「合歡山」……等，趕欲賞雪，耍雪 ê 民眾，已經共山路塞滿；電視銀幕，鏡頭出現

ê 是登山口，一台一台，排隊等候欲裝雪鏈 ê 自動車，看起來無閒 chhih-chhih。

古早，曆算先 ê，共日頭來到「黃經 255 度」ê 位置，號作「大雪日」；ùi Siberia 落來 ê 「大陸性高氣壓」冷氣團，紮來酷寒 ê 季風，室外溫度，若像佇 chhū-liu-lông，無幾工，就有所在，氣溫降到 0 度以下矣！佇亞熱帶 ê 寶島臺灣來講，連平地亦會落雪 ê 情景，老一 iân ê 前輩講：平地落雪，差不多是 4 ~ 50 冬前 ê 代誌囉！一月 26，有新聞報導講：「太平山」塗跔面積雪，已經欲有 50 公分深矣！上山賞雪，耍雪 ê 民眾，大人囡仔，佇像白糖粉 ê 雪地，走呀，跳呀，逐呀，圍作伙 liáp 雪炆仔，抑是手裡搥一大丸雪屑仔，tàn 雪球，相 khian，擊來擊去，看起來，假若毋驚寒 ê 款；身體有各樣，抑是袂堪得酷寒 ê 民眾，只好跔茨裡，佇室內，ùi 螢幕頂頭，神遊高山頂，白皓皓 ê 銀色世界。

網路頂頭，嘛有網友，PO 上有關這 chūn 大雪相關 ê 氣象科學智識，毋若有影音閣有圖解說明，講：這波超強寒流（有人共號作「霸王寒流」，可見威力佻猛！）因端是受著「北極震盪」（Arctic Oscillation）所紮來 ê；伊 ê 起勢，是因為「北極寒風」，衝破層層重圍，竄出向南撲襲來 ê 強力寒流，就佇一月 23 發威，寶島幾仔粒懸山，才會共山頭粧 thān 成銀色世界。

窗仔外，猶原濕冷，雨鬚紛飛，想講懸山當佇降雪 ê 現此時，平地田野，是啥款 ê 景致？我穿一領輕便雨衣，發動 o̍- tó- bái，向山邊前進，霎霎仔雨裡，路邊田野，但見一大片白茫茫 ê 景致，遠遠看去，親像平地亦佇落雪，óa 近看較真點仔，原來是「台糖農場」ê 大片 melon 園，每一股蓋 khàm 一層白霧 ê 塑膠布，閣用塑膠 lok 仔包密密 bā-bā，遠遠看去，無邊無岸，誠像一沾白茫茫 ê 雪花共大地掩罩。

盪過「山隙」(地名，大，小崗山間ê細部落)，路邊一大片桃花心木林，葉仔猶原青凜凜；十數冬來，這款樹仔，攏到春三月，葉仔才開始焦蕪，淡薄仔驚疑，轉來到茨，雖罔目睫毛，頂頭無 sîn 盛一 chōa 白雪屑仔，毋過，鼻頭恰兩 mī 耳仔，嘛是凍甲紅記記。

總是，佇天寒地凍ê烏陰天裡，野外行踏，啟發我淡薄仔靈感：〈風恰桃花心木ê對話〉，一份雪天裡ê文思閒情，緩緩吟唱，親像一齣透濫混搭ê詩劇：「……。季節行過 / 風：你若會佇春天離枝？ / 桃：阮葉那黃，那換新衫，那孳穎。 / 風：是為啥物？ / 桃：化作春泥！ / 風：葉仔 lāk-lòh 該當佇秋天！ / 桃：敢會是天無照甲子？ / 桃：一切由天（大自然）！ Let it be！ / 抑無，咱來問春天！（春天躡跤尾，相閃身，tûn kâm chih，干那笑微微……。啊！春不語！）」

# 後埕 ê 樹林

## Backyard Woods

Ô; Bîn-siông (胡民祥)

四月下旬，唯台灣轉來夠茱里鄉，已經有三禮拜；來夠五月初裡，茱里鄉春天ê一個黃昏時；三隻鹿仔佇後埕裡，踏著斜斜ê草埔，嘴勤動。

五月天裡，新草拄幼茈。雖罔，鹿仔誠專心哺草，鹿頭猶是還咧還咧，鹿耳嘛掣過來越過去，收集四籬笠仔ê情報。恁ê四籬笠仔直溜溜ê楓樹欖倚滿滿，拄好唯寒冬回過神來；枝桠抽新芽侻葶楓籽，葉片猶青裡帶黃，離墨綠程度猶原誠長遠。後埕ê西南面遠遠有一欖狗木，樹前一條藤唯半空中垂夠地面；突然間，那像互泰山挽著，開始晃動，佇狗木欖雪白ê花海前那像千秋還起來。廚房玻璃窗邊，看一對八字型ê楓籽翼以螺旋形轉蕙，親像直升機降落地去。

黃昏裡ê後埕，睏神那像主宰眾樹木，看來，恁是無在意：鹿，藤及楓籽無守規矩。樹木唯樹棵夠枝桠，唯樹枝夠連輕輕那尾蝶仔ê葉片嘛各在其位；千千萬萬ê楓葉保持恁ê宛然「標兵」立正彼款ê身姿；雖罔，有時仔，有寡意志薄侻弱ê楓籽，受著地心引力，八字型ê雙漿蕙過透明ê空氣海裡。那像熱天裡，軍事閱兵ê行列中，罕罕仔嘛有人擋未稠，偷偷仔用手摸鼻仔止癢，或是暈去，碰一聲，歸身五體貼地。

歸個後埕 ê 眾樹木呈現一款暴風眼裡，面對暴風雨 ê 款勢。基本得，樹棵烏墨一橫過一橫，倚滿後埕，恁攏安分立正，無言嘛無語；一款沉思 ê 氛圍，一款研究 ê 姿勢，一款待命 ê 模樣。

佇黃昏時，抑是早起天卜光進前，罕罕仔會看著這款 ê 樹林奇觀。

這款樹林 ê 氛圍 ê 「空間」景觀，向前伸向「時間」；每回看恁 ê 時間伸展，有時長有時短；每擺互我一款樹木枝桠葉片凍結佇「時空四度座標」ê 奇妙感受。

親像今日黃昏裡，就是連籬笆頂 ê 忍冬香百藤千葉嘛保持恁一款受著電身法 ê 固定姿態；無一款敢喧嘩，風亦足細膩，配合眾樹葉 ê 意志，這款後埕 ê 樹林景觀呈現空間及時間粘成一体；宛然是一款千軍萬馬，無人發出進攻 ê 命令，所展現 ê 待命前 ê 固定 ê 姿勢。

佇台灣，政治暴風雨時時咧發生。有人講：「政治是一款藝術。」其實彼是政客 ê 手腕，好佇暴風雨中呼風喚雨，利益家己爾爾。公元二千年以來，台灣 ê 政治裡，濟濟純是在野者輸未起，亦有一寡在朝者，興佇牛稠內製造暴風雨，然後佇遐咧呼風喚雨，維護本陣營及私人利益爾爾，奈有管顧人民生死。所以，互相免笑講對方是：「贅。」抑是：「無夠鎮靜。」

後埕 ê 樹林奇觀，互我無共款 ê 領會，嘛互我起聯想：「只有政治家誠有才調泰然面對暴風雨，營造一款暴風眼裡 ê 本事，忍受寂寞，紛亂裡掠著問題 ê 本質，侂有本領處理。」

登台文戰線，三期，2006.7。

# 介紹這本冊《期待明日 ê 人： 二二八消失 ê 檢察官王育霖》

An Introduction to the book, The Man Who Looked Forward to Tomorrow: Ong Iok-lim, the Prosecutor Who Disappeared During the February 28 Massacre

Ông , Khek-hiông (王克雄)

這幾年來我一直想 beh 將阮父母 ê 淒慘故事寫做一本冊。我 ê 父親王育霖是東京帝大卒業，是咱台灣人第一位 ê 檢察官，可惜伊 ê 壽命真短，佇伊二十七歲時，予中國國民黨藉二二八 ê 動亂，kā 伊掠去、無審判就謀殺滅屍。這本書有六十外頁寫阮父親 ê 傳記，雖然伊 ê 人生真短，猶是多采多姿，活了真有意義、有貢獻，值得後世人敬佩。父親留落 beh 少 ê 詩 kap 文章，攏是相當有水準 ê 作品，會 tàng 講伊是一位文學家。本冊將伊 ê 作品整理 kap 翻譯，展出予後世人欣賞。

這本書 ê 名叫「期待明日 ê 人：二二八消失 ê 檢察官王育霖」，來自伊 ê 文章「期待明日 ê 人」。He 是一篇真感動人而且真鼓勵人 ê 文章。阮父親描寫伊青少年時得到肺癆病，ko-put-jî-chiong tòh-ài 休學，m̄ 知 kám 會好起來，想著變做落地生，會 hông 恥笑，就非常失志。媽媽 chiah tú 死無外久，tī 一个舊式 ê 台灣大家庭內底無人關心伊，伊感覺非常孤單，非常思念媽媽，甚至想要去媽媽 hia，hām 媽媽做伙。不而過，伊覺悟：「Siōng 會當達成媽媽願望 ê，不是自殺，顛倒是向 kā 媽媽逼到 hit 款境遇 ê 歪社會制度挑戰。是，

我 beh 努力用功，成做真正偉大 ê 人。…… 已經無顧世上 ê 輕視、嫉妬 kap 無情。有 ê，只是期待 he 光明 ê 未來。」伊一再 kā 阮母親講：「人 bē-tàng 向命運屈服，一定要努力，克服困難。」我父親是一個非常有志氣 ê 人，伊 beh 行 ê 路是：「正義！堅強！帶給所有人幸福！」

冊內有一個長篇「台灣歌謠考」，系統性分析台語詩 kah 歌謠，我特別邀請成功大學台灣文學系陳麗君教授，權威性翻譯做台文，予人看出台語歌謠 ê súi。Tng 當父親 hông 掠去以後，有人好意 kā 阮母親講，厝 lìn 若有關係共產主義 ê 冊，iah 是 kap 日本人來往 ê 批，攏可能予國民黨用來做陷害父親 ê 證據。短時間母親也無法度去讀 iah 是分辨冊 ê 內容，因此她將所有 ê 冊 kap 批，用 kúi nā 日、kúi nā 暗燒掉。Khá-sú 無按呢燒去，逐家 tòh 會當讀著較濟阮父親 ê 作品。Kan-ta<sup>n</sup> ùi 這件代誌，lín tòh 會當體會當年國民黨 ê 統治有外恐怖。

阮父親受著國民黨軍人 kap 特務 ê 苦刑以後，可能 hông 槍殺 kap 埋葬。雖然是極端 ê 痛苦，但是 he 是短期 ê。阮母親所受 ê 苦難，卻是日接暗 kap 年接年。母親本來是一位好門風 ê 千金小姐，soah 佇人地生疏 ê 台北，āi<sup>n</sup> 著三個月大 ê 嬰仔克紹 kap 牽著二年九個月大 ê 後生克雄，聽著佗位有屍體就趕去，佇腐爛 ê 屍體中 beh 辨認父親。彼種淒慘 ê 情景，實在予人心酸難忍。伊彼陣時常夢著父親，m̄ 過真緊就消失，留落失望 kap 驚惶。一個寡婦 beh 活落去 ê 原動力就是伊 ê 囡。阮母親知影張七郎醫師 kap 伊 ê 兩個醫生囡同時攏予國民黨殺害。母親日日煩惱，驚國民黨也 beh 劊伊這兩個囡。她常常夢著有鬼 beh 來偷提她 ê 細囡，伊就抱著細囡 m̄ 敢睏，因為一睏去，會 koh 夢著彼个鬼。後來五叔育德佇日本做台灣獨立運動，她知影國民黨將廖文毅 ê 親 chiân 關起來，逼廖文毅放揀獨立運動，轉來台灣投降。母親也就緊張擔心，m̄ 知國民黨佗一日 beh 來抓伊 ê 囡做人質。張炎憲



教授 bat hām 母親 kap 我做詳細 ê 訪問，由胡慧玲女士寫了真 iù-lō 哀傷、非常感動人 ê 口述歷史。咱若重新 beh 來寫母親 ê 故事，無一定會寫 khah 好。這 ê 口述歷史記載佇「台北南港二二八」，彼本冊由吳三連台灣史料基金會出版，發行人吳樹民醫師允准阮轉載佇這本冊頂面。

阮父親一方面心肝真好，另一方面 koh 疾惡若仇。佇伊 ê 傳記彼一章，記錄伊做新竹檢察官所起訴三 ê 案件：1. 新竹船頭行走私案：他去查走私案件，證據周全，隨時將七、八个人攏總關起來，人人歡喜。奸商就拜託父親小學 ê 同學柯先生來厝 o-se，父親看著伊提大包錢出來，非常受氣，大聲 kā 伊趕出去。2. 新竹鐵路警察貪瀆案：三位新竹段 ê 鐵路警察予人檢舉貪污，父親將 in 提出公訴。In 非常受氣，竟然提槍 beh 拍阮父親，但是伊攏無驚惶。3. 新竹市長郭紹宗瀆職案：郭市長原是陸軍少將，有大官咧支持，但父親 m̄ 管上級 ê 壓力，認為貪官污吏一定要嚴辦，結果伊受逼辭職。父親 ê 老師美國人葛超智先生有保留父親寫予伊 ê 二封英文批，予咱會 tàng 知影當年 ê 情形。佇 1946 年 9 月 18 日父親寫講：「我主張司法愛獨立，…… 以及對犯法 ê 人 kap 為非作歹 ê 官員愛積極起訴，予掌權 ê 上司所反對，m̄ 過台灣人 soah 非常 o-ló 我。最後我 hông 逼辭職，總是我無後悔，因為我盡了我 ê 責任。」阮父親確實是一位受人敬仰 ê 「鐵面檢察官」。

這幾年來真濟關心台灣 ê 人大聲要求 beh 司法改革。Lín 敢知，阮父親佇七十年前就已經勇敢要求 beh 司法改革？伊佇民報寫有關司法 ê 社論 kap 評論，伊強調司法應該獨立、司法官應堅持護法 ê 聖職、尊重法律、維護言論自由等等。伊看著軍警 tiān-tiān 非法掠人 kap 關人，伊就寫「提審法解說」，提醒人民有權要求法院將 hông 關 ê 人，廿四小時內對軍警手中，轉送司法機關，而且軍警一定愛服從。彼時阮父親 kap 一寡法律人籌備 beh 召開一个全島性 ê 會議，beh 來討論台灣 ê 司法問題，希望有寡共識，來要

求國民黨政府保證袂閣干涉司法人員 ê 執行任務。因為按呢 ê 呼籲，促成官方五日 ê 「台灣省司法會議」，對 1946 年 12 月 22 日開始，全面討論司法上 ê 種種問題，可惜並無對政府官員干涉司法這個核心問題有所決議。按呢阮父親變做國民黨 ê 眼中釘，利用二二八做藉口，將伊謀殺又滅屍。

佇 2016 年當選 ê 小英總統預定三年內 beh 完成台灣 ê 轉型正義調查報告書，將對真相調查 kap 整理出發。二二八發生時，連震東、黃朝琴、游彌堅、劉光、林頂立等五人製作一本二百外名台灣菁英 ê 黑名單，由國民黨台灣省黨部交予台灣行政長官兼台灣警備總司令陳儀，伊閣再交待憲兵第四團張慕陶團長 kap 軍統局台灣站林頂立站長來執行掠人、殺害 kap 滅屍 ê 工作。這場世紀大謀殺案是轉型正義上要緊 ê 工作。真緊二二八慘案已經過了七十冬，殺害台灣菁英 ê 真相猶 hông 壓制 kap 否認，希望本冊 ê 出版會當催迫轉型正義早日達成。

我煩惱無真濟材料會當寫，但是當我搜集有關父親 ê 資料 kap 母親 kā 阮講濟濟 ê 故事，會 tàng 寫 ê 材料 iah 是 bē 少，我盡量揀較有趣味 ê 故事來寫。

# 互相做伴 ê 「厝內人」

## My Home Companions

Tân, Hong-hūi (陳豐惠)

我有兩個認養 ê 「查某囡」，in 一个十二歲，號做 *Becca*，一个十歲，號做 *Baby*，兩個個性真無全，*Becca* 雖 bóng khah 濟歲，m̄-koh 真活骨，不時 leh 走跳，liâm-mi 伸筋挽額，liâm-mi chông 來 chông 去，罕得幾時坐 tiā<sup>n</sup>-tiā<sup>n</sup>；*Baby* khah 少年，soah 逐不時 lóng phak tī 窗仔邊看光景，無，就是 kiu leh 睏，睏 kah 一 khian 肚比 *Becca* khah 大！

愛運動 ê *Becca* 真黏 -- 我，我若 beh 出門，伊就直直哀，to 行出巷仔口 --ah，iáu-koh 聽 ē 著伊尖 lāi ê 喉叫；啊若入門進前，iáu 離幾若步 --leh，伊就隨感應 -- 著，開始 sai-nai 歡迎我轉來厝。若 tī 厝內，*Becca* tiā<sup>n</sup>-tióh 來坐我邊 --a，甚至主動伸手來搭我 ê 手 iah 是倚 tī 我身軀邊，ná 像 án-ne ē khah 有安全感。暗時我 beh 睏，只要行入房間，*Becca* 就自動跳起來眠床頂，若 m̄ 是 tī 枕頭邊，就是 tī 跤邊，án-ne 相倚 p̄ng，一直到天光。

Khah 恬靜 ê *Baby* 雖 bóng 無像 *Becca* án-ne 黏 thi-thi，總 -- 是伊 mā ē 揣有我氣味 ê mih 件做倚靠，親像我 ê 布措仔，iah 是 bē 記得收入去 thàng-suh ê 衫仔褲，tiā<sup>n</sup>-tiā<sup>n</sup> 變做伊 ê 椅 chū iah 眠床。Khah 趣味 --ê 是，*Baby* 恬 bóng 恬，若叫伊 ê 名，伊 lóng ē 應，叫一聲就應一擺 XD！其實 in 兩個是 sai-nai 方式無全 niâ，lóng 是真乖巧 ê

查某囡仔 --lah。本底 in 兩個姊妹仔互相做伴 lóng 真和諧，料想 bē 到，*Baby* 兩冬前身體 koh-iū<sup>n</sup> 蹠院一個月，出院了後，*Becca* soah bē 認得伊，lóng m̄ 願 kap *Baby* 接近 --ah.....。

É？！講到 chia，你 kám 有感覺佗位怪怪？  
我這兩個「查某囡」，是——貓仔——lah！

*Becca* 其實號做「白跤」，*Baby* 號做「白鼻」，兩個 lóng 是傳統台灣人 khah 無愛飼 ê「白跤蹄」；尤其是「白鼻」，正港 ê「烏貓白跤蹄」。當初 ē tùi 動物病院 kā chhōa 轉來飼，就是因為病院貼認養告示三月日了後 iáu 是無人 beh 飼，我拄好 hit-chām 想 beh 替白跤揣一个伴，聽醫生講白鼻拄出世無偌久就 hō 人放 sak，hō 好心 ê 過路人 khioh-- 著 chhōa 去病院，醫生本底煩惱救 bē 活，佳哉有愈來愈勇健 -- 起 - 來。看著白鼻滴滴漢仔，kan-ta 胸前有 sió-khóa 成 V-- 字 ê 白毛（親像台灣烏熊！）、腹肚 mā 有麻芳斜（môa-phang-chhoáh）ê 白毛，鼻仔 kap 喙邊有 chit-sut-á 白白，koh 有穿白襪仔，其他全烏毛，實在真古錐款，就決定收伊做查某囡。

白跤 kap 白鼻是 kap 我做伴 ê「厝內人」，我真寶惜 kap in ê 緣份，但是外口 iáu 有濟濟流浪 ê 貓仔 kap 狗仔，看著 in kap 看著遊民全款 ē 心酸。動保團體 leh 提倡 ê TNR（iah 是 CNR<sup>1</sup>），我真認同；平平是地球村 ê 成員，掌握真濟資源 ê 人類應該 ài 替 khah 弱勢 ê 動物設想，若 beh 飼動物，盡量用「認養」代替「購買」，若決定 beh 飼，就 m̄-thang kā 放 sak，因為 in mā 是有感情 --ê，in kap lán 全款，ē 歡喜，ē 悲傷。

人 kap 動物全家代，疼惜性命合應該，共生共存傳大愛，地球和平自然來。

1. TNR 是 Trap Neuter Return（『誘捕』、絕育、放轉去原地）ê 縮寫；CNR 是 Catch Neuter Return（liáh、絕育、放轉去原地）ê 縮寫。

# 5 公里 ê 山路

## The Five Kilometers Road

Tiu<sup>n</sup>, Giók-phêng (張玉萍)

拜五下晡，我駛車去學校接 A-ú，tī tng--lâi ê 路 lìn，A-ú 問我講：「媽媽，A-ú 後禮拜敢有 hit 種 kā 老師講 tòh m̄ 免去學校 ê 放假？」我一時聽無斟酌，tòh kā 伊問：「Siá<sup>n</sup>-mih 是 kā 老師講 tòh m̄ 免去學校 ê 放假？」A-ú 應我講：「Tòh 親像 chit 禮拜一 ah，A-ú 感冒發燒，你 khah 電話 hō 老師，A-ú tòh 會當 tī 厝 hit 種 lah！」我聽了感覺 ài 笑，tòh 應伊講：「He 是請假，m̄ 是放假 lah！是講，媽媽 mā m̄ 知你後禮拜敢 koh 有 hit 種放假，媽媽是希望 mài koh 有 lah，ah 你 leh？你想 beh 發燒放假 ah 是想 beh 去學校？」A-ú 真緊 tòh kā 我應：「我想 beh 放假」。

有影囡仔 tòh 是囡仔，甘願艱苦 mā beh tī 厝 chhit-thô。Chit 款 ê 情景 hō 我想 tòh 細漢 ê 時陣，bat 因為山路崩去無去學校；mā bat tī 學校發燒，老師駛車載我 tng--khì，結果山路 oan-oan-oat-oat，害老師駛 kah 頭殼 gông-chhia-chhia。Koh 有一擺，阮 tī 路邊挽 tòh chiok 濟好食 ê chhi-pho、用石頭 khian soai<sup>n</sup>-á.....。Ah，我 hiông-hiông chiok 想 hit 條 tng 去阮 tau ê 路。

M̄ 知 ùi siá<sup>n</sup>-mih 時陣開始，mā m̄ 知是 siá<sup>n</sup>-mih 人 kā 我講 --ê，我知影 tui 阮 tau 到店仔 ê 路，有 5 公里 chiah-nih hng。若是 kō 行 --ê，ùì 阮同學 in tau ê 梨仔園 liu-lòe，到店仔 kan-nā ài 45 分鐘；若是 beh

tng--khì , tòh ài 一直 peh kiā , siōng 少 mā ài 開 teh 1 點鐘 。細漢 ê 時陣 , 阮 5 个兄弟姊妹攏 kō`kiān--ê 去讀冊 。大姊 tui 國校仔 1 年 kiān kàu 國校仔 6 年 , 我是 bân 仔囡 , 攏總 mā 行有 2 年外 。是講 , kiān 路去讀冊 , 除了會當 hō`我 tī 運動會 cháu-sio-jiók 提著第 1 名以外 , mā 有袂少心適 ê 所在 。

Hit 个時陣 tòh tī 全 1 條路 ê gín-á , 差不多有 6、7 个 , 攏會做伙 kiān 路 tng--khì 。M̄知 sián-mih 人提議 ê , 阮 sùi 人攏 kā 冊 phāi 仔 long tī 路邊 khioh 來 ê 竹篙面頂 , 了 chiah koh 鉸刀、石頭、紙 , siōng 輸 ê 2 个人 tòh-ài giâ 竹篙 peh 山路 , chhun--ê 人 tòh 會當涼 she ah 涼 seh、跳 leh kiān 。等 giâ 過 10 支電火柱仔 , chiah koh giāng 1 擺 。Hit 當陣 , 阮 3 姊攏會提一支竹 chhōe 仔 kiān tī siōng 後壁 , 親像趕雞仔全款 , kā tòe 袂著陣 ê 囡仔 thuh leh kiān 。因為按呢 , kui 條路 ê gín-á 攏驚伊 , kui 條路 ê gín-á 攏會當準時到厝 。

雖然 kō`行 --ê 真趣味 , m̄-koh peh kiā 實在是真 thiám , 有當時仔 iah 是希望有過路車通好坐 。M̄-koh , 阮兄弟姊妹人 khah 濟 , 一台 o-to-bái 載袂 loeh , mā 袂當 kan-nā 其中載 1、2 个 , 因為會 khêng-hun 。所以 , tī 印象內 , 阮坐過路車 ê 經驗 kan-nā 有 2 擺 。其中 1 擺是坐駛去農場 ê 鐵牛仔 , 伊 ê 後斗載 2 kái 真大 ê âng-mô-thô`水管 , 阮全部攏坐 tī 水管面頂 , 一路搖來搖去 chiān 刺激 。第 2 擺是坐一个阿伯 ê 運搬車 , 雖然速度真慢 , m̄-koh 坐 tī 面頂吹風、m̄ 免行 , iah 是 khah khùi-oáh 。Hit 个阿伯 tòh-tī chhiū-chî-pê-n-á , 離阮 tau 無 gōa 遠 , 阮 khah 早 mā tiān-tiān kiān 路去 in tau kap 大漢哥哥做伙 sng 電動 , 會使講是真熟似 , 所以 , 阮逐家攏真放心 。坐無 gōa 久 , 阿伯講伊 beh 駛無全條路 , 阮 mā 笑笑仔講無要緊 。想袂到 , 阮坐 2 點鐘久 koh iah 袂到 chhiū-chî-pê-n-á , 原底這個時間早 tòh 已經到厝 ah , 阿姊、阿兄開始緊張 , 一直 kā 阿伯問 tang 時 chiah 會到 ? 我 mā 驚 kah kiông beh 哭出來 ! 好加 chàì , koh 過 15 分鐘 , 阮總算看 tòh 熟似 ê 「chhiū-chî-pê-n-á」 ah 。一落車 , 5 个人 tòh 拚勢 cháu , 一到厝 , tòh 看著阿媽提 siù-sê-á tī 門口埕 teh 等 。尾仔 , 阮 sùi-ê á sùi-ê 攏去 hō`

阿媽擯 kha-chhng, lú 大漢 tòh 擯 lú thiám, 實在有夠可憐！自 chit 擺了，阮 tòh m̄ 敢 koh 烏白坐別人 ê 車 ah。

過無幾冬，阮 2 姊、阿兄讀高中 kap 國中，會曉騎 o-to-bái 載阮細漢 --ê，我去讀冊 ê 日子 tòh ke 真 khin-khó, 5 公里 ê 山路 mā 變做會當 ná 唱歌 ná 欣賞風景 ê 路途。Ah！真久無 tng 去後頭厝 ah，後一擺若 tng 去，一定 beh 好好仔 kā A-ú 介紹，媽媽細漢 hit chōa 沿路用 芎蕉欖、青仔欖、楓仔樹、梅仔樹、竹筍 phō 裝 thah 起來、青 phiàng-phiàng ê tàu-tô:

# Goán A-mah

(摘錄)

## Strolling Along Fate

Tiu<sup>n</sup>, Hók-chû (張復聚 / Babuza Chû)

“Chit-liáp-liu--leh!”

“Lâi-khì-phà chha gōa chē leh!”

Chit n̄ng kù òe sī goán lāu-bó siōng chiap iōng ê òe-bó. Góa tong-jiân thia<sup>n</sup>-ū i teh kóng sà<sup>n</sup>. M̄-kú kàu ta<sup>n</sup> iáu bē-hiáu iōng Hàn-jī chin cheng-khak kā siá--chhut--lâi!

Tùi goán lāu-bó, goán ê chheng-ho̍ kap pát-lâng bô siá<sup>n</sup> kāng, goán lóng kiò i “a-mah”. Ū sī nā kiò liáu khah tōa sia<sup>n</sup> koh khah kín, chiū ē piàn-tiâu, 4 piàn 2, a-mah piàn a-má! Chhù-pi<sup>n</sup> thâu-bóe lóng kā goán chhiò, kóng án-ne ē kā goán lāu-bó kiò lāu--khì. Góa ê in-siōng lāi-té goán in-ūi chit-hāng tã-chì tiā<sup>n</sup>-tiā<sup>n</sup> teh hō̍ lāng chhiò. Goán tōa-tī Khe-ô (溪湖) ê a-î in hia lóng kā a-bó kiò-chò a-i. Thia<sup>n</sup>-kóng he sī Pê<sup>n</sup>-po̍-chók ê chheng-ho̍.

Ta<sup>n</sup>, goán a-mah chá-tiòh í-keng lāu--khì. 21 nî--a. Kiàn-pái nā siū<sup>n</sup>-tiòh goán a-mah, góa ê sim chiū sng-sng, thià<sup>n</sup>-thià<sup>n</sup>, kám-kak kui liáp sim-koa<sup>n</sup> it-tit tîm--lòh-khì, tîm lòh-khì kàu bô-té chhim-khe<sup>n</sup>, tîm lòh-khì kàu o̍-thi<sup>n</sup> àm-tē ê só-chāi!

Goán a-mah chhut-sì tī Tai-ôan tiong-pō̍ ê Chiang-hòa koān, Tāi-chhoan hiang (彰化縣大村鄉), in chāi-tē ê lāng lóng kóng-chò Tōa-chng



(大庄 ?). I bô thak sím-mih chheh. Góa ê lí-kái, i ũ thak-kòe 1 nî ê àm-òh-á. Iōng chit-má ê òe, chiū-sī iā-kan-pō. Tàu-té lóng-chóng thak bat jōa-chē “jī”, góa mā it-tit chin hoài-gî! Thia<sup>n</sup> kóng chit lé-pài chiah kà chit-kú HA-NAH, Jit-gí, chiū-si hoe ê ì-sù. Sít-chè-siōng góa kan-ta chai-ia<sup>n</sup> i ē-hiáu siá i ka-kī kap goán a-pah ê miâ. Nā-sī goán chia-ê gín-á ê miâ, i siá bē thau. Tī hit-ê pha-hng ê nî-tāi kap sán-hiong ê chng-kha, bô thak-chheh sī cheng-siōng tāi. Sū-sít-siōng, hit-chūn nā ũ p̄ng thang chiah chiū sng bē-bái! Mài kóng beh thak-chheh, ték-piát sī cha-bó' gín-á. Tī hit-ê lín-pē siōng tōa ê cha-po' lāng sè-kài, koh su-iàu ũ khui-lát chò-sit ê Tâi-oân, cha-bó' lāng sī bô tiōng iàu--ê.

(這段省略)

Goán a-mah chū sè-hàn tiōh chin phá<sup>n</sup>-miā! 5, 6 hòe chiū ài chú-p̄ng. Kó-chá ê tōa-chàu tōa-tiá<sup>n</sup>, m̄-bat khòa<sup>n</sup>--kòe lí bē-hiáu thang kia<sup>n</sup>. Chàu ê koân-tō' mā ũ chiá<sup>n</sup> pah kong-hun ê khoán. 5, 6 hòe ê gín-á-kiá<sup>n</sup>, khiā tī chàu-pi<sup>n</sup> kin-pún khòa<sup>n</sup> bē tiōh chàu-téng ê tiá<sup>n</sup>! Lāng é chàu koân, beh án-chóa<sup>n</sup>? Giá í-thâu-á lâi thiap-kha! Goán a-mah chiū-sī án-ne khiā tī í-thâu-á téng khai-sí chú-p̄ng, mā tiōh sé-sa<sup>n</sup>, chhī-ti, sàu thô-kha, pià<sup>n</sup> lāi-té...! Nā khi hng--nih, koh ài tàu khai-chháu, ta<sup>n</sup> tiám-sim. Khah chho-tāng ê khang-khòe, chhiū<sup>n</sup> ta<sup>n</sup> pui, chiū-sī sái kap jiō, á-sī ak-pui, lóng sī goán a-kū ê tã-chi. Siàu-lú ê a-mah án-chóa<sup>n</sup> kòe-jit góa chit-tiám-á lóng m̄-chai. Kàu 24 hòe kè kòe-lâi goán pā (lāu-pē) chit-pēng, jit-chí mā bô thang gōa hó! Goán pā ē-bīn ũ 1 ê sió -moái kap 5 ê sió-tī. Bân--ê chá tiōh pun--lāng khi--a. Sít-chè-siōng ũ 4 ê sió-tī. Goán a-mah ài tàu chiàu-kò' hia-ê a-chek kap a-ko'. Kāng-khoán ê khang-khòe: chú-p̄ng, sé-sa<sup>n</sup>, khoán chhù-lāi, chò-chhân, chhōa sió-chek sió-kò'... Goán pā koh khí chit-keng bí-ká, chiū-sī ká chhek-á ka-kang (thng-khak) piàn-chò bí ê kang-chhiú<sup>n</sup>. Siōng-sè ê khang-khòe m̄-bat thia<sup>n</sup> a-mah kóng--kòe. Mā m̄-chai tàu-té sī bô-êng kàu sím-mih theng-tō'. Lán thang chin kán-tan siū<sup>n</sup>: chit-ê cha-bó' lāng ài hók-sāi ta-ke, ta-koa<sup>n</sup>, chiàu-kò' 5 ê sió-ko' sió-chek, koh chit-keng bí-ká, koh beh chú-chiáh, khoán lāi-té, koh ũ chit-sút-á chhân-hng ài chò! Beh kóng ũ

êng choát-tùi sī bô khó-lêng! M̄-kú chit-khoán bô êng khiok ū p̄ng thang chiáh ê jít-chí bô jōa kú chiū bô--khì-ah. Goán a-pah “kha-chhng chiū” (che sī goán a-mah kóng--ê ) cháu-khì chò thô-tâu-iû, khui kang-chhiú<sup>n</sup> liáu chin chē chi<sup>n</sup>! Sòa-bóe hō`lâng liáh khi lók-tû-á lāi koai<sup>n</sup>. Koh kã goán a-mah ê kè-chng âng-bîn-chhng thêh khi bē! Kàu góa 5 hòe ê sī goán chiū lî-khui kò-hiong Po-sim (彰化縣埔心鄉) khi Lâm-tâu-koān Tiong-liâu-hiong (南投縣中寮鄉), chiū-sī 921 tōa tē-tāng hia chò soa<sup>n</sup>. Khai-sí chin-chià<sup>n</sup> ê phái<sup>n</sup> jít-chí!

Tī Lâm-tâu, goán ū bé soa<sup>n</sup> kap chúi-chhân lâi chò. Lóng-chóng ū kúi-kah soa<sup>n</sup>, kúi-hun chhân góa m̄-chai. Kan-ta chai-ia<sup>n</sup> ták-jít lóng ū chò bē liáu ê sit-thâu. Soa<sup>n</sup>-téng cheng chhiū-chî, ông-lâi, lêng-kéng kap tek-á; chhân--nih cheng chú-tiū; mā ū chit-sut-á hng cheng chhài-se. Chò soa<sup>n</sup> sī chin thiám-thâu ê tã-chì. Hong khau, hō`lâm koh jít phák. Chng-kha lâng bô ê-á thang chhēng. Chò-sit lóng mā thng chhiah-kha. Kha-té tiā<sup>n</sup>-tiā<sup>n</sup> mā hō`h̄m-á-chháu puh ê í<sup>n</sup> chhak kàu hoeh lâu hoeh tih! Chhut-m̄ng sī lóng mā tì chháu-lêh-á, bîn koh iōng kin-á pau. M̄-kú chò chit-kang ê sit liáu-āu, kui e bîn lóng mā o-sô-sô, koh hō`cháp-chháu eng kàu kui sin-khu lóng chin chhiah-ia<sup>n</sup>! Koh ū chōa kap phang, bô sè-jī chiū ē hō`kã--tiòh á-sī têng--tiòh! Chhàu-chhè<sup>n</sup>-bó chiok chhàu-chhè<sup>n</sup>; hó`thâu-phang chin phái<sup>n</sup>! Chèng-chhân mā bô teh nng. Lê-chhân (hit-chūn bô ki-hâi, tiòh ài sái chú-gû), pò`tiū-á, so-chháu, iā pui, koah tiū-á, phák chhek-á. Lóng thang hō`lí chò kàu oai<sup>n</sup>-io--khì! Iáu ē kì-tit góa ū chit-pái thiám kàu peh bē khí-khì bîn-chhng! (Chng-kha ê tek-á bîn-chhng tèk-piát koân, khó-lêng ū kap tōa chàu beh pē<sup>n</sup> koân ê khoán. Goân-in èng-kai sī beh pī-bián chōa hit-khoán ê phái<sup>n</sup>-mih lâi kiáu-chhá.) Chhī chit tōa-tui ê ke, ah kap 3,4 chia<sup>n</sup> ti. Sáh han-chî, chām ti-chhài, ta<sup>n</sup> phun, pià<sup>n</sup> ti-tiâu lóng sī ták-kang ài chò ê khang-khòe. Goán a-mah tiòh án-ne thàu-chá chò kàu àm. Tòà tī Lâm-tâu ê tē-3 tang, goán a-mah khó-lêng sī êng-ióng put-liông koh chhau-lô kòe-thâu, sòa phò-pē<sup>n</sup> peh bē khí--lâi! Hit-chūn pak-tó`té ū gín-á, chiū-si láu-gō`--ê Ûi-chín, ták-ê lóng siū<sup>n</sup> kóng bô òng-bāng--a! Hit-nī góa 7 hòe. Chng-kha gín-á 7 hòe iáu-sī gōng-à<sup>n</sup>-à<sup>n</sup>, mā bē-hiáu thang hoân-ló. Chin chē tã-chì mā bô

kì chheng-chhó. Kan-ta ē-kì-tit kóng a-mah hō' lāng “phah-chhut-thia<sup>n</sup>”, mā m̄-chai sím-mih ì-sù! Hó-ka-chài, bóe-á a-mah put-tān sin-thé hó--khí-lâi, koh kā láu-gō'--ê se<sup>n</sup>--chhut-lâi. Āu--lâi thia<sup>n</sup> tōa-lāng kóng-khí, tãi-ke lóng pān-phôe pak-tó' té ê gín-á tiā<sup>n</sup>-tiòh “sáh”chit-ē khong-khong gōng-gōng. Kiat-kó sī kiān-khong cheng-siōng koh sī goán 5 hia<sup>n</sup>-tī siōng ian-tâu--ê! Thâu-khak mā bē-bái, chit-má mā sī Tiong-i-su. Cheng-chha sin-koân khah bô kàu, m̄-bián chò-peng! Keh tng-nî goán tiòh kui ke-hóe-á poa<sup>n</sup> khi Tâi-pak, tī hia goá khai-sí jîn-seng ê sin thi<sup>n</sup>-tē.

Khi Tâi-pak tōa pēng bô hō' a-mah khah hó ê seng-oáh! Goán a-pah “cháp-chò káu put-sēng, kín-chò kín bô eng!” (Che sī a-mah ê kiat-lūn.) Bē-chhài, thâu-chá tiòh ài kiā<sup>n</sup> beh 2 tiám-cheng ê chiòh-thâu-á lō; mā sī thng chhiah-kha, khi Tâi-pak-chhī ê Tiong-iong Chhī-tiū<sup>n</sup> koah-chhài, bē-chhài. Lóng mā-sī thi<sup>n</sup> iáu-bōe kng kiā<sup>n</sup> kàu thi<sup>n</sup> kng chiah kiā<sup>n</sup> kàu. M̄-koán sī thâu-hong á-sī lōh-hō' lóng ài kiā<sup>n</sup>! Chhù-lâi thâu-chhùi koh chē, goán hit-chūn gín-á ū 3 lâm 2 lú, āu--lâi koh se<sup>n</sup> 2 ê cha-po'--ê, khai-siau mā kia<sup>n</sup>--lāng. Bô hoat-tō; a-mah tiòh-ài khi kā lāng sé-sa<sup>n</sup>, pài pin-nng-tà<sup>n</sup>, sì-kè chioh, chioh chî<sup>n</sup>, chioh bí, chioh ke-si (kì-á, kòng-thui-á...), chhām sé sin-khu ê tōa kha-tháng mā ài chioh; cheng-chha m̄-bat chioh ang chioh kiá<sup>n</sup> niâ!!

Chiū án-ne goán a-mah chiáh kàu 48 hòe chiū tiòh tōa-pē<sup>n</sup> tó--lòh-khì, bô koh chài peh--khí-lâi!!! (後壁省略)

--2001/3/30







# Siáu-soat 小說 Fiction

# 愷悅公主

## The Princess of Hyatt

Ngô; Kéng-jū (吳景裕／陳雷)

「一百萬！一百萬！一百萬！...」鳳--a大聲 hui，雙手 giáh koân概成 teh hoah萬歲。「一百萬！一百萬！...」俊--a tòe伊 hán，kā鳳--a規身軀 moh起來 seh。俊 --a人細 hui<sup>n</sup>，鳳--a身肥 thún，顛一下差一 sut á siak倒。不過事實總數是99萬，算二擺--a，kah無一百萬。Hoah一百萬加真爽 tō是。

「來！我 chhōa你來去 Soho買 súi衫！據在你 kéng，看 beh 幾十領...」kā鳳--a kûi leh chim，chim kah 鳳--a ngiau，gī-gī笑。He錢若金紙一把一把 lák-lák iā，「一萬，二萬，三萬...」，規土腳攏是。

「你看！俊--a！」鳳--a hoah大聲，指 hit台電視。「你看！你--lah！是你--lah！」俊--a驚一 tiô，雙手 kā鳳--a ê腰放--去。「Koh來特別報告，今á日下晡，天母東路玉山銀行搶劫案...」Koh放搶劫現場 ê錄影。「查甫人，20 thóng歲，155公分，鼻頭一粒烏痣...」Ta<sup>n</sup>害--a，hit個進前，伊有去玉山銀行看幾佬擺，明明無看著有監視 ê hip相機。夭壽 oh，m̄知 tī tó位去 hō hip--去？趕緊 hia ê錢 khioh-khioh--leh，運動袋 á袋一袋，安全帽 tì--leh，駛 o-to-bái走去永和鳳--a in母--a hia bih。

隔轉日成實載鳳--a去 Soho買 súi衫。俊--a驚 hō人認--著，安全帽 tì tiâu-tiâu，m̄敢 thng--落來。O-to-bái停 tiàm Soho頭前，kā鳳--a講：「你入--去 tō好。我 tòe chia等。」鳳--a皮包 á kōa<sup>n</sup>-leh，家己一個人入--去，一樓到五樓，seh二點外鐘才出--來。雙手 kōa<sup>n</sup>三個袋 á chiah大 ê。

先穿一 su pâng金花干烏 ê 禮服 hō 俊 --a 看，長長拖到土腳。Koh 來換一套白波波 ê 洋裝，kah 一領 té-té-té ê 迷你裙。續 -- 落 - 來 thng kah 光光，moa 一 su 粉紅 á 半通光 ê 內底衫裙，內面一領有 le-suh ê 細細 eh-eh ê 三角褲，「你看！愷悅公主陳金鳳！」一雙三寸 koân 屐 á seh 一 liàn，差一 sut á oaih<sup>n</sup> 一倒。俊 --a 看 kah 坐 bē tiâu，起狂 peh -- 起 - 來腳來手來，ngiáuh-ngiáuh 摸。鳳 --a m̄ hō 伊摸。「你家己講 --ê，thàn 錢發 pōng，beh chhōa 我去愷悅，tòa 公主套房。」「明 á chàì，明 á chàì 來去 tòa。」Tō beh kap 鳳 --a sng。鳳 --a kā sak 走，m̄ kap 伊 sng。「明 á chàì，明 á chàì 才拍算。」Súi 衫 súi 褲收收 -- 起 - 來。據在俊 --a 七姑成八姑成，m̄ tō 是 m̄。

Hit 幾日電視無新聞，天母東路玉山銀行搶劫案報幾倂擺。Ták 擺 hip 相出 -- 來，鼻頭一粒痣，正面、邊 á 面攏有，清清楚楚。俊 --a bih tī 鳳 --a in 母 --a hia，規日 m̄ 敢出門，ná 敢去 tòa 愷悅？！Kan-na 早時 o-to-bái 載 鳳 --a ùi 永和去台北上班，安全帽 khàm 密密，m̄ 敢 thng -- 起 - 來。按呢過三禮拜，日 -- 時關厝內，暗時 hō 鳳 --a 刁古董創治，換 súi 衫 súi 褲 hō 伊看，hiâu-hoe 使目尾，微微笑，kā 伊 siân：「愷悅公主陳金鳳。」Tō 是 kan-na m̄ hō 伊摸。

按呢 ta-sò koh 生 iau，tī hia 受苦想無步。Tú 好無外久和平病院病案爆發，台北市「殺死（SARS）」大流行。俊 -- a 看電視 teh 報，街 á 路、店 -- 裡四界攏隨人 tah 一個 ma-su-khuh，面掩 kah bā-bā，m̄ 敢喘 khùi，驚 hō 人 òe -- 著「殺死」。一時想著一個好步，跳起來 hiu：「鳳 --a，我 chhōa 你來去愷悅。」

掛一個 N95 ma-su-khuh，koh 另外用紗布作一個大嘴掩，tú 好大面 khàm bā-bā，chhun hiáh-á kap 目矙。O-to-bái 駛 -- leh，來到 Soho，大扮 tō 入 -- 去。買一 su 藍海 ê 西裝，金 tauh-liú-á ê sia-chuh，意大利絲 á ne-khu-tái，koh 一雙虱目 á 魚頭尖尖 ê 烏皮鞋。

二個人穿穿好勢，he查甫--ê 雖罔無性感男星 Gary Cooper ê派頭，人講衫撇人 tō ian，mā有三、四分青春男星柯俊雄 ê扮勢。He查某--ê 雖罔無公主明星 Grace Kelly ê風度，人講 kōan屐三寸 ioh，kha-chhng頭 tō有風，mā有四、五分大膽藝人 X曉丹 ê姿勢。二人 N95兼紗布 ê ma-su-kuh tah--leh，tha-khu-sih坐-leh，sáng-sáng勢勢來到愷悅。

Tòa五星愷悅大飯店公主套房，食--ê是法國式西餐，牛油 chhi-suh，giáh刀 giáh chhiám，lim--ê是黃金甘 ti<sup>n</sup> ê siang-phéng，phih-phih phók-phók pù-phok-á，khin-khin khiang-khiang 酒杯 á；穿--ê是半通光 ê紗網掛 le-suh，看--起-來 in-in iá<sup>n</sup>-iá<sup>n</sup>，khah常是摸摸 so-so，thng kah光光；睏--ê是 tah báng-tà ê皇后眠床，倒--落-去 nng-nng sim-sim，搖搖 chhék-chhék，歡歡喜喜，規暝免睏。

二暝二日頭到尾全程 lum sa-bi-suh (room service)，一步免踏出公主房間 ê門。Hit日中晝離開五星愷悅，he少年 bo-i (boy) 穿一身紅絨牽金絲制服，tì一頂雞卵糕 koân帽，khàm一個 N95 ma-su-khuh，khiā正正 tī 大門口等。帽 á thng --起-來，kā in tà<sup>m</sup>大禮，講：「Thank you，多謝光臨。」俊--a停一腳步，行óa--去，tu一張一千 kho'ê chih-puh hō--伊，講：「Very good。」He bo-i koh áu一個大禮，iát一下手，hut--一-下 tha-khu-sih tú來到面頭前。

一路 hi-hi 哈哈，笑轉來到永和。巷 á 口 khiā 二個警察 á teh 等。Hâ 短槍、穿擋槍 chí ê 衫，掛『抗殺死』ê ma-su-khuh，伸手遮--leh m̄ hō in 過。「請恁 chit-má 暫時 m̄ 通過。」「Ai-ioh，是啥物代誌？」鳳--a 假仙問。「巷 á 內 teh 掠人。」「真正--ê？掠啥物人？」鳳--a 假仙驚。「搶銀行--ê，有槍危險。」「Oâ，beh 驚--死-人！」二個趕緊溜 soan。

過--來拜一俊--a 載鳳--a 來到愷悅大門口，tú 好一對 a-tok-á 手牽手 ùi 內面出--來。查甫--ê 剃光頭、掛耳鉤，查某--ê 穿牛 á 褲、moa 短衫、現肚臍。Hit 個穿紅絨牽金絲 ê bo-i khiā 直直，雞卵糕帽 á thuh--起-來行大禮，講：「Thank you！Come again。」He a-tok-á 概成無看--



著也無聽 -- 著，ma-su-khu掛 tiâu--leh，tī大門口 lám leh相 chim，teh講 bye-bye。鳳 --a ùi愷悅員工出入 ê 後壁門入 -- 去。這日上班，照常掃土腳清房間，到暗時十點下班，規日 bi-bi-á笑。款 hit 間公主套房 ê 時，摸 he眠床 nng-nng sim-sim，搖搖 chhék-chhék，嘴 ná念：「愷悅公主陳金鳳 ...，Bóng稀罕 -- lah。」



RUM  
T

H

PORTU

Tabula Geogr  
de Libiana  
et ad UG  
et ad UG  
et ad UG

Albany 1785

F  
R  
R



# Part III

## Members / Hōe-goân

## Âng, Kiān-pin

Âng, Kiān-pin (洪健斌) was born in 1961 in Chháu-tùn, Lâm-Tâu. He graduated from National Yang-Ming University College of Medicine in 1986. He served as a doctor in Taoyuan General Hospital and as a Director of Health Center in Shueili and Chháu-tùn Township of Nantou County, respectively. Now, Âng runs Hông-Tek Clinic in his hometown.

In 2006, Âng began to teach himself Written Taiwanese. His work was first published in 2008. Most of his works are poems, essays and Seven Word Verses. They have appeared in *Tâi Bân BONG Pò* (台文罔報), *Tâi Bân Thong Sîn* (台文通訊), *Metropolis Poetry Forum* (首都詩報), *Whale of Taiwanese Literature* (海翁台語文學), and *Tâi-kang Taiwanese Literature* (台江台語文學).

In 2013, he published his first collection of Taiwanese poems, *I Am An Election Tree* (我是一權選舉樹). (Trans. by H.C.C.)



Âng, Kiān-pin (洪健斌)、南投草屯人で1961年生まれ。1986年に国立陽明医学院医学部卒業。元署立桃園病院の医師と南投水里及び草屯衛生所主任として勤めた。1996年に故郷の草屯で洪徳診療所を開業する。2006年、台湾語文学を知るため、台湾語ローマ字を独学で習得した。2008年、初めて自らの台湾語文学作品を正式に発表する。創作した詩と散文及び七字仔 (chhit-jī-á) を主とした文章の大多数は『台文BONG報』、『台文通訊』、『首都詩報』、『海翁台語文学』、及び『台江台語文学』で発表した。2013年、個人の台湾語の詩集を出版した。(高屋礼佳 譯)

Hông Kiến Bân (Âng, Kiān-pin) sinh 1961, quê ở Thảo Đôn, Nam Đầu. Năm 1986, tốt nghiệp Ngành Y, Học viện Quốc lập Y học Dương Minh, từng là bác sĩ Bệnh viện Đào Viên, chủ nhiệm Sở Y tế Thủy Lí & Thảo Đôn, Nam Đầu. Năm 1996, mở phòng khám tư Hông Đức tại quê nhà.

Năm 2006, quyết tâm tự học chữ phiên âm La-tinh, bắt đầu làm quen với nền văn học tiếng Đài. Năm 2008, ông chính thức sáng tác bằng tiếng Đài, đồng thời cho đăng tạp chí và phát biểu các sáng tác của mình. Ông chủ yếu sáng tác thơ, tản văn và Koa-á-hì bảy chữ. Những sáng tác này chủ yếu được đăng trên báo và tạp chí, như: Báo BONG Văn Đài, Văn Đài Thông tấn, Thủ đô Thi Báo và Tạp chí Văn học Văn Đài Hai-ang, Văn học Văn Đài Đài Giang. Năm 2013, ông cho xuất bản tập thơ tiếng Đài. (Nguyễn Thị Linh dịch)



## Âng, Kím-tiân

Âng, Kím-tiân (洪錦田) was born in 1949 in Lók-Káng, Chiong-Hòa, Tâi-Oân. Âng started to earn his own living at 17. He currently lives in Sin-Tiàm, Tâi-Pak. After the Formosa Incident and Deng's Self-immolation, he experienced a self-awakening and determined to be the master for himself.



In 1992, Âng Kím-Tiân studied Taiwanese with Âng, Ûi-Jîn, a Written Taiwanese scholar, and started writing in Taiwanese. In 1995, he published *Lók-Káng-Sian's Tales* (鹿港先講古). He has served as a volunteer, an editor, a director of executive committees, and a lecturer in several Taiwanese writing associations. In addition, he had been a radio host and a judge in several Taiwanese writing contests. After retirement, Âng, Kím-Tiân has endeavored in field research and writing. (Trans. by H.C.C.)

Âng, Kím-tiân (洪錦田)、1949年生まれ。彰化県鹿港出身で、17歳で社会人になり、現在は台北新店在住。美麗島及び鄭南榕事件により完璧に目覚め、自分の道は自分で決めることを決意した。1992年頃、台湾の学者洪惟仁教授のもとで学び始めて台湾語文学を創作し、1995年『鹿港仙講古』を出版した。台湾台語社のボランティア、編集者、また台湾語協会の理事、執行委員、講師；台湾語の講演、エッセイの論評、民主ラジオ局、台湾語番組司会者を歴任。退職後、実地調査を行いながら執筆を続ける。(高屋礼佳 譯)

Hồng Cẩm Điền (Âng, Kím-tiân), sinh 1949, người Lộc Cảng, Chương Hóa, Đài Loan. Từ năm 17 tuổi, ông đã bươn trải xã hội, nay cư trú tại Tân Điểm, Đài Bắc. Sau sự kiện Đảo Formosa và Trịnh Nam Dung, ông hoàn toàn giác ngộ và quyết định tự làm chủ cuộc đời mình. Khoảng năm 1992, ông theo học tiếng Đài từ học giả Giáo sư Hồng Duy Nhân, đồng thời bắt đầu sáng tác văn học tiếng Đài. Năm 1995, ông xuất bản tác phẩm “Lộc Cảng Tiên giảng cổ” (鹿港仙講古).

Ông từng là tình nguyện viên, nhà biên tập của Câu lạc bộ tiếng Đài Đài Loan, cũng từng đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên Hội đồng, Ủy viên chấp hành, giảng viên của Hiệp hội Văn Đài; thành viên Hội đồng thẩm duyệt bài và thuyết trình tiếng Đài, ngoài ra ông còn là người dẫn chương trình của Đài phát thanh Dân chủ và các chương trình về văn học tiếng Đài khác. Sau khi về hưu, ông tiếp tục tiến hành khảo sát điền dã và viết bài. (Nguyễn Thị Linh dịch)

## Chhòa, Kim-an

Chhòa, Kim-an (蔡金安) graduated from the Department of History of the Chinese Culture University, and was a former senior high school teacher. Currently, he holds the positions of the president of Kim-An Culture & Education Institution, Lord of Sword Lion Square, Chairman of Anping Culture Foundation, Honorary Chairman of Whale Taiwanese Educational Association, Chairman of Taiwan Sword Lion Tourism Culture Council, and the director of the Whale Singing Troupe. Chhòa established the Kim-An Culture & Teaching Institution in 1987. In recent years, he has committed himself to publishing Written Taiwanese and has published several Written Taiwanese Monthly and Quarterly, including the *Whale of Taiwanese Literature* (海翁台語文學).



Chhòa initiated and established the Whale Taiwanese Educational Association and was elected its first chairman. During his term, he greatly promoted Taiwanese teaching and learning symposiums, Taiwanese literature Camps, and Taiwanese poetry and ballad recitals. Due to his contributions, he won an award given to those who have promoted the indigenous languages with exceptional results, from the Ministry of Education. (Trans. by H.C.C.)

Chhòa, Kim-an (蔡金安)、文化大学歴史部卒業。高校教師歴任。現在金安文化教育機関の責任者、劍獅埕のオーナー、安平文化教育基金会の会長、台湾海翁台語文教育協会名誉理事長、台湾劍獅観光文化協会理事長、海翁歌舞団の団長。1987年「金安文化教育機関」を創立し、ここ数年で更に大量に人力と資源を投じて全力で台湾語に関連する物を開発、出版する。更に『台語文月刊、季刊』、毎月1回の『台語教育報』及び『海翁台語文学雑誌』等を発行した。2003年3月初めに「海翁台語文教育協会」創立し、第1期の理事長に当選した。任期中に積極的に様々なイベント(台湾文学の合宿、台湾語の作詞、台湾語歌謡のコンサート)に参加する。このようなイベント以外にも、自ら台湾語のシンポジウムを開催する。こういった努力の結果、文部省から台湾の本土語言傑出貢献個人賞を授与される。(高屋礼佳 譯)



Thái Kim An (Chhoà, Kim-an) tốt nghiệp Khoa Lịch sử, Đại học Văn Hoá, từng là giáo viên cấp III. Hiện nay là CEO tại Tổ chức Giáo dục Kim An, Chủ của Kiểm Sư Trình, Chủ tịch Hội đồng quản trị của Tổ chức Giáo dục An Bình, Chủ tịch vinh dự của Hiệp hội Giáo dục Ngữ văn Đài Hải Ông Đài Loan, Chủ tịch Hiệp hội Văn hoá Du lịch Kiểm Sư Đài Loan, Trưởng Đoàn Ca Vũ Hải Ông. Năm 1987, ông sáng lập Tổ chức Giáo dục Kim An. Trong vài năm trở lại đây, ông đầu tư lớn hơn về nhân lực và vật chất, tập trung hết sức cho việc phát triển các xuất bản phẩm liên quan đến tiếng Đài, đồng thời cho phát hành Nguyệt San, Quý San Văn học tiếng Đài (台語文月刊、季刊), Nguyệt San Báo Giáo dục tiếng Đài (台語教育報), Tạp chí Văn học tiếng Đài Hai-ang (海翁台語文學雜誌).

Ngày 1/3/2003, ông kêu gọi thành lập Hiệp hội Giáo dục Văn học tiếng Đài Hải Ông và trúng cử Chủ tịch khoá đầu tiên. Ông tích cực tổ chức các hoạt động về Văn học tiếng Đài như: lớp Huấn luyện giảng dạy tiếng Đài, Hội trại văn học Đài Loan, Chương trình Nhạc hội Thi ca tiếng Đài v.v. Ông từng được Bộ Giáo dục trao tặng Giải thưởng Cống hiến giành cho những cá nhân xuất sắc trong việc phát triển ngôn ngữ bản địa. (Nguyễn Thị Linh dịch)

## Chiā, Tek-khiam

Born in 1962 in Ko-hiông, Chiā, Tek-khiam (謝德謙) has had a variety of journalistic and cultural experiences. He was a special project manager for Taiwan Culture Foundation, and hosted shows on literature and news on several local radio stations. He had also been a lecturer in the Department of Translation at Chang Jung Christian University, a patent translator and editor for the law firm Lee & Li Attorneys-at-Law; AIPP's Chinese translation project coordinator, and a member of the International Federation of Journalists. He is currently a doctoral candidate at the School of National Development National Taiwan University, and teaches at Chung Shan Medical University and Providence University.



His translated works include “Letters: A letter to George W. Bush”, published in the Taipei Times, September 14, 2007, and “Taiwan: No Indigenous People claimed China”, in Indigenous Portal, published in Mar 17, 2011. In addition, in 2005 Chia took part in a trilateral conference of journalists from Korea, Taiwan and the U.S. in Washington, D.C. as a translator and participant, and in 2008 and 2009 he participated in the Asia Indigenous Peoples Pact activities including serving as the Country Focal Person of Taiwan to AIPP for the Asia Regional Prep-Meeting on UN Mechanism and Indigenous peoples in Kuala Lumpur, Malaysia. (Trans. by V.T.S)

Chiā, Tek-khiam (謝德謙) 1962年高雄市生まれ。国立台湾大学国際発展研究所博士取得(社会理論専攻)。元台湾文化財団プロジェクトマネージャー、長榮大學翻訳部の講師、法律事務所管理法の特許翻訳及び審査員。新雲林之声ラジオ局「台湾文学館の夜」番組司会者、TNTラジオ局新聞部主任、台湾公共ジャーナリズムネットワークの部長、AIPP(アジア先住民コンパクトファンデーション)で中国語の翻訳、プログラム計画番組司会者、AIPP Country Focal Person of Taiwan、国際記者連合 IFJ 会員、台湾ジャーナリスト協会の会員など。現職台湾中山医学大学台湾語文学部非常勤講師、靜宜大学資傳部非常勤講

師。翻譯作品：『Taiwan: No Indigenous People claimed China』 (Indigenous Portal, Mar17, 2010) 、 『A letter to George W. Bush』 (『Taipei Times』 P 8, Sep14, 2007) など。(高屋礼佳 譯)

Tạ Đức Liêm (Chiā, Tek-khiam) sinh năm 1962, người Cao Hùng, nghiên cứu sinh Khoa Phát triển Quốc gia, Đại học Quốc lập Đài Loan (chuyên môn là Lí luận xã hội). Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau như: Giám đốc dự án Quỹ Văn hoá Đài Loan; Giảng viên kiêm nhiệm Khoa Biên phiên dịch, Đại học Trường Vinh; Phiên dịch kiêm thẩm duyệt giấy tờ tại Văn phòng Luật sư Lí Luật; Phát thanh viên Chương trình “Đêm Viện Văn học Đài Loan” của Đài phát thanh Tân Vân Lâm; Chủ nhiệm Phòng Tin tức Đài phát thanh TNT; Trưởng Phòng tin tức Đài phát thanh tin tức công cộng Đài Loan; Giám đốc dự án phiên dịch tiếng Hoa tại AIPP (Quỹ Hiệp ước các Dân tộc bản địa Á Châu); Hội viên Liên minh phóng viên quốc tế IFJ và Hiệp hội Phóng viên Đài Loan... Hiện là Giảng viên Khoa Văn học Đài Loan, Đại học Y học Trung Sơn và Khoa Truyền thông, Đại học Tĩnh Nghi.

**Các tác phẩm dịch bao gồm:**

- 2010 Taiwan: No Indigenous People claimed China, Indigenous Portal, Mar17, 2010  
 2007 Letters: A letter to George W. Bush, Taipei Times, P 8, Sep 14, 2007

**Đặc biệt tham gia:**

- 2009 Asia Regional Prep-Meeting on UN Mechanism and Indigenous Peoples, Mar 3rd~6th, Kuala Lumpur, Malaysia  
 Country Focal Person of Taiwan to AIPP  
 2008 AIPP PAW, Sep 7th~10th, Taiwan  
 2005 Tham dự kiêm phiên dịch tại Hội nghị ba bên: Hội phóng viên Đài Loan, Hội phóng viên Hàn Quốc và Hội phóng viên xã hội Mỹ (Society of Professional Journalists) tại Washington.

(Nguyễn Thị Linh dịch)

## Chiu, Tēng-pang

Chiu, Tēng-pang (周定邦) was born in Chhe<sup>n</sup>-Khun-sin in Chiong-kun Township, Tâi-lâm, in 1958. He graduated from the Department of Civil Engineering in the Taipei Institute of Technology in 1979, and earned his Master of Arts from the Department of Taiwanese Literature at National Cheng Kung University in 2008. Currently, he serves as an assistant research fellow in the National Museum of Taiwan Literature, the leader of Taiwan Musical Narrative Studio, a managing director of Taiwanese Romanization Association, and a board member of Taiwanese Pen.



Earlier in his life, Chiu earned his living by house constructions and had formed his own construction company before he went to Gô`Thian-lô and Chu Teng-sūn to learn Taiwanese Liām-koa (a lyrical style music) and Hêng-chhun Folk Song.

His published works include collections of poetry *A Construction Worker* (起厝兮工儂), *Blossom of Kapok* (斑芝花開) and *Ilha Formosa*, also Chhit-jī-á Taiwanese vernacular epic *The Ta-Pa-nî Just War* (義戰瞧吧咩), *Discontent of Osmanthus* (桂花怨), and Koa-á-chheh *Giants of Taiwan* (台灣風雲榜). He also wrote a Taiwanese play, *One-String Goèh-Khîm* (孤線月琴), and a hand Puppet play *Tears of Heros* (英雄淚). In addition, he has translated several world-famous play masterpieces into Taiwanese. (Trans. by J.K.L.)

Chiu, Tēng-pang (周定邦) 1958 年生まれ。台湾台南將軍青鯤鯓人、台北工專土木科 (Taipei Institute of Technology)、国立成功大学台湾文学修士課程卒業。現在台湾文学館 (National Museum of Taiwan Literature) アシスタント研究員、台湾ローマ字協会常務理事、台湾語ペンクラブ理事。初期は建設会社を創立、建設業を営み、以降吳天羅さんと朱丁順さんから台湾の謡物及び恒春民謡を学ぶ。台湾の謡曲アートスタジオを創立し、台湾謡物芸術を継承し広める。

作品は、詩集『起厝兮工儂』、『斑芝花開』、『Ilha Formosa』、台湾語七字仔白話史詩『義戰瞧吧咩』、『桂花怨』、歌仔冊『台湾風雲榜』、台湾語劇本『孤

線月琴』、布袋戲劇本集『英雄淚』。世界的に有名な劇本を台湾語に数冊翻訳した。(高屋礼佳 譯)

Chu Định Bang (Chiu, Tēng-pang) sinh năm 1958, người Thanh Côn Thân, Tướng Quân, Đài Nam. Ông học Ngành Xây dựng công trình tại Trường Công nghệ Đài Bắc (Taipei Institute of Technology) và tốt nghiệp Thạc sĩ tại Khoa Văn học Đài Loan, Đại học Thành Công. Hiện nay là Trợ lý nghiên cứu tại Bảo tàng Văn học Quốc gia Đài Loan (National Museum of Taiwan Literature), Ủy viên thường vụ Ban chấp hành Hiệp hội chữ La-tinh Đài Loan, Ủy viên Ban chấp hành Hội bút Ngữ Văn Đài Loan. Ông từng làm nghề Kiến trúc, từng mở công ty thiết kế xây dựng, nhưng sau này theo Ngô Thiên La và Chu Định Thuận học hát nói Đài Loan và dân ca Hằng Xuân, lập ra Phòng văn nghệ Hát nói tiếng Đài nhằm quảng bá và giảng dạy nghệ thuật hát nói Đài Loan. Các sáng tác của ông gồm có: Tập thơ “Thợ xây” (起厝兮工儂), “Ban Chi hoa khai” (斑芝花開), “Ilha Formosa”; Sử thi bạch thoại bảy chữ tiếng Đài “Khởi nghĩa Ta-ba-ni” (義戰瞧吧咩), “Quế hoa oán” (桂花怨); Sách ca hí “Đài Loan Phong Vân Bảng” (台灣風雲榜), kịch bản tiếng Đài vở “Cô tuyến nguyệt ca” (孤線月琴); Tuyển tập kịch bản vở rối “Nước mắt anh hùng” (英雄淚) và một số kịch bản nổi tiếng trên thế giới đã được ông dịch sang tiếng Đài. (Nguyễn Thị Linh dịch)

## Chiú<sup>n</sup>, Jit-êng

Born in 1950 in Chú-koa<sup>n</sup> Township, Kaohsiung, in a farming family, Jit-êng (蔣日盈) had a normal life growing up. After finishing his military service, Jit-êng realized the importance of understanding the history and culture of his native land, Taiwan, and of reading books about Taiwan. Later, he discovered that Taiwanese cannot be adequately expressed in kanji. So since his retirement from an electronics company, he has devoted himself to promoting Romanized Taiwanese. (Trans. by V. T. S.)

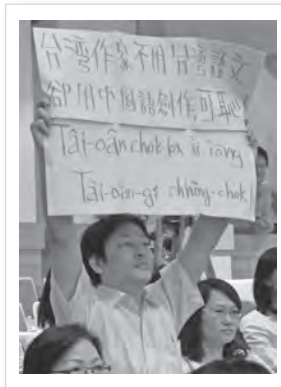


Chiú<sup>n</sup>, Jit-êng (蔣日盈) 1950 年生まれ。高雄梓官郷の農家で育ち、兵役を終えた後、台湾の歴史や文化を熟知すること、台湾の書物を読むことの重要性を実感する。それと同時に、漢字では台湾語を正確に表現することが不可能であることを知る。華泰電子会社を定年退職後、台湾語のローマ字使用の推進活動に専念する。(勝村亞季 譯)

Tường Nhật Doanh (Chiú<sup>n</sup>, Jit-êng) sinh năm 1950 tại làng Tử Quan Cao Hùng, lớn lên trong gia đình có truyền thống làm nông. Sau khi giải ngũ, ông nhận thức được rằng bản thân phải hiểu rõ về văn hóa và lịch sử Đài Loan, phải đọc sách viết bằng tiếng Đài. Và chính vì điều này, ông đã phát hiện ra rằng dùng chữ Hán không thể nào viết tốt được tiếng Đài Loan, vì vậy, sau khi nghỉ hưu tại công ty điện lực Hoa Thái, ông đã tập trung tinh thần để thúc đẩy phát triển chữ La tinh. (Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)

## Chiú<sup>n</sup>, Ûi-bûn

Chiú<sup>n</sup>, Ûi-bûn (蔣為文) usually known as Wi-vun Taiffalo CHIUNG was born in Kong-san, Ko-hiông and now makes Tâi-lâm his home. He obtained his Ph.D in linguistics from the University of Texas at Arlington. He is currently a professor in the Department of Taiwanese Literature, the director of NCKU Center for Taiwanese Languages Testing and NCKU Centre for Vietnamese Studies at the National Cheng Kung University, Taiwan. He is also the chairperson of the Taiwanese Romanization Association (2015-2018), the secretary-general of Taiwanese Pen (2015-2017), and the executive director of the Association for Taiwanese and Vietnamese Cultural Exchange. During his college years, he founded the Taiwanese Language and Culture Study Club on campus and participated in the language and cultural movement for Taiwanization. While studying in the U.S., Chiú<sup>n</sup> enthusiastically participated in the Taiwanese Student Associations and the Taiwanese American Associations.



The research fields of Dr. Chiú<sup>n</sup> include literature in Taiwanese, sociolinguistics, and comparisons of Taiwanese and Vietnamese languages and literatures. His publications include literary works *Hái-Ang* (海翁) (The Whale, 1996, Tâi-Lêh), and academic monographs, such as *Oceanic Taiwan: History and Languages* (海洋台灣：歷史與語言) (Bilingual edition in Vietnamese and English, 2004, NCKU), *Language, Identity, and Decolonization* (語言、認同與去殖民) (in Taiwanese and Chinese, 2005, NCKU), *Language, Literature, and Reimagined Taiwanese Nation* (語言、文學 kap 台灣國家再想像) (in Taiwanese and English, 2007, NCKU), *Nations, Mother Tongues and Phonemic Writing* (民族、母語 kap 音素文字) (in Taiwanese, 2011, NCKU), and *Introduction to Taiwanese Language and Literature* (喙講台語、手寫台文) (in Taiwanese and Chinese, 2014, Asian Atsiu International). Personal website at <<http://uibun.tw/ncku.edu.tw>> (Trans. by C.U.B.)

Chiú<sup>n</sup>, Ûi-bûn (蔣為文 ショウ イブン) 高雄市岡山区出身、現在台南市に居住。米国テキサス大学アーリントン校の言語学博士。現在、国立成功大学台湾文学部教授、台湾語評価センター (NCKU Center for Taiwanese Languages Testing) 及びベトナムの研究センター (NCKU Center for Vietnamese Studies) 主任、台湾ローマ字協会の理事長、台湾語ペンクラブ (Taiwanese Pen) 秘書長、台湾、ベトナム文化協会 (Association for Taiwanese and Vietnamese Cultural



Exchange) 常務理事。大学時代には台湾語クラブを設立し、台湾のローカリゼーション運動に参加。米国への留学期間でも積極的に台湾校友会 (TSA) と台湾同郷会 (TAA) に関与している組織で参加。研究領域は台湾語文学、社会言語学、台湾、ベトナムの民族母語文学の比較など。創作品は『海翁台語文集』 (1996台笠)。研究専門書は『海洋台灣：歴史與語言』 (越、英両国語版 2004成功大学)、『語言、認同與去殖民』 (2005成功大学)、『語言、文學 kap台灣國家再想像』 (2007成功大学)、『民族、母語 kap音素文字』 (2011成功大学)、『喙講台語、手寫台文』 (2014亞細亞國際傳播社) など。個人ウェブサイト：<http://uibun.twl.ncku.edu.tw> (高屋礼佳 譯)

Tương Vi Văn (Chiú<sup>n</sup>, Úi-bún) là người Cương Sơn, thành phố Cao Hùng, hiện nay sống tại Đài Nam. Tốt nghiệp tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học, Đại học Texas phân viện Arlington Mỹ (University of Texas at Arlington). Hiện nay, là giáo sư Khoa Văn học Đài Loan, Đại học Quốc gia Thành Công, cũng là chủ nhiệm hai trung tâm, gồm: Trung tâm Trắc nghiệm năng lực tiếng Đài (NCKU Center for Taiwanese Languages Testing) và Trung tâm nghiên cứu Việt Nam (NCKU Center for Vietnamese Studies). Đồng thời kiêm nhiệm Chủ tịch Hiệp hội chữ La-tinh Đài Loan (Taiwanese Romanization Association), Tổng Thư kí Hội Nhà văn Đài Loan (Taiwanese Pen), Ủy viên thường vụ Ban chấp hành Hiệp hội Văn hoá Việt Đài (Association for Taiwanese and Vietnamese Cultural Exchange). Thời sinh viên, ông thành lập Câu lạc bộ Ngữ Văn Đài Loan và tham gia các phong trào vận động cho bản sắc văn hóa Đài Loan. Trong thời gian du học tại Mỹ, ông tích cực tham gia các tổ chức như Hội sinh viên Đài Loan và Hội Đồng hương Đài Loan. Ông nghiên cứu nhiều lĩnh vực, như: Văn học tiếng Đài Loan, Ngôn ngữ xã hội học, so sánh văn học được sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ của Đài Loan và Việt Nam. Và có nhiều sáng tác, như: “Tập Ngữ văn Đài Hải Ông” (海翁台語文集) (1996, Nhà xuất bản Đài Lập), các sách nghiên cứu chuyên đề, gồm: “Lịch sử và Ngôn ngữ Đài Loan” (海洋台灣：歷史與語言) (2004, in bản song ngữ Việt Anh, nhà xuất bản Đại học Thành Công), “Ngôn ngữ, ý thức dân tộc và phi thực dân hóa” (語言、認同與去殖民) (2005, Nhà xuất bản Đại học Thành Công), “Ngôn ngữ, văn học và sự tái tưởng tượng về quốc gia Đài Loan” (語言、文學 kap台灣國家再想像) (2007, Nhà xuất bản Đại học Thành Công), “Dân tộc, tiếng mẹ đẻ và văn tự âm vị” (民族、母語 kap音素文字) (2011, Nhà xuất bản Đại học Thành Công), “Miệng nói tiếng Đài, tay viết chữ Đài” (喙講台語、手寫台文) (2014, Nhà xuất bản Asian A-Tsiu International). Địa chỉ website cá nhân: <http://uibun.twl.ncku.edu.tw> (Nguyễn Thị Linh dịch)



## Èng, Hōng-hông

Born in 1950 in Tâi-Pak, Èng, Hōng-hông (應鳳凰) obtained her BA in English from the Department of English, National Taiwan Normal University, and a PH.D in Literature from the University of Texas at Austin. For a time, she was on the staff of *China Times* (中國時報) literary supplement section. Èng has always had a great interest in the collection and sorting of Taiwanese literature materials. She commenced teaching in universities in 2001. The subjects she teaches include Research Methods and Literary Materials of Taiwanese Literature, Topics in Taiwan Literature of the 1950s, and Taiwanese Literature and Films from post-1949. Besides teaching, Èng has published a prose collection, *The Garden of Taiwanese Literature* (台灣文學花園) (Taiwan Interminds Publishing/2003), a thesis collection *Theses on Taiwan Literature of the 1950s* (五〇年代台灣文學論集) (Chun-Hui/2007), and a short story collection *A Bibliophile in the Lonely World* (孤零世界裡的書痴) (2010/Erya), to name a few. Previously, Èng taught in Department of Taiwanese Literature, National Cheng Kung University for 6 years and is currently a professor in the Graduate School of Taiwanese Culture, National Taipei University of Education. (Trans. by H.C.C.)



Èng, Hōng-hông (應鳳凰) 1950年台北市生まれ、国立台湾師範大学英語学部学士、米国テキサス大学オースティン校東アジア文学の博士。数十年間、戦後の台湾文学史資料を整理及び収集し、強い興味と関心を持つ。2001年、文学史資料や研究方法、50年代の台湾文学を専攻し、戦後の台湾の文学や映画など専門的な話題を大学で講義した。出版作は散文集『台湾文学花園』（玉山社/2003年）、論文集『五〇年代台湾文学論集』（春暉/2007年）、短篇小説集『孤零世界裡的書痴』（爾雅/2010年）など。国立成功大学で6年間指導し、現在は国立台北教育大学台湾文化研究所の教授。（高屋礼佳 譯）

---

Ứng Phụng Hoàng (Èng, Hōng-hōng) sinh năm 1950, là người Đài Bắc. Tốt nghiệp đại học khoa tiếng Anh, Đại học Quốc lập Sư phạm Đài Loan và tốt nghiệp tiến sĩ Khoa Văn học Khoa Đông Nam Á, Đại học Texas phân viện Austin (The University of Texas at Austin). Từng công tác tại Phụ bản Nhân gian Thời báo Trung Quốc. Mấy chục năm nay, Ứng Phụng Hoàng say mê thu thập, xử lý các tài liệu lịch sử văn học Đài Loan thời kỳ sau chiến tranh. Từ năm 2001 trở lại đây, bà giảng dạy nhiều chuyên đề khác nhau ở các đại học, như: Tài liệu lịch sử văn học và phương pháp nghiên cứu, chuyên đề văn học Đài Loan những năm 50, phim truyện và văn học Đài Loan sau chiến tranh... Các xuất bản phẩm, bao gồm: Tập tản văn “Đài Loan văn học hoa viên” (台灣文學花園) (2003, Nhà xuất bản Ngọc Sơn Xã); Tập luận văn “Tập luận Văn học Đài Loan những năm 50” (五〇年代台灣文學論集) (2007, Nhà xuất bản Xuân Huy); Tập tiểu thuyết ngắn “Một sách trong thế giới cô linh” (孤零世界裡的書痴) (2010, Nhà xuất bản Nhĩ Nhã)... Bà từng giảng dạy tại Khoa Văn học Đài Loan, Đại học Thành Công trong 6 năm. Hiện nay là giáo sư Viện Văn hoá Đài Loan, Đại học Quốc Lập Giáo dục Đài Bắc. (Nguyễn Thị Linh dịch)

## Hô, Sìn-hān

Hô, Sìn-hān (何信翰) was born in 1976. While studying in Russia, he was deeply moved by the Russians' passion for Russian literature. Upon returning to Taiwan after six years in Russia, he started doing research in and reviving Taiwanese language and Written Taiwanese literature. Realizing that research in Russian literature alone could not satisfy him. He also comprehended that it was insufficient to study Taiwanese literature in the traditional methods. Therefore, he has tried to research Taiwanese literature with a combination of European research methods and Written Taiwanese Literature. Fortunately, he has gotten some significant results for his efforts.



Hô has been studying the theory of poetry for a long time. His students have earned written Taiwanese poetry prizes under his direction. Not satisfied with his students' achievements, Hô started to write poetry himself in February of 2012. There are two main themes in his poems. One is the search for inner peace, and the other the exposure of discrimination against Taiwanese history and language nowadays.

His goals for writing poetry are to instruct students and to spread his ideas. Hô always posts his works on Facebook first, then chooses some to submit for publication. Through various media outlets, he intends to share his works with more readers. (Trans. by H.C.C.)

Hô, Sìn-hān (何信翰) 1976年に生まれ、以前ロシアに六年間留学した。現地の人たちの文学への情熱に深く感動し、台湾に帰国後、台湾語文学研究に足を踏み入れ、台湾語の復興活動を始めた。それは、自分がロシア文学をどんなに研究したところでロシア人に勝てないと悟ったからだ。台湾文学の伝統の研究には欠点があった。そのため数年前からヨーロッパの文学研究法を参考にし、台湾語文学の伝統的な研究と融合させた結果、幾つかの成果を得た。

長年、詩の理論を研究し生徒に台湾語詩の創作指導を続け、学生は賞を得た。しかし、彼は 2012 年 2 月の冬休みから作詩を始めたばかり。現在、創作方針は二つあり、一つは心を穏やかにし、自由に追求すること。もう一つは台湾社会に対して台湾語の歴史が様々な差別を受けていることを詩の中で暗示することである。

作詩の目的はただ教育と理念を広めるためだと彼は言う。そのためより多くの人々が彼の詩を見れるように Facebook で公開している。そしてその中から評判の良い作品を選択し投稿している。彼は作品に興味を持ってくれる方々を歓迎しています。ぜひ Facebook で作品をご覧ください。(Sin-hān Hô / hosinhan09@gmail.com) (高屋礼佳 譯)

---

Hà Tín Hàn (Hô, Sin-hān) sinh năm 1976. Trong thời gian du học 6 năm tại Nga, cảm động trước mỗi thâm tình của người dân nơi đây với văn học, sau khi trở về nước, ông tập trung vào công tác nghiên cứu và trân hưng tiếng Đài/văn học tiếng Đài. Ông nhận thấy nếu chỉ nghiên cứu văn học Nga thì không thể vượt qua người Nga, nếu dùng phương pháp truyền thống nghiên cứu văn học Đài Loan thì không toàn diện. Vì vậy, mấy năm trở lại đây, ông không ngừng áp dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu của Châu Âu vào nghiên cứu văn học Đài, và đã đạt được một số thành tích nhất định.

Mặc dù có nhiều năm kinh nghiệm trong nghiên cứu lí luận thơ và hướng dẫn sinh viên sáng tác thơ Đài, đặc biệt có những sáng tác của sinh viên từng đạt giải, nhưng đến tận mùa xuân tháng 2 năm 2012, ông mới bắt đầu viết thơ. Các hướng sáng tác hiện nay của ông gồm có hai hướng chính: Thứ nhất là nguồn cảm hứng theo đuổi thể giới tự do tĩnh lặng của tâm linh, hướng thứ hai là phản ánh các hiện tượng kì thị lịch sử dân tộc, tiếng mẹ đẻ trong xã hội Đài Loan đương thời.

Hà Tín Hàn cho rằng, mục đích sáng tác thơ là để giảng dạy và truyền bá lí tưởng, do vậy mà ông đều cho đăng tải các sáng tác của mình trên trang mạng facebook. Rồi tiếp đó mới chọn những sáng tác phù hợp để gửi bài đăng tạp chí, giúp cho độc giả có nhiều cơ hội đón đọc các sáng tác của ông. Ông cũng mong được chào đón các độc giả theo dõi trang mạng cá nhân facebook (Sin-hān Hô / hosinhan09@gmail.com) để đón đọc các sáng tác của ông. (Nguyễn Thị Linh dịch)

## Iû<sup>n</sup>, Ún-giân

Iû<sup>n</sup>, Ún-giân (楊允言), born in 1966 in Tâi-Pak, obtained his Ph.D from the Department of Computer Science and Information Engineering, National Taiwan University. He currently serves as an associate professor in the Department of Taiwanese Language and Literature at National Taichung University of Education.

He has been committed to written Taiwanese since 1987. His accomplishments include editing the magazine Tâi-Gí Students (台語學生), interviewing specialists in written Taiwanese, and collating the language materials of written Taiwanese, etc. In addition, he has also set up several written Taiwanese information systems, including a Taiwanese - Chinese Dictionary, a Taiwanese Concordance, Digital Archive Database for Written Taiwanese, and Taiwanese POJ script and Han-Romanization mixed script conversion systems.

Iû<sup>n</sup> also has some achievements in written Taiwanese literature, including getting the first prize in prose at the Saline Land Literary Camp, first prize in prose at The 2nd Lâm-Khun-Sin Taiwanese Literature Camp, and being a finalist for the Written Taiwanese Prose Award (National Museum of Taiwan Literature). In addition, he has received the Award for Promoting Indigenous Languages with Exceptional Results from the Ministry of Education. (Trans. by H.C.C.)



Iû<sup>n</sup>, Ún-giân (楊允言)、1966年台北市出身。台湾大学資訊研究所博士。現在、台中教育大学台湾語文学部専任教師を務める。1987年に初めて台湾語文学に触れ、その後台湾語文学の仕事を進め続けてきた。編集を含め『台語学生』、台湾語に関係する人々を訪問、台湾語の資料整理、台湾語に関連した情報システムの作成、台湾語、中国語の辞書など語詞の検索、台湾語のデジタルコレクション、台湾語漢羅全羅互轉等々。作品は、鹽份地帯文学賞の散文で第一位を得る。第二回台湾語文学キャンプ散文賞でも第一位を獲る。『飛鳥』は国立台湾文学館台湾文学賞金典賞の文学賞台湾語散文入選、他にも文部省から母語を広めた事に傑出していたので貢献賞を受賞した。(高屋礼佳 譯)

-----

Dương Doãn Ngôn (Iù<sup>n</sup>, Ún-giân) sinh năm 1966, người Đài Bắc, tiến sĩ ngành Công nghệ thông tin, Đại học Đài Loan. Hiện là giảng viên Khoa ngữ văn Đài Loan, Đại học Giáo dục Đài Trung. Ông tiếp xúc với văn học Đài Loan từ năm 1987 và liên tục làm các công việc liên quan đến lĩnh vực ngữ văn Đài Loan cho đến nay, bao gồm: biên tập tạp chí “Tiếng Đài cho học sinh” (台語學生), phỏng vấn các nhân vật liên quan, xử lý tài liệu ngôn ngữ, xây dựng hệ thống thông tin liên quan tới ngữ văn Đài, bao gồm: Từ điển song ngữ Đài Hoa, Hệ thống kiểm tra đối chiếu ngữ nghĩa Đài Hoa, Kho tài liệu điện tử ngữ văn Đài, Hệ thống chuyển đổi tiếng Đài giữa hệ thống kí tự Hán La-tinh và hệ thống La-tinh...

Sáng tác của Dương Ngoãn Ngôn từng đạt Giải nhất tản văn Giải thưởng Văn học Diêm Phần Địa Đới, Giải nhất tản văn tại Trại Văn học Đài Loan lần thứ 2, tác phẩm “Phi Ô” (飛鳥) được đề cử vào danh sách các tác phẩm tản văn tiếng Đài tranh giải Kim Điền trong văn học Đài Loan do Bảo tàng văn học Đài Loan tổ chức. Ngoài ra, ông còn được bộ Giáo dục trao tặng Giải cống hiến dành cho những cá nhân kiệt xuất trong việc bảo lưu và truyền bá ngôn ngữ mẹ đẻ. (Nguyễn Thị Linh dịch)

## Khng, Pôe-tek

Peter Kang (Khng, Pôe-tek), Professor, Department of Taiwan and Regional Studies, National Donghwa Univ.

Khng, Pôe-tek (康培德)、国立東華大学台湾文化部教授。(高屋礼佳 譯)

Khang Bồi Đức (Khng, Pôe-tek) là giáo sư Khoa Văn hóa Đài Loan, Đại học Quốc lập Đông Hoa. (Nguyễn Thị Linh dịch)



## Khng, Teng-goân

Khng, Goân (康原) is the pen name of Khng, Teng-goân (康丁源), who was born in Hàn-pó Village, Hong-óan Township, Chiang-hóa County, in 1947. He now lives in Hiang-san in Chiang-hòa. Khng had been awarded the Neo Poem of Ngô Lô-liú Literature Award, and honored with the Special Contribution Award of Hong-khe Literature Award and the Executive Yuan Golden Tripot Award. He was the director of the Lai Ho Memorial House .



Khng is now a director of the Chiang-hòa County Cultural Foundation, lecturer of Taiwanese Literature in the Community University of Chiang-hòa and Oân-lîm. He is also an adjunct instructor at the Department of Chinese at Ming-Dau University, and at the Department of Applied Chinese at Shyu Ping Technology College. He is the Writer-Lecturer of Nan Hwa University and the writer-in-residence of the Institute of Taiwanese Literature at National Chiang Hwa University of Education. He is now the chief coordinator of The Readers on Chiang Hwa County.

His important works are: *The Old Taiwan in Memory* ( 懷念老台灣 ), *Stories of Taiwanese Children's Songs* ( 台灣囡仔歌的故事 ), *The Poet Under the Pat-kò-soa<sup>n</sup>: Lîm Heng-thài* ( 八卦山下的詩人林亨泰 ), published by Yu-san; *The CEO of Chôan-heng, An Icon of the People* ( 人間典範全興總裁 ); *Children's Songs Reading Textbooks, with CD* ( 囡仔歌教唱讀本 · 附 CD ); *Taiwanese Children's Songs* ( 台灣囡仔歌謠 ); *Tracing the Chiang-hòa Plain* ( 追蹤彰化平原 ); *Let's Sing the Children's Songs, 4 Volumes* ( 逗陣來唱囡仔歌 · 四本 ), *The Rhythm of the Soul of The Port Capital* ( 港都的心靈律動 ) by Morning Star; *Literary Chiang-hòa* ( 文學的彰化 ), *Pat-kò-soa<sup>n</sup>* ( 八卦山 ), *An American Má-chó in Jī-lîm* ( 二林的美國媽祖 ) by Chiang-hóa Bureau of Culture, and *Flower Fields in Chiang-hòa* ( 花田彰化 ) by Booklover. In addition, he has authored more than seventy volumes on the local culture of Hong-óan Township and O-jit. (Trans. by J.K.L.)

Khng, Teng-goân (康丁源)、ペンネームは「康原」。1947年芳苑鄉漢寶村で生まれ、現在は彰化市香山里在住。過去に頼和紀念館館長を務め、第六回礪溪文学賞特別貢獻賞、吳濁流文学賞新詩賞、行政院叢書「金鼎賞」受賞。現在は彰化県文化基金会董事、彰化、員林社区大学台湾文学教諭、明道大学



中国文学部と修平科技大学応用中国語学部兼任講師、彰化師範大学台湾文学研究所「作家講座」講師、南華大学「講座作家」、彰化師範大学「彰化学」叢書総企画人を務める。代表著作は『懷念老台灣』、『台灣囡仔歌的故事』、『八卦山下的詩人林亨泰』（玉山社出版）、『人間典範全興總裁』、『囡仔歌教唱読本・CD付』、『台灣囡仔歌謡』、『追蹤彰化平原』、『逗陣來唱囡仔歌・四本』、『港都的心靈律動』（晨星出版社出版）、『文學的彰化』、『八卦山』、『二林的美國媽祖』（彰化文化局出版）、『花田彰化』（愛書人出版）、『芳苑鄉志・文化編』（芳苑鄉公所出版）、『烏日鄉志・文化編』（烏日鄉公所出版）……等七十余りにわたる作品を出版。

Khang Đinh Nguyên (Khng, Teng-goân), bút danh Khang Nguyên, sinh năm 1947, người Phương Uyển, Bảo Hán. Hiện cư trú tại Hương Sơn, thành phố Chương Hoá.

Từng đảm nhiệm Giám đốc Bảo tàng tưởng niệm Lại Hoà. Ông từng được vinh danh nhiều giải thưởng, như: Giải thưởng Văn học Hoàng Khê lần thứ 6 dành cho cá nhân có những cống hiến tiêu biểu, Giải thưởng Văn học Ngô Trọc Lưu hạng mục Thơ mới, Giải thưởng Kim Đĩnh giành cho sách do Viện hành chính trao.

Hiện là Ủy viên hội đồng quản trị Quỹ Văn hoá Huyện Chương Hoá, cũng là Giảng viên văn học Đài, Đại học Cộng đồng Chương Hóa, Đại học Cộng đồng Viên Lâm, Giảng viên Khoa Trung văn, Đại học Minh Đạo, Giảng viên Khoa Ngôn ngữ ứng dụng Trung văn, Đại học Khoa học Kỹ thuật Tu Bình, Giảng viên Khoa Văn Đài, Đại học Sư phạm Chương Hoá, Giảng viên Đại học Nam Hoa, Giám đốc dự án sách Chương Hoá học, Đại học Sư phạm Chương Hoá.

Các sáng tác chính gồm hơn 70 cuốn khác nhau, như:

“Hoài niệm Đài Loan cổ” (懷念老台灣), “Các câu chuyện bài hát thiếu nhi

Đài Loan” (台灣囡仔歌的故事), “Thi nhân Lâm Hưởng Thái của Bát Quái Sơn” (八卦山下的詩人林亨泰) (Ngọc Sơn Xã xuất bản); “Nhân gian điển phạm toàn hưng tổng tài” (人間典範全興總裁), “Dạy học hát bài hát thiếu nhi kèm CD” (囡仔歌教唱讀本 · 附 CD), “Ca dao thiếu nhi Đài Loan” (台灣囡仔歌謠), “Truy tung Chương Hoá bình nguyên” (追蹤彰化平原), “Cùng hát bài hát thiếu nhi trọn bộ 4 cuốn” (逗陣來唱囡仔歌 · 四本), “Quy luật tâm linh của Cảng Đô” (港都的心靈律動) (Nhà xuất bản Thần Tinh), “Văn học Chương Hoá” (文學的彰化), “Bát Quái Sơn” (八卦山), “Ma tổ người Mỹ của Nhị Lâm” (二林的美國媽祖) (Cục Văn hoá Chương Hoá xuất bản), “Hoa điền Chương Hoá” (花田彰化) (Ái Sách Nhân xuất bản); “Phương Uyên Hương Chí - Tờ Văn hoá” (芳苑鄉志 · 文化篇) (Ủy ban Phường Phương Uyên xuất bản); “Ô Nhật Hương Chí - Tờ Văn hoá” (烏日鄉志 · 文化篇) (Ủy ban Phường Ô Nhật xuất bản)...(Nguyễn Thị Linh dịch)

## Khó', Kiàn-êng

Dr Khó', Kiàn-êng (許建榮), a.k.a. Chien-Jung HSU, is the Managing Editor of the Thinking Taiwan Forum, Adjunct Research Associate at Monash University, Adjunct Assistant Professor at National Dong Hwa University and Adjunct Researcher of the Center for Vietnamese Studies at NCKU. He received his Ph.D. from Monash University in 2012.



Dr Hsu is a columnist in several media and has also published numerous academic works on Taiwan's politics, media, the Internet and ethnic group over the past decade, including most recently, *The Construction of National Identity in Taiwan's Media, 1896-2012* (Boston/Leiden: Brill, 2014) and "China's Influence on Taiwan's Media" (*Asian Survey* 54:3, 2014).

Khó', Kiàn-êng (許建榮) 現在は想想フォーラムの副編集長でオーストラリアのモナッシュ大学の兼任研究員、国立東華大学の助理教授、および成功大学のベトナム研究センターの兼職研究員を兼任。2012年にオーストラリアのモナッシュ大学博士号修了。彼は多くの有名なメディアのコラムニストを担当し、過去10年間に台湾の政治、メディア、ネットワークとグループの議題に関する文章を大量に発表した。最近の記事「台湾媒體中国国家認同の建構(1896-2012)」(Boston/Leiden: Brill, 2014) 及び「中国對台湾媒體の影響」(*Asian Survey* 54:3, 2014) を含む。(高屋礼佳 譯)

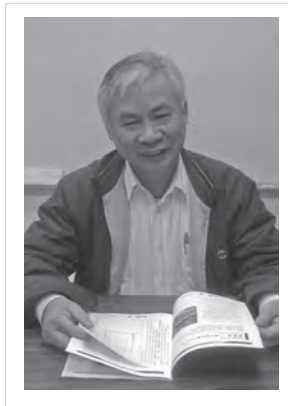
Tiến sỹ Hứa Kiến Vinh (Khó', Kiàn-êng) là Phó tổng biên tập của diễn đàn "Nghĩ về Đài Loan", Trợ lý nghiên cứu tại Đại học Monash, Trợ lý giáo sư tại Đại học Quốc gia Đông Hoa và Trợ lý nghiên cứu tại Trung tâm nghiên cứu Việt Nam thuộc Đại học Quốc gia Thành Công. Ông nhận bằng tiến sỹ của Đại học Monash vào năm 2012.

Tiến sỹ Hứa Kiến Vinh chuyên viết bài cho một số chuyên mục nổi tiếng của truyền thông và cũng đã đăng rất nhiều bài viết mang tính học thuật về chính trị, truyền thông cũng như các vấn đề về Internet và dân tộc của Đài Loan trong suốt hơn một thập kỷ qua; trong đó gần đây nhất có bài “Kết cấu của bản sắc dân tộc trong truyền thông của Đài Loan, 1896 – 2012 The Construction of National Identity in Taiwan's Media, 1896-2012” (Boston/Leiden: Brill, 2014) và “Ảnh hưởng của Trung Quốc trong truyền thông Đài Loan China's Influence on Taiwan's Media” (Asian Survey 54:3, 2014). (Phạm Hải Vân dịch)

## Khu, Bûn-sek

Khu, Bûn-sek ( 邱文錫 ) was born in rural Taoyuan. He has loved literature since he was a child, and was taught Seven-word verses (Chhit-jī-á) by his father in primary school. Thus he spoke Taiwanese, and recognized the Hân characters of Taiwanese, despite the fact that it's a difficult thing to read Taiwanese Hân characters.

In the context of the Democracy and Localization Movement since the 60s and the early 70s in Taiwan, he realized that the Taiwanese would lose their own identity and fundamental subjectivity if their own language vanished. It could be replaced by Chinese language and the Chinese sense of value. Therefore in a sense of the urgency, he attended the class of Âng Í-jîn, and became involved in the Taiwanese Restoration Movement. He has participated in the Taiwan Association of Taiwanese, Taiwanese Pen, and Lí Kang Khioh Association of Taiwanese Culture and Education, and other groups promoting mother tongues.



He and Tân Hiàn-kok had opened the Chiang-chhiū publishing company, which has published books in Taiwanese, including *the Dictionary of Chinese-Taiwanese Vocabulary* (華台對照典) and *Taiwanese Proverbs* (台灣諺語典). He also participated in editing the Internet Taiwanese dictionary.

He has written articles for Taiwanese journals and magazines. He is now engaged in collecting Taiwanese Seven-word Verses (Chhit-jī-á) and putting down the Buddhist sutras in Taiwanese, which would be posted onto the web for public usage. ( Trans. by J.K.L. )

Khu, Bûn-sek ( 邱文錫 ) 桃園の田舎で育つ。小さい頃から文学を愛し、父親は七字仔 (chhit-jī-á) 冊を教えた。当時はまだ小学生だったが、彼は台湾語及び台湾語の漢字を知っていたので台湾語の読み書きを容易に学び得た。成功大学の学生時代には、中国語が台湾語よりも流暢に話せるようになっていた。しかし当時の彼にはまだ危機感はなかった。六十年代から七十年代になると台湾人の民主化運動が勃発し、徐々に台湾語が衰退し台湾人の主体性が失われかけている現状を目の当たりにする。「このままでは中国語を使う中

国人の文化に染まっていってしまう」と初めて台湾語に対する危機感を持つ。その後洪惟仁教授のもとで台湾語を学び台湾語の復興運動、台湾台湾語社及び台湾語ペンクラブと李江却台湾語文教基金会等々の母語団体に参加。また、陳憲國さんと共に樟樹出版社を設立し、台湾語の本を出版する。

『華台比較辞典』、『台湾語のことわざ辞典』の二冊の工具本、文部省のネットワーク辞書の編集、様々な台湾語の文章を書き、各出版物に投稿。現在、彼の主な仕事は台湾語の七字仔を整理することで、経典に台湾語のふりがなをつけ、研究成果のすべてをネット上に掲載し、台湾人が参考、使用出来る様にした。(高屋礼佳 譯)

---

Khu Văn Tích (Khu, Bùn-sek) sinh ra và lớn lên ở vùng quê thuộc huyện Đào Viên, từ nhỏ đã rất yêu văn học; cha ông bèn dạy cho ông những bài đồng dao bảy chữ, khi đó ông đang là học sinh tiểu học, nên ông biết nói tiếng Đài và đọc hiểu những kiểu chữ Hán dùng để ghi âm tiếng Đài và cho rằng chữ Hán trong tiếng Đài rất dễ học. Khi trở thành sinh viên của Trường Đại học Quốc gia Thành Công, ông dần phát hiện ra tiếng Hoa của mình ngày càng lưu loát hơn tiếng Đài, nhưng lại không hề nhận ra mối nguy cơ tiềm ẩn này.

Vào những thập niên 60-70, người dân Đài Loan bắt đầu phát động phong trào dân chủ và phong trào tìm lại văn hóa bản địa. Ông dần hiểu ra rằng mất đi ngôn ngữ mẹ đẻ sẽ khiến người Đài Loan mất đi tính chủ thể của mình, tất cả đều lấy ngôn ngữ và quan điểm của người Trung Quốc làm chủ đạo. Từ đó, ông đã nhìn ra mối nguy cơ này và nhận Hồng Duy Nhân làm sư phụ, tham gia vào phong trào phục hưng tiếng Đài, gia nhập vào các tổ chức bảo vệ và phát triển tiếng Đài như Hội bút văn Đài và Quỹ giáo dục tiếng Đài Lý Giang Khước; đồng thời kết hợp với Trần Hiến Quốc thành lập Nhà xuất bản Chương Thụ, chuyên xuất bản sách tiếng Đài, trong đó bao gồm hai bộ sách công cụ là Từ điển đối chiếu Hoa - Đài và Từ điển Ngạn ngữ tiếng Đài; song song đó cũng tham gia biên soạn Từ điển tiếng Đài trực tuyến cho Bộ Giáo dục, sáng tác văn học bằng tiếng Đài, thường xuyên viết bài cho các tạp chí tiếng Đài.

Hiện nay, công việc chính của ông là chỉnh lý các tập sách thơ bảy chữ tiếng Đài, chú âm tiếng Đài cho kinh Phật. Tất cả mọi thành quả đạt được, ông đều đăng tải lên mạng để mọi người dân Đài Loan đều có thể sử dụng và tham khảo.(Phạm Hải Vân dịch)

## Khu, Úi-him

Khu, Úi-him (邱偉欣) writes under the pen name A-him and Gêng-sim ('unified heart'). Born as a Hakka in Miaoli, Sintek, he lost his ability to speak his Hakka mother tongue due to government policies. Fortunately, he grew up in Ê-káng, so he absorbed some Taiwanese nutrients. He studied in schools until he was in his 30's, when he started to try his hands on Taiwanese writing. He hopes it is not too late. He calls his concept of Taiwanese language education 'Khioh Kū Ōe Sin', which translates to finding and selecting traditional Taiwanese phrases, applying them to modern situations, and creating new Taiwanese phrases suitable for today's society. Linguistics and social linguistics are at the heart of this practice. He thinks that not only should we pass down our language heritage, we should also create, expand Taiwanese, to resurrect it for the glory of a linguistic life. (Trans. by V.T.S)



Khu, Úi-him (邱偉欣) ペンネームはA-him、凝心。新竹市生まれの苗栗系客家人。政府は客家語を擲揄し、客家人は客家語をうまく話すことができなかった。幸いにも彼は高雄市で育ち台湾語文化とともに成長する。三十歳頃まで勉学に励んだ彼は、今からでも台湾語文学を創作しようと試みている。

「拾舊話新」は彼の創作及び台湾語教育の理念である。「拾舊」は台湾語の古い語彙を現代風にアレンジして新しい語彙として使用することを指し、「話新」は現代社会の需要に沿って新しい台湾語を創作することを指す。言語学と社会言語学はこの実践のコアとなるものである。彼らは伝承するだけでなく、より多くの言葉を創作し台湾語を再生させ、台湾語文化の繁栄を目指している。(高屋礼佳 譯)

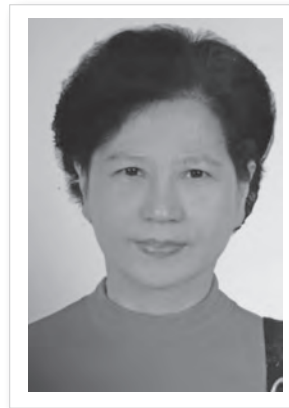
Khâu Vĩ Hân (Khu, Úi-him), bút danh: A-him, Ngung Tâm. Ông là người Khách Gia Miêu Lật, nhưng sinh ra tại Tân Trúc; do chính sách ngôn ngữ bất cập của chính phủ nên ông chỉ nói được chút ít tiếng Khách Gia. Rất may ông lớn lên ở

Cao Hùng, nên đã có cơ hội được tiếp cận tiếng Đài. Ông kiên trì theo học tiếng Đài, đến nay ngoài 30 tuổi, bắt đầu theo đuổi sự nghiệp sáng tác bằng tiếng Đài xem như cũng không phải quá muộn. “Lượm cũ nói mới” là phương châm trong sáng tác và giáo dục tiếng Đài của ông. “Lượm cũ” tức là lượm nhặt những từ ngữ vốn có trong tiếng Đài và phù hợp với cách dùng hiện đại; “nói mới” tức là dựa trên quan điểm hiện đại, bổ sung thêm các ngữ dụng và tạo nên các từ vựng mới cho tiếng Đài. Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học xã hội là nền tảng để hiện thực hóa điều này. Chúng ta không những chỉ kế thừa, mà còn phải sáng tạo không ngừng để tiếng Đài được tái sinh, đồng thời vinh dự trở thành một ngôn ngữ có sức sống mãnh liệt. (Phạm Hải Vân dịch)



## Ko, Goát-oân

The very creative Ko, Goát-oân (高月員) was born in 1947, in A-kong-tiàm (now Kong-san), Ko-hiông (Kaohsiung). After retiring from her much-enjoyed librarian job, Ko became busy doing calligraphical works. Between 1998 and 2016 she participated in eighty art shows, garnering the first prizes in 2011, 2012 and 2013 for the International Calligraphy Cultural Exchange Show held by the Great Japan Calligraphy Academy. Her calligraphy works have been included in some 90 exhibit catalogues and selected as part of the teaching material for the art education project of the Tainan City Living Art Center and the Ministry of Culture between 2011 and 2015. She also participated in charitable auctions benefitting the 2010 and 2011 typhoon and earthquake victims. Devoting herself to promoting art, she is a member of three calligraphy associations and a board member of the Nan Yang Association of Arts. Previously she had been the 7th and 8th chair of the board of Nan-yang Association of Arts and a board member of the Association of International Culture Communication. Besides calligraphy, Ko is also involved in literature, serving as the managing supervisor Taiwanese Pen and being a member of Taiwanese Literature Battlefield. She has two collections published, one on her art works and the other on Taiwanese songs. (Trans. by V.T.S.)



Ko, Goát-oân (高月員) 1947年阿公店で生まれた。幸運にも図書管理の資格を取得し、退職するまで多くの書物と関わる仕事から様々な人の知恵を享受した。研田書会 (Gián-tiân Book Will) 会員、希夷印社 (Hi-î Seal Community) 社員、台南国際文化交流協会 (International Cultural Exchange Association) 芸術委員、台南市南陽美術協会 (Art Association) 第七、八回理事長。現在台湾語ペンクラブ常務監事、台文戦線社員、台南市南陽美術協会理事、中華書道印芸学会 (China Graphic Arts Association of calligraphy) 理事、豊廬書会会員。

芸文作品の展示会は1998年から2016年までに80回開催されており(個人展示会、合同展示会の合計回数)、出版した書籍は92冊にも及ぶ。2011年、

2012年、2013年に大日本書芸院主催の国際文化交流書道展で入選する。2011年から2015年には文化部と国立生活美学館共催の「藝術走入家庭」、  
「藝術下郷的藝術教育推廣活動」に参加し、2010年と2011年には八八水害や仙台の救済活動にも参加した。個人の芸文作品には『心藝新意高月員畫集』、『哇拉阿媽高月員台語詩集』がある。(高屋礼佳、勝村亞季 譯)

---

Ko, Goát-oân (Cao Nguyệt Viên) sinh năm 1947 ở A Công Điếm (Cao Hùng), đã từng làm qua quản lý thư viện. Trong quá trình làm việc được tiếp xúc và thưởng thức cả biển sách trí tuệ quý giá cho đến khi về hưu. Bà là hội viên của Hội sách Nghiên Điền (Gián-tiên Book Will), Hội viên của Hội In ấn Hi Di (Hi-î Seal Community), Ủy viên nghệ thuật của Hiệp hội giao lưu văn hóa Quốc tế Thành phố Đài Nam (International Cultural Exchange Association), Chủ tịch của Hiệp hội Mỹ thuật Nam Dương Thành phố Đài Nam (Art Association) nhiệm kỳ 7 và 8. Hiện nay bà là ủy viên giám sát thường vụ của Hội văn học tiếng Đài, hội viên của Chiến tuyến Văn Đài, ủy viên thường trực Hiệp hội Mỹ thuật Nam Dương Thành phố Đài Nam, ủy viên thường trực Hiệp hội nghệ thuật đồ họa thư pháp Trung Hoa (China Graphic Arts Association of calligraphy), hội viên Hội sách Phong Lư.

Từ năm 1998 đến năm 2016, đã tham gia 80 buổi triển lãm các tác phẩm nghệ thuật (bao gồm liên kết triển lãm, triển lãm cá nhân, khách mời triển lãm) và xuất bản 92 quyển sách báo. Năm 2011, 2012, 2013 đã được trao giải quyển sách hay nhất trong cuộc triển lãm thư pháp giao lưu văn hóa quốc tế do Viện nghệ thuật thư pháp Nhật Bản tổ chức. Từ năm 2011 đến năm 2015 tham gia hoạt động thúc đẩy giáo dục nghệ thuật, đưa nghệ thuật đến gần hơn với các gia đình và vùng nông thôn do Bộ văn hóa và Viện mỹ học và đời sống quốc gia tổ chức. Đồng thời năm 2010, 2011 tham gia vào hoạt động từ thiện cứu trợ thiên tai tại vùng Sendai Nhật Bản và cơn bão 88. Bà đã sáng tác những tác phẩm nghệ thuật của riêng mình như “Tập tranh Cao Nguyệt Viên – những suy nghĩ mới về nghệ thuật từ trái tim”, “Tập thơ tiếng Đài Bà Oa-la Cao Nguyệt Viên.” (Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)

## Koeh, Iàn-lîm

Koeh, Iàn-lîm (郭燕霖) was born on January 3rd 1978, at Gō-kah-bóe, Koan-biō Village, Tâi-lâm. He graduated from the Department of Primary Education of the Taipei Municipal Teacher's College in 2000. He was the former Secretary-General of the Taiwanese Teachers League. He's currently a teacher at Shan-jiau Elementary School, Yuan-li Township, Miao-li County. In 2010 he supervised the publication of a trilingual (Tâi-gí Taiwanese, Hakka and Chinese Mandarin) illustrated story book entitled *Yoichi Hatta and Me* (Hatta Yoichi kap 阮 ê 故事), created by the pupils from the Shan-jiau Elementary School.



Koeh, Iàn-lîm (郭燕霖)、1978年1月3日出生。台湾台南関廟五甲尾出身。2000年台北市立師範学院卒業。台湾教師連盟秘書長を歴任、現在苗栗縣苑裡鎮山腳小学校の教員をしている。2010年、彼は三語（台湾語、客家語、中国語）で絵物語『八田與一 kap 阮 ê 故事』の監督と編集を手掛け出版した。この本は山腳小学校の学生と共に創作した。（高屋礼佳 譯）

Quách Yến Lâm (Koeh, Iàn-lîm) sinh ngày mùng 3 tháng 1 năm 1978 tại Ngũ Giáp Vĩ, Quan Miếu, Đài Nam. Ông tốt nghiệp Khoa giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Sư phạm Đài Bắc vào năm 2000. Ông từng đảm nhận chức Tổng thư ký Liên minh giáo viên Đài Loan. Hiện nay ông là giáo viên của Trường tiểu học Sơn Cước, Uyển Lí, Miêu Lật.

Năm 2010, ông đã giám sát việc xuất bản cuốn truyện tranh ba thứ tiếng (tiếng Đài, tiếng Khách Gia và tiếng Hoa) với tựa đề “Yoichi Hatta và tôi” (Yoichi Hatta and Me) được sáng tác chung bởi các em học sinh Trường tiểu học Sơn Cước. (Phạm Hải Vân dịch)

## Lí, Koàn-lêng

Lí, Koàn-lêng (李冠伶) was born in Tainan in 1973. She had studied, as a graduate student, in the philosophy department of Fu Jen University but has been a graphic designer for some years. She is active in community work and is a general secretary of the Taiwan Association for Transitional Justice.

She has been engaged in social issues for more than a dozen years. In the process of getting to know those who came before her in the struggle for democracy in Taiwan, she has deeply felt the oppression the present education system puts on the development of the Taiwanese language. For instance, although she grew up in a Taiwanese-speaking family, due to the long years she spent in schools, her Taiwanese has become less and less fluent.

In a chance encounter with the secretary general of Taiwanese Pen, Tan Beng-jin, and after reading his Taiwanese writing, she has been reawakened to the beauty of written Taiwanese and her childhood response to her homeland. Although she admits to having woeful gaps in her knowledge of the written and spoken Taiwanese, Koàn-lêng sees this gap as a further need for developing Taiwanese literature. Whenever she is engaged in discussions on social issues, she pays special attention to the problem of Taiwanese language and writing. Gradually, like many young people these days, she is slowly retrieving her mother tongue.

Koàn-lêng hopes to make big strides in all aspects of Taiwanese, whether it be the discussion, the presentation, or the artistic and literary creation of it. (Trans. by V. T. S.)



-----

Lí, Koàn-lêng (李冠伶)、1973年台南生まれ。輔仁大学哲学研究科修士課程を修了し、現在は設計士として活躍している。同時に台湾轉型正義協會の秘書長も務める。

社会課題の解決に貢献し始めてまだ十数年だが、民主運動に尽力する先輩たちの活動を見ているうちに、台湾の教育方式が台湾語の発展を妨げていると実感する。たとえ彼女の実家で台湾語を話していたとしても、長時間学校にいとどうしても台湾語を話すのが困難になる。

この協会をきっかけに陳明仁理事長と知り合い、彼の台湾語の作品を知り、ますます台湾語の魅力的な世界に引き込まれ、忘れかけていた幼少期の

記憶が蘇ってきたそうだ。彼女が台湾語に目覚めるまでそう早くはなかったが、彼の作品に出会ってから、台湾語及び台湾語文学の発展の必要性をより深く認識した。彼女は数ある社会問題の中でも、特に台湾語に関する問題に関心を持ち、現代の多くの青年のように日々自分たちの母国語の存続を追求している。

近い未来で社会問題として議論されるだけでなく、文学や芸術の分野でも台湾語が活躍し、成果を出せるような社会を目指している。(勝村亞季 譯)

Lý Quán Linh (Lí, Koàn-lêng) sinh 1973 tại Đài Nam, tốt nghiệp thạc sĩ ngành Triết học của Trường Đại học Phụ Nhân. Hiện bà là chuyên viên thiết kế đồ họa chuyên sâu, đồng thời giữ chức vụ thư ký trưởng của Hiệp hội Đài Loan Chuyển hình Chính nghĩa (đấu tranh cho sự độc lập của Đài Loan).

Bà tham gia vào các hoạt động xã hội mới được hơn 10 năm. Nhưng trong quá trình tiếp xúc với các đàn anh đàn chị đi trước đã tận lực vì phong trào vận động dân chủ, bà cảm nhận sâu sắc về tình hình áp chế giáo dục đối với sự phát triển của tiếng Đài Loan. Ngay như bản thân bà lớn lên trong một gia đình nói tiếng Đài Loan, nhưng vì phần lớn thời gian tập trung cho việc học ở trường đã khiến cho việc “nói tiếng Đài” của bà ngày càng bị mai một.

Nhờ cơ duyên được gặp mặt và quen biết với Chủ tịch Trần Minh Nhân, sau khi đọc xong các tác phẩm viết bằng tiếng Đài của ông, những ký ức tuổi thơ gắn liền với tiếng mẹ đẻ và mảnh đất quê hương trong bà trở lại, là động lực đưa bà quay trở lại với tiếng Đài thân thương! Tuy bản thân bà cho rằng cần thêm nhiều thời gian hơn nữa để nâng cao kiến thức về tiếng Đài của mình, nhưng nhờ có cơ duyên tốt đẹp ấy mà bà thấu hiểu sự quan trọng trong việc phát triển tiếng Đài và văn học Đài Loan! Do vậy, trong các vấn đề sự kiện xảy ra trong xã hội, bà luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến các vấn đề liên quan đến việc phát triển tiếng Đài. Cũng như rất nhiều các bạn trẻ hiện nay đã dần có ý thức giữ gìn và bảo vệ sinh mệnh cho tiếng mẹ đẻ của mình.

Hi vọng trong tương lai, việc sử dụng tiếng Đài trong các sáng tác văn học và nghệ thuật hay viết về các chủ đề, luận điểm sẽ gặt hái được nhiều thành công hơn nữa! (Phạm Thị Hải Vân dịch)

## Lí, Siok-cheng

Lí, Siok-cheng (李淑貞) was born in 1955, in Chiong-hòa. Currently she lives in Thài-pêng District, Tâi-tiong. She had been an accountant, a sales representative, director of a nursery school, a volunteer counselor on the Lifeline organization, and a radio host. Now she is a district manager of an insurance company and a volunteer for public welfare society.

In 2004, she set off doing literary creations in her mother tongue—Tâi-gí Taiwanese. She would like to thank, most of all, Ms.Tiu<sup>a</sup> Siok-chin for her guidance and instruction. She considers Taiwan her Mother and wishes to touch her readers' hearts by showing them her love for the land in her works. Her works have been selected and she awarded several times for literature and photography since 1992.



Lí, Siok-cheng (李淑貞)、1955年に彰化で生まれ、現在台中市太平区に居住。実務経験は会計、業務代理人歴任、保育所の主任、生命線（悩みや、苦しみなど生命に関することを相談できる。）のボランティア及びラジオ放送局の司会者。現在の仕事は保険会社のマネージャー、公共救済協会のボランティア。彼女は2004年に自身の母語（台湾語）で文学に従事して創作を始めた。また、彼女は張淑真さんの導きに感謝している。彼女は台湾を自分自身の母だと思っている。また、彼女はこの土地と人々の愛に期待し、彼女の作品の中で表現した。そしてそれは更に読者の心を打った。1992年以来、彼女の文学作品と写真作品は多くの賞を受賞した。（高屋礼佳 譯）

Lí Thục Trân (Lí, Siok-cheng) sinh năm 1955 tại huyện Chương Hóa. Hiện nay, bà sống tại khu Thái Bình, Đài Trung. Bà làm nhiều công việc khác nhau như: kế toán, đại diện kinh doanh, chủ nhiệm trong trường mẫu giáo, tình nguyện viên đường dây nóng bảo toàn sự sống và phát thanh viên trên radio.

Công việc hiện tại: Quản lý khu vực cho một công ty bảo hiểm và là tình nguyện viên cho các chương trình phúc lợi cộng đồng.

Bà bắt đầu sáng tác văn học bằng tiếng mẹ đẻ tiếng Đài của mình từ năm 2004. Bà muốn gửi lời cảm ơn trân trọng đến bà Trương Thục Trân vì đã hướng dẫn và dìu dắt mình. Bà xem Đài Loan như là người mẹ dẫu yêu của mình và bà mong mỗi rằng tình yêu của mình dành cho mảnh đất cũng như con người nơi đây sẽ đi vào trái tim độc giả thông qua các tác phẩm văn học do bà sáng tác. Từ năm 1992, bà đã nhiều lần được trao giải thưởng trong cả lĩnh vực văn học và nhiếp ảnh. (Phạm Hải Vân dịch)



## Lí, Siù

Lí, Siù (李秀) usually known as Louise Lee Hsiu was born in Kaohsiung, Taiwan. There, she earned her BA in the Humanities and three English as a Foreign Language certificates. In 2002, she moved to Canada. Since then, she has earned two diplomas in Creative Writing. An award-winning author, Louise has published fifteen books in Taiwan and the U.S. Her published writings include novels, short stories, essays and poetry. At this time, she is translating Taiwanese poetry and her own works from Chinese to English and she is also writing a series of stories in English and Taiwanese. In addition to being a professional writer, she is proficient in playing the piano, and painting. (Trans. by Louise.)



---

Lí, Siù (李秀) 原籍は澎湖、台湾高雄で生まれ、国立空中大学人文学科、バンクーバー大学英語科を卒業。専門はピアノ、絵画、創作小説、エッセイ、童詩、新詩、作曲。2002年作家としてカナダに移住。現在英語で、台湾語、中国語の翻訳。2015年までに台湾、米国で16冊を出版。十数回文学賞を受賞。(高屋礼佳 譯)

---

Lý Tú (Lí, Siù) nguyên quán ở Bình Hồ nhưng sinh ra tại Cao Hùng, tốt nghiệp Khoa Nhân văn Trường Đại học Quốc gia Mở và Khoa tiếng Anh Học viện Vancouver; có sở trường về piano, hội họa; sáng tác tiểu thuyết, tản văn, thơ dành cho thiếu nhi, thơ hiện đại và lời bài hát. Năm 2002, bà chuyển tới sinh sống tại Canada với tư cách một nhà văn; hiện nay bà chuyên làm công việc phiên dịch tiếng Anh, tiếng Đài và tiếng Hoa. Cho đến năm 2015, bà đã xuất bản được 16 đầu sách tại Đài Loan và Hoa Kỳ, nhận được hơn 10 giải thưởng Văn nghệ. (Phạm Hải Vân dịch)



## Lîm, Bú-hiàn

Lîm, Bú-hiàn (林武憲) was born in a fishing village in Chiong-hòa on 3 September, 1944. He graduated from Ka-gī College of Education. He was a member of the Commission for Taiwanese textbooks and of the Commission for National Culture and Art Foundation, and an advisor for Chinese Education for Overseas Community Affairs Council. He is a director of the board of Taiwanese Pen.



He has published some 100 works, including a book of illustrated Chinese-English poetry, *Endless Sky* (無限的天空), a book of Taiwanese Lyric poetry, *Glace Fruits--Taste of Life* (鹹酸甜—人生的滋味), *Collections of Taiwanese children's songs--Luffa, Cauliflower and Firefly* (台語囡仔歌—菜瓜花菜火金姑) (an audio book) and *New Year in Moonlight Night Market* (台語囡仔歌—月光夜市過新年) (an audio book). These have been selected and included in textbooks of language or music in Taiwan, Hong Kong, Singapore, and China. His works have also been frequently translated into English, Japanese and Korean, and made into more than 100 songs. He was honored with the Language Medal, the Arts Medal and the Award for Chinese Children Literature. His biography has been included in the Dictionary of Children's Literature (Taiwan) and the Dictionary of Children's Literature in Korea. (Trans. by J.K.L.)

Lîm, Bú-hiàn (林武憲) 1944年9月3日に彰化漁村で生まれ、嘉義師範大学卒業、歴任、中国語、台湾語の教科書編集審査委員、国家文芸基金会審査委員、華僑教育諮問委員会委員、現在台湾語ペンクラブ理事である。著作は集を描く中英対照の歌詩があり『無限的天空』、台湾語の歌集『鹹酸甜—人生的滋味』、台湾語の子供の歌—『菜瓜花菜火金姑』(CD付)、『月光夜市過新年』(CD付)等60数冊、作品は台湾、香港、シンガポール、中国の言葉と音楽の教材を編入して、百数編ある。百数首の歌の詩を英語、日本語、韓国語に翻訳して発表。この作品で国内外の作曲家になった。国語の賞、文芸の

賞と中華児童文学賞を得た。実績は彼の作品『児童文學辭典』、韓国『世界児童文學事典』に編入。(高屋礼佳 譯)

---

Lâm Vũ Hiến (Lâm, Bú-hiàn) sinh ngày 3 tháng 9 năm 1944 tại Ngư Thôn, Chương Hóa; tốt nghiệp tại Đại học Sư phạm Gia Nghĩa. Ông từng đảm nhiệm vai trò là Ủy viên Ban thẩm tra biên tập sách giáo khoa tiếng Đài tiếng Hoa, Ủy viên Ban thẩm tra quỹ Văn nghệ Quốc gia, Ủy viên tư vấn giáo dục tiếng Hoa cho Ủy ban Hoa Kiều, hiện là Ủy viên Ban chấp hành của Hội bút Văn Đài. Ông đã sáng tác hơn 60 tác phẩm nổi tiếng, gồm có: Tuyển tập thơ tranh song ngữ Trung Anh “Bầu trời vô tận” (無限的天空) kèm CD; tuyển tập thơ ca tiếng Đài “Vị đời đắng cay ngọt bùi” (鹹酸甜 – 人生的滋味); Đồng dao tiếng Đài “Mướp, Súp-lơ và Đom đóm” (瓜花菜火金姑) kèm CD, “Tết về chợ đêm Nguyệt Quang” (月光夜市過新年) kèm CD... Ông có hơn 100 tác phẩm được đưa vào Giáo trình âm nhạc và ngữ văn của Đài Loan, Hồng Kông, Singapore và Trung Quốc; cũng có hơn trăm bài thơ ca được dịch sang tiếng Anh, tiếng Nhật và tiếng Hàn, đồng thời được các nhạc sỹ trong và ngoài nước phổ nhạc. Ông được trao giải thưởng ngữ văn, văn nghệ và văn học nhi đồng Trung Hoa. Những cống hiến to lớn của ông được đưa vào biên soạn trong “Từ điển văn học nhi đồng” (兒童文學辭典) và “Từ điển văn học nhi đồng Thế giới” (世界兒童文學事典) của Hàn Quốc. (Phạm Hải Vân dịch)

## Lîm, Bûn-pêng

Lîm, Bûn-pêng (林文平) was born in Ka-gī in 1969. He grew up at Lâk-ku in Ko-hiông, and received his BA from the Department of Chinese Literature, Fu Jen Catholic University. He won the Whale of Taiwanese Literature Award, Ministry of Education's Literary and Artistic Creation Award, Ministry of Education's Mother Tongue Creation Award 2009 and Ministry of Education's Award for Outstanding Contribution to the Promotion of Mother Tongue in 2011.



These days Lîm had been going on hard adventures which cover almost every township in Taiwan. Therefore, he got the Badge of the Brave Smile twice. Lîm had published several books of poetry; here are three of them: *Heysong Soft Drink* (黑松汽水), *Fragrance of Time* (時間的芳味) and *A Poem Written in Bi-long* (用美濃寫的一首詩). He also edited a book named *Taiwanese Proverbs* (台灣歇後語典). He has a blog for Taiwanese poems, named *The Wind of The Down Port* (下港的風). (Trans. by J.K.L.)

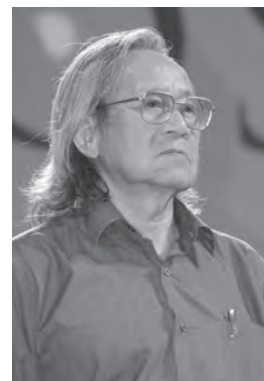
Lîm, Bûn-pêng (林文平) 1969年台湾高雄六龜で生まれ育つ。輔仁大学中文系卒業。曾ては台湾語クラブ会報『掖種』の編集長を勤め、海翁文学賞を受賞。他にも台湾文部省文芸創作賞、台湾語、客話文学賞を受賞した。2011年に文部省母語優秀貢献賞を得て、現在は台文戦線委員であり、台湾語ペンクラブの委員でもある。近年、台湾の国内旅行に没頭し、全国の津々浦々に足跡を残し、旅行の傍ら資料を集め、創作した作品は2回の微笑勇者賞を獲得した。作品詩集『黒松汽水』、『時間的芳味』及び『用美濃寫的一首詩』、編集作品『台灣歇後語典』、台湾語詩のブログ「下港的風」も開設している。(高屋礼佳 譯)

---

Lâm Văn Bình (Lâm, Bùn-pêng) sinh năm 1969, nguyên quán ở Gia Nghĩa, nhưng sinh ra và lớn lên ở Lục Quy, Cao Hùng; tốt nghiệp Khoa Trung Văn, Đại học Phụ Nhân; từng đảm nhiệm chức tổng biên tập của Tạp chí tiếng Đài “Gieo hạt” ( 掖 種 ); được trao giải thưởng văn học Hải Ông, giải thưởng sáng tác văn nghệ của Bộ Giáo dục, giải thưởng văn học Mân Khách và Giải cống hiến dành cho những cá nhân kiệt xuất trong việc bảo lưu và truyền bá ngôn ngữ bản địa vào năm 2011 của Bộ Giáo dục; hiện ông là Ủy viên tạp chí “Đài Văn chiến tuyến” ( 台 文 戰 線 ) và là hội viên của Hội bút Văn Đài. Những năm gần đây, ông chu du khắp Đài Loan, từ phố thị đến nông thôn, từng được hai lần trao tặng huân chương “Dũng sĩ cười”; một mặt chu du tìm kiếm tài liệu, một mặt không ngừng sáng tác, làm thơ ký sự về những địa danh qua các chuyến đi và đã nhận được rất nhiều phản hồi từ độc giả. Những tác phẩm nổi tiếng gồm có: tập thơ “Nước ngọt Hắc Tùng” ( 黑松汽水 ), “Hương vị của thời gian” ( 時間的芳味 ), “Viết thơ về Mỹ Nùng” ( 用美濃寫的一首詩 ); biên soạn “Từ điển Yết hậu ngữ Đài Loan” ( 台灣歇後語典 ), đồng thời mở trang blog thơ tiếng Đài “Gió Hạ Càng”. (Phạm Hải Vân dịch)

## Lîm, Chhiū-ki

Born in 1945, Chhiū-ki (林樹枝) goes by the pen name, “Ki Peh (Uncle Ki)”. He has twice been a political prisoner on the Green Island off the coast of Taiwan. Chhiū-ki has worked in the Central Department of the Democratic Progressive Party, served as an executive secretary of Outside the Party Public Affairs Association, as a general secretary of Association for Taiwanese Political Victims, and participated as a writer in the Outside the Party Editors and Writers Union (Tong Oa Pen Lien Huei). He has also managed a radio station whose audience members are the common people, and was in charge of the Sweet Potato Stand, a radio forum.



(Trans. by V.T.S.)

Lîm, Chhiū-ki (林樹枝)、1945 年生まれ。筆名は「枝伯」。火燒島(現綠島)に二度流罪になった政治被害者。過去に民進党中央部幹事、党外編集作家連合会会員、党外公政会執行秘書、台湾政治被害者協会秘書長を務めたほか、海賊放送の基層之聲放送局局長や枝伯番薯担(焼き芋の屋台販売)の責任者といった様々な分野で活動した。(勝村亞季 譯)

Lâm Thụ Chi (Lîm, Chhiū-ki) sinh 1945, bút danh “Chi Bá”, là tù nhân chính trị hai lần bị giam cầm trên đảo Hòa Thiêu. Lâm Thụ Chi từng giữ chức vụ là cán bộ cấp cao của Đảng bộ Trung ương Đảng Dân Tiến, hội viên Hiệp hội liên hiệp nhà văn ngoài Quốc Dân Đảng, thư ký ban chấp hành Hội Công chứng ngoài Quốc Dân Đảng và thư ký trưởng Hiệp hội bảo trợ tù nhân chính trị Đài Loan. Ngoài ra, ông cũng từng giữ chức trưởng ban đại phát thanh hoạt động bí mật với tên gọi “Những tiếng nói của quần chúng” trong thời kỳ đấu tranh cho vận động dân chủ. Hiện ông sống đơn sơ bình dị lúc xế chiều và mở một quán bán khoai lang nướng mang tên mình. (Phạm Thị Hải Vân dịch)

## Lîm, Chong-goân

Lîm, Chong-goân (林宗源) is a native of Tâi-lâm City in Taiwan. After graduating from the Second Senior High School of Tâi-lâm City, he tried different trades: farming, fishery, hostel, architecture and others. In 1958, he acted as the Chairman of the Modern Poetry Society and joined the Léh Poetry Society in 1964. In 1987, Lîm was a founder-member and executive committee member of the Taiwan Pen Society. In 1991, Lîm established the Han-chî Poetry Society as director. In 1994, he started the First Lâm-khun-sin Taiwanese Literature Camp.



For his devotion to poetry and his dazzling writing skill, Lîm has won various awards: The Gô'Chòk-liú New Poetry Award in 1976, the Third Êng-āu Taiwan Poetry Award and the Second Senior High School of Tâi-lâm City Excellent Alumnus Prize as well. In 1996, Lîm was granted an honorary doctorate of arts by World Academy of Arts and Culture in the 16th World Poets Conference in San Francisco, U.S.A. In August 2004, he was granted the New Literature Contribution Award in Salt Land Literature Camp, which was organized by Gô' Sam-liân Foundation.

Lîm, Chong-goân (林宗源)、男性、台南で生まれた。国立台南第二高等学校卒業の後、異なる業界に従事し、農業、魚業、ホテル及び建築等を含む様々な産業で働いた。彼は1958年に「現代詩社」の社長に就任。そして1964年に「笠詩社」に参加する。1987年林氏は「台湾筆会」の発起人と執行委員の一人となる。1991年に文学の友人と「番薯詩社」を創立し、そして1994年に第1期の南鯤鯓台湾語文学キャンプの開催に参加し主催した。詩の貢献と傑出した作品の技巧に関して、彼は多くの項目の賞を獲得、1976年に吳濁流文學賞、第三回榮後台灣詩賞受賞、及び国立台南第二高等学校傑出学友等々。

1996年、林氏は第16期の世界で詩人大会を経て米国サンフランシスコ世界文化藝術学院で名誉文学博士を授与した。2004年に呉三連基金会の主催する塩分地帯文学營で新文學貢獻賞受賞。(高屋礼佳 譯)

---

Lâm Tông Nguyên (Lîm, Chong-goân), nguyên quán ở Đài Nam. Sau khi tốt nghiệp Trường Trung học phổ thông Đệ Nhị thuộc thành phố Đài Nam, ông đã làm rất nhiều ngành nghề như: làm nông, nuôi trồng thủy sản, kinh doanh nhà nghỉ, làm kiến trúc sư... Năm 1958, ông trở thành chủ tịch của Hội Thơ mới. Năm 1964, ông gia nhập Hội thơ Lạp (Lêh). Năm 1987, ông là một trong những người sáng lập và Ủy viên Ban chấp hành của Hội bút Văn Đài. Năm 1991, ông cùng bè bạn thành lập Hội thơ Khoai lang (Han-chî). Ông khởi xướng Hội trại văn học tiếng Đài Nam Côn Thân lần đầu tiên vào năm 1994. Với những cống hiến trong làng thơ và khả năng viết lách xuất chúng của mình, ông đã vinh dự đón nhận rất nhiều giải thưởng: giải thơ mới Ngô Trọc Lưu (Gô`Chók-liú) năm 1976, giải thơ Đài Loan Vinh Hậu (Êng-âu) lần thứ ba cũng như giải cựu học sinh xuất sắc của Trường Trung học phổ thông Đệ Nhị thành phố Đài Nam. Năm 1996, ông được cấp bằng tiến sỹ văn học danh dự của Viện Hàn lâm Nghệ thuật và Văn hóa Thế giới trong Hội thảo Thơ Quốc tế lần thứ 16 được tổ chức tại San Francisco, Hoa Kỳ. Tháng 8 năm 2004, ông được trao tặng Giải cống hiến cho nền Văn học mới tại Hội trại văn học khu vực Diêm Phân do Quỹ Ngô Tam Liên (Gô`Sam-liân) tổ chức. (Phạm Hải Vân dịch)

## Lîm, Jū-khái

Lîm, Jū-khái (林裕凱) was born in the mountainous village of Pî<sup>n</sup>-nâ, in 1966. Lîm received his Ph.D in Electro-physics from NCTU, in 2000. After his military service, He worked as an RD engineer in a company for about a year and a half. He is now an assistant professor in the General Education Center at Alethia University.

Lîm has been writing poems and several articles in Taiwanese for several years. However, he wishes to publish his own works in the near future. Lîm views writing in mother tongue as a means to regain the freedom of the press and learn to speak out from the heart. (Trans. by J.K.L.)



Lîm, Jū-khái (林裕凱)、1966 年生まれ、台北坪林尾 (Pi<sup>ân</sup>-bér) 出身。2000 年に電子物理博士を取得。兵役を終えた後、サイエンスパークに勤める。今は台湾麻豆真理大学教育センターに職している。作品の台湾語詩、エッセー、1 編小説などは『台文罔報』、『首都詩報』に掲載した。将来は作品をまとめて詩集として出版することを望んでいる。彼は胸の内では母語の詩を創作することこそ自由言論権を奪い返す良い手段だと考えている。(高屋礼佳 譯)

Lâm Dụ Khải (Lîm, Jū-khái) sinh năm 1966 tại Bình Lâm Vĩ (Pi<sup>ân</sup>-bér), Đài Bắc. Năm 2000, ông nhận bằng tiến sỹ vật lý điện tử. Sau khi đi nghĩa vụ quân sự về, ông vào làm kỹ sư nghiên cứu và phát triển điện tử trong khu Công nghệ cao. Hiện nay, ông đang công tác tại phòng đào tạo Bắc Nhã thuộc Trung tâm Giáo dục Đại cương của Trường Đại học Chân Lý, Ma Đầu.

Ông đã sáng tác một số bài thơ bằng tiếng Đài, tản văn, một bộ tiểu thuyết và viết bài cho các nguyệt san như “Báo BONG thông tấn tiếng Đài”, “Báo thơ Thủ đô”... Trong thời gian tới, ông hi vọng các bài viết của mình sẽ được tập hợp thành tuyển tập và cho xuất bản. Ông cho rằng việc sáng tác thơ bằng tiếng mẹ đẻ giống như được giành lại quyền tự do ngôn luận, được nói lên tiếng nói từ sâu thẳm nội tâm mình. (Phạm Hải Vân dịch)



## Lîm, Liông-ngá

Lîm, Liông-ngá (林良雅), better known by his pen name Bók-Jû (莫渝), was born on Jan. 24, in 1948, near the banks of Tiong-káng River in Tek-lâm Town of Biâu-lèk County. He graduated from the Department of French of Tamkang University. He has long been engaged in reading and writing poems. Lîm has also been concerned in Taiwanese literature as well as reading world literature.

He was the editor of literature at a publishing house for 5 years, and the editor of Li Poetry magazine for 7 years. Lîm has also translated several literary works including three books of Selections from French Poetry -- from the Ancient times, of the 19 Century, and of the 20 Century; and *Les Fleurs du mal* (惡之華), and *Les Chansons de Bilitis* (比利提斯之歌).



In recent years, Lîm had written books of Taiwanese poetry: *Lilies in Spring* (春天 ê 百合) published in 2011, and *Sky Dome of Light* (光之穹頂), published in 2013. His Chinese poetry publications include *The First Ray of Sunlight* (第一道曙光) in 2007, *Revolutionary Army* (革命軍) in 2010 and *Walking into Spring Shower* (走入春雨) in 2011.

In addiiton, Lîm have edited critic's articles in *Glittering--20th Century French literature* (波光瀲灩—20世紀法國文學), and on Taiwanese poets in *Portraits of Taiwanese Poets* (台灣詩人群像) and *Profiles of Taiwanese Poets* (台灣詩人側顏). In other areas, he had also edited a book *on the sociology of poetic love* (詩人愛情社會學) and a collection of women poets, in 2011 and 2012, respectively. . As for his own works, some of his works have been translated into English, Japanese, French, Korean, Mongolian, Turkey, and so on. (Trans. by J.K.L.)

Lîm, Liông-ngá (林良雅)、ペンネームは莫渝。1948年生まれ、台湾苗栗竹南出身。台湾淡江大学を卒業。台湾文学に深く関心を持ち長期間詩文学に携わり、世界文学にも精通している。曾て出版社の文学編集長を5年間担当し、『笠』詩集の編集長も7年間に勤めた。翻訳した詩集は『法國古詩選、19世紀、20世紀詩

選』三冊、『惡之華』、『比利提斯之歌』等。近年出版した台湾語詩集『春天 ê 百合』(2011)、『光之穹頂』(2013)。中国語詩集：『第一道曙光』(2007)、『革命軍』(2010)、『走入春雨』(2011)等。評論集『波光瀲灩——20世紀法国文學』(2007)、『台湾詩人群像』(2007)、『台湾詩人側顏』(2013)、『台湾詩走影』等。編詩文集『詩人愛情社會學』(2011)、『笠園玫瑰——笠女詩人選集』(2012)等。作品は多国に渡り(英、日、法、韓、モンゴル、トルコ)翻訳されている。(高屋礼佳 譯)

Lâm Lương Nhã (Lâm, Liông-ngá), bút danh Mạc Du, ông sinh ngày 24 tháng 1 năm 1948, người Trúc Nam, Miêu Lập. Tốt nghiệp Đại học Đạm Giang (Tam-kang). Mạc Du có một sự gắn bó lâu dài với thơ văn, ông quan tâm đến văn học thế giới, văn học Đài Loan.

Mạc Du từng đảm nhiệm vị trí Tổng Biên tập mảng Văn học trong một nhà xuất bản trong 5 năm, Tổng Biên tập Hội thơ Lạp trong 7 năm. Ông biên dịch và xuất bản 3 tuyển tập thơ: “Tuyển tập thơ cổ Pháp, tuyển tập thơ thế kỷ 19, thế kỷ 20” (法國古詩選、19世紀、20世紀詩選), “Ác chi hoa” (惡之華), “Khúc ca của Bilitis” (比利提斯之歌) v.v. Gần đây, ông có xuất bản một số tập thơ viết bằng tiếng Đài, như: “Bách hợp vào Xuân” (春天 ê 百合) (2011), “Ánh sáng bầu trời” (光之穹頂) (2013). Tập thơ bằng tiếng Hoa, bao gồm: “Ánh bình minh đầu tiên” (第一道曙光) (2007), “Quân cách mạng” (革命軍) (2010), “Đi dưới mưa xuân” (走入春雨) (2011) v.v. Các bài bình luận bao gồm: “Văn học Pháp thế kỉ 20 - làn sóng lấp lánh” (波光瀲灩——20世紀法國文學) (2007), “Hình tượng các nhà thơ Đài Loan” (台灣詩人群像) (2007), “Đài Loan thi nhân trắc nhan” (台灣詩人側顏) (2013), “Phai bóng thơ Đài” (台灣詩走影) v.v. Ông biên soạn tập thơ văn “Thi nhân ái tình xã hội học” (詩人愛情社會學) (2011), “Tuyển tập nhà thơ nữ Hội thơ Lạp - Lạp Viên Mai Khôi” (笠園玫瑰——笠女詩人選集) (2012) v.v. Tác phẩm thơ của ông đã được dịch ra tiếng Anh, Nhật, Pháp, Hàn Quốc, Mông Cổ, Thổ Nhĩ Kỳ. (Đặng Thị Kiều Oanh dịch)

## Lōa, Bûn-chhiū

Lōa, Bûn-chhiū (賴文樹) has worked in finance, accounting and law although his specialty is in photography. He has an affinity for the language, culture and history of the country people. Now he is a vice president of a construction company. (Trans. by V. T. S.)



Lōa, Bûn-chhiū (賴文樹)、1946 年生まれ。過去に財務、会計、法務といった業務を経験し、現在は上市公司隆大営建の副社長を務める。趣味は撮影で、郷土の文学史や言語を好む。(勝村亞季 譯)

Lai Văn Thụ (Lōa, Bûn-chhiū) sinh năm 1946, công việc chủ yếu liên quan đến tài chính, kế toán, pháp luật; có sở trường về nhiếp ảnh; yêu thích ngôn ngữ lịch sử văn học bản địa, hiện đang là phó tổng giám đốc của công ty cổ phần xây dựng Long Đại. (Lư Bội Thiên dịch)

## Nâ, Chhun-sūi

Nâ, Chhun-sūi (藍春瑞) was born in Siang-khoe Township in Taipei in 1952. He graduated from Keelung Junior High School and Cheng Kung Senior High School. Afterwards, he got his BA from the Department of Politics at Soochow University. After his military service, he worked in businesses including the mineral industry, warehouses, and in electrical materials for about 5 or 6 years. And after that, he passed the civil service examination, and has been a civil servant till now.



Nâ has used two pen names, Nâ A-lâm or A-lâm, for the public. And he has a book of short stories, *Without a Trace* (無影無跡), published in 2011. He is a mountain lover, often hiking to the foothills around Taipei. He thinks it would strengthen his body and humble himself to the natural world. (Trans. by J.K.L.)

Nâ, Chhun-sūi (藍春瑞) 1952年台北双溪鄉生まれ、基隆中学中学部、成功中学高等部を卒業、後に東呉大学政治学部を卒業する。兵役を終え、鉱山の金属、金物等の商売を経験し、約五、六年後には公務員採用試験を受け公務員となり、今に至る。過去には“藍阿楠”、“阿楠”というペンネームで活動し、著名作には台湾語小説の『無影無跡』がある。山を非常に好み、休日はよく台北の低山に登るが、彼が登山するのは身体を鍛え健康を保つためだけではなく、より謙虚な心で周りを見られるという最大の収穫を得るためである。(勝村亜季 譯)

Lam Xuân Thụy (Nâ, Chhun-sūi) sinh năm 1952 tại Song Khê, Đài Bắc. Ông học cấp 2 tại trường Trung học Cơ sở Cơ Long (Kee-lung), cấp 3 học tại trường Trung học Phổ thông Thành Công, tốt nghiệp chuyên ngành Chính trị của trường Đại học Đông Ngô. Sau khi xuất ngũ, ông từng làm qua những công việc như: khai thác mỏ kim loại, kinh doanh các mặt hàng vật liệu điện nước. Khoảng 5-6 năm sau

đó, ông tham gia thi tuyển công chức và làm công chức cho đến ngày nay. Ông đã từng dùng bút danh Lam A Nam, A Nam v.v...ông sáng tác tiểu thuyết viết bằng tiếng Đài “Vô ảnh vô tích” (無影無跡). Ông rất thích núi, những lúc rảnh rỗi thường đi dạo quanh khu vực đồi núi thấp ở Đài Bắc, ngoài việc rèn luyện sức khỏe, thói quen này còn giúp ông có thể nhìn đời bằng cái tâm khiêm nhường, đây chính là quan niệm sống của ông. (Đặng Thị Kiều Oanh dịch)

## ŉg, Bùn-hông

ŉg, Bùn-hông (黃文宏) was born in Táu-lak, Yun Lin County in 1953. He graduated from Táu-lak High School in 1971 and received his Ph.D. in physics from National Ching Hua University in 1985, and is currently a physics professor at National Cheng Kung University.

In 2011 he published his first Taiwanese novel, “Crossing the Stream at Midnight”. Since then, has continued writing novels in Taiwanese. Has published “Tears of the Betal Nut”, “White Hills”, “The Boddhisattva Eng Achieving Buddhahood”, and a medium-length novel, “Returning to Mi Ya Tribe”. Also two essays, “The Mysterious O-Chioh-Kia”, “The Creek”, and poems, “College Students at the Nan Jung Square” and “Sunflowers in Spring”.

Besides writing all manners of short stories, he is also working on an epic novel at the moment, “Toa-Pe<sup>n</sup>-teng”. (Trans. by V.T.S)



---

ŉg, Bùn-hông (黃文宏) 1953 年、雲林県斗六市出身。1971 年、斗六高校卒業。1985 年、台湾清華大学院物理研究所にて博士課程を修了する。現在は成功大学物理学部の教授である。2011 年、自身初の台湾語小説「半暝過溪」を出版発表した後、台湾語小説を創作し続けている。「檳榔 é 目屎」、「白色 é 山嶺」、「菩薩榮 ā 成佛」や中編台湾語小説「Tng 来米雅部落」等。他にも「祕境烏石崎」、「懷念 é 細條溪」や短文詩「南榕広場 é 大学生」、「春天 é 太陽花」といった作品がある。このような創作短編小説以外にも、長編歴史小説「大坪頂」がある。(勝村亜季 譯)

---

Hoàng Văn Hoàn (ŉg, Bùn-hông) sinh năm 1953, tại Đẩu Lục, Vân Lâm. Ông tốt nghiệp trường Trung học Phổ thông Đẩu Lục năm 1971. Năm 1985, tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Vật lý trường Đại học Thanh Hoa. Hiện ông là Giáo sư khoa Vật lý Đại học Quốc lập Thành Công Đài Loan.

Năm 2011, sau khi đăng tiểu thuyết đầu tiên viết bằng tiếng Đài, với tựa đề “Qua suối nửa đêm” (半暝過溪), ông đã tiếp tục sáng tác nhiều tác phẩm tiểu thuyết viết bằng tiếng Đài khác. Các bài viết đã đăng, bao gồm: “Nước mắt trầu cau” (檳榔 ê 目屎), “Đỉnh núi màu trắng” (白色 ê 山嶺), “Đức Bồ Tát thành Phật” (菩薩 榮 ā 成佛) và tiểu thuyết tiếng Đài “Trở về bộ lạc Mễ Nhã” (Tng 來米雅部落). Cùng hai bài tản văn: “Bí cảnh Ô Thạch Kỳ” (祕境烏石崎), “Hoài niệm dòng suối nhỏ” (懷念 ê 細條溪) và tập thơ ngắn “Sinh viên ở Quảng trường Nam Dong”(南榕廣場 ê 大學生), “Hoa hướng dương vào Xuân” (春天 ê 太陽花). Hiện nay bên cạnh việc sáng tác các truyện ngắn, ông còn đang viết tiểu thuyết lịch sử dài kỳ “Đại Bình Định”. (Đặng Thị Kiều Oanh dịch)

## Ng, Goân-heng

Ng, Goân-heng (黃元興) was born in March of 1949 in Kantang-kha, Kan-tāu in Taipei. He graduated from Chian-kuo Senior High School, and the Department of Dentistry of National Taiwan University. He now runs his own clinic Gō-chiu Dental Clinic.

He taught in Mother tongue classes at Yang Ming San and now heads the Association of Taiwanese Writing in Taipei. He has published 13 books. For more information, please refer to [www.gadang.com.tw](http://www.gadang.com.tw) (Trans. by J.K.L.)



Ng, Goân-heng (黃元興)、1949年3月台北關渡茄苳脚出身。建国中学、台湾大学齒学部を卒業し、現在は五洲齒科医院の院長を務める。1995年陽明山母語教員講座を開いた講師。台北市台湾語ライティング学会で人を集めた主催者。台湾語の著書は13冊。詳しくは：[www.gadang.com.tw](http://www.gadang.com.tw)。(勝村亜季 譯)

Hoàng Nguyên Hưng (Ng, Goân-heng), sinh tháng 3 năm 1949 tại Gia Đông Cước, Quan Độ, Đài Bắc.

Ông tốt nghiệp trường Trung học Kiến Quốc, tốt nghiệp chuyên ngành Nha khoa Đại học Quốc lập Đài Loan, hiện ông làm chủ Phòng khám Nha khoa Ngũ Châu. Năm 1995, tham gia buổi tọa đàm tập huấn cho các giáo viên về tiếng mẹ đẻ tại Dương Minh Sơn. Ông là người triệu tập Hội sáng tác văn học Đài Loan thành phố Đài Bắc. Ông có 13 đầu sách viết bằng tiếng Đài, tham khảo tại trang web: [www.gadang.com.tw](http://www.gadang.com.tw). (Đặng Thị Kiều Oanh dịch)



## Ngô, Chèng-jīm

Ngô, Chèng-jīm (吳正任) was born in Ko-hiông in 1953. He is currently a graduate student in the Institute of Taiwanese Literature at National Cheng Kung University. He was a Taiwanese teacher in primary schools, including Ka-hing, Chiân-hong, Iàn-châu, Chông-tek, Kim-san and Tiong-lō; and also in junior high schools in Kong-san, Kiô-thû, A-lian, Chiân-hong and Āu-ngeh. He has published a book of essays and poetry, named *A Trailer Passing the Curved Road* (車過牛路彎). His poems have been chosen as part of *Taiwanese Literature selections, 2006* (2006 台語文學選), and *100 Taiwanese Poems* (台語詩 100 首), published by King-an.



His numerous awards include The Salty Land Literature Award (鹽分地帶文學獎), and the 1st Mother Language Literature Award for his Taiwanese poem and prose works, and being named The New Scriptwriter with the Most Potential (最有潛力電影編劇新人獎) by the Kaohsiung County Government, in 2008; having his prose, “Searching for the Landscape of Troublesome Land” (走揣惡地山河) selected to be part of *the Taiwanese Literature Selections 2009* (2009台語文學選) and in *Write about Our Land Together-- Prose on Landscape in the Mother Tongue* (鬥陣寫咱的土地 --- 母語地誌散文集) in 2012. He was also awarded the Award for Outstanding Contribution to the Promotion of Local Languages by the Ministry of Education. In addition, his name is in The Hōng-ék Literature Encyclopedia (鳳邑文學百科全書). (Trans. by J.K.L.)

Ngô, Chèng-jīm (吳正任) 1953 年高雄市出身、国立成功大学台湾文学部大学院生。嘉興 / 前峰 / 燕巢 / 崇德 / 金山 / 中路小学校と岡山 / 橋頭 / 阿蓮 / 前峰 / 後勁中学の台湾語の教師歴任。個人で台湾語詩の論評集『車過牛路彎』を出版。台湾語現代詩入選『2006 台語文学選』、『台語詩 100 首』(金安版)；高雄県政府は、ジュニア 8 年生の教科書編集台湾語教科書の編集委員に任命。台湾語文『尪仔上天』は中学校の教科書に選ばれた(2007 年)。『鹽分地帶文学賞』(2008 年)、高雄県政府より『最も潜在力のある(映画)脚本新人賞』(2008 年)

を受賞した。台湾語文『走揣惡地山河』入選『2009年台語文學選』と『鬥陣寫咱的土地 --- 母語地誌散文集』（2012年）；台湾語現代詩、散文は、文部省第一回母語文學賞を受賞した（2008年）。作家名士録『鳳邑文學百科全書』に登録された。文部省から台湾の本土語言傑出貢獻賞などの名誉を得る。（高屋礼佳 譯）

---

Ngô Chính Nhậm (Ngô, chêng-jīm) sinh năm 1953, người Cao Hùng Đài Loan, nghiên cứu sinh Khoa Văn học Đài Loan, Đại học Thành Công. Ông là giáo viên giảng dạy Ngữ văn Đài tại nhiều trường học với các cấp khác nhau, như: Trường tiểu học Gia Hưng, Tiền Phong, Yến Sào, Sùng Đức, Kim Sơn, Trung Lộ và các trường trung học Cương Sơn, Kiều Đầu, A Liên, Tiền Phong, Hậu Kinh. Ông đã xuất bản cuốn “Xe qua Ngưu Lộ Loan” (車過牛路彎) bình luận về thơ văn tiếng Đài; một số tác phẩm thơ hiện đại tiếng Đài được chọn in trong “Tuyển chọn Ngữ Văn Đài Loan 2006” (2006 台語文學選), “100 bài thơ tiếng Đài” (台語詩 100 首) (Kim An bản).

Ngô, Chính Nhậm được Chính phủ huyện Cao Hùng mời làm biên tập viên biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa tiếng Đài cho học sinh lớp 8. Bài “Con rồi lên trời” (尪仔上天) được chọn vào giáo trình tiếng Đài cho học sinh cấp II năm 2007; Ông từng được trao giải thưởng Văn học Diêm Phân Địa Đới năm 2008. Đồng thời ông được Chính phủ Cao Hùng trao tặng giải thưởng Tiềm Năng cho nhà biên kịch trẻ năm 2008. Tác phẩm “Đi tìm những địa danh nổi tiếng vì hiểm trở” (走揣惡地山河) được tuyển chọn in trong cuốn “Tuyển tập văn học tiếng Đài” (2009 台語文學選) năm 2009 và Tập tản văn địa chí tiếng mẹ đẻ “Hãy cùng viết về đất nước chúng ta” (鬥陣寫咱的土地 --- 母語地誌散文集) năm 2012. Các sáng tác thơ hiện đại cũng như các bài tản văn của ông được bộ Giáo dục trao tặng Giải thưởng văn học đối với các sáng tác tiếng mẹ đẻ lần thứ nhất năm 2008. Ông không những vinh dự được ghi tên trong danh sách các tác gia của “Bách khoa toàn thư Văn học Phượng Ấp” (鳳邑文學百科全書); mà còn vinh dự được bộ Giáo dục trao tặng Giải cống hiến dành cho những cá nhân kiệt xuất trong việc bảo lưu và truyền bá ngôn ngữ bản địa vào năm 2012. (Nguyễn Thị Linh dịch)

## Ngô, Kéng-jū

Tân, Lûi (陳雷) is the pen name of Ngô, Kéng-jū (吳景裕), who was born in Môa-tâu, Tainan, in 1939. He grew up in Tâi-lâm, graduated from National Tainan First Senior High School, and got his BA from the Department of Medicine in National Taiwan University. In 1965, he went aboard to be an intern in Michigan, and later to Toronto University where he obtained his PhD in immunology. Between 1971-1972 he went to England for further studies, and since then has been a medical physician in Canada.



Tân Lûi published books of poetry and essays (in Chinese) in college. He continued writing poems in Chinese, a few poems in English and tried to write novels since he went aboard. In 1982, he wrote a novel in Chinese, *Spring of One Hundred Homes* (百家春), which had the 2-2-8 massacre as the main subject. In 1986, he finished “The Next Stage of the Development of Taiwanese Literature” (台灣文學發展 e 下一個階段) and a Taiwanese short story, “Beautiful Camphor Woods” (美麗 e 樟腦林). Since then, he has always written in Taiwanese via the composite style of Hàn and Roman characters. His works cover poetry, prose, fiction (include 120 short stories,) drama, and essays. His major novel, expressing the society and culture of Siraya tribe, named *Supplement to the Rural History* (鄉史補記), was finished in 2005. (Trans. by J.K.L.)

Ngô, Kéng-jū (吳景裕)、ペンネームは陳雷。台南市麻豆出身、1939年生まれ。台南第一中学、台湾大学医学院卒業。1965年アメリカのミシガン大学病院で実習講師に就任し、その後カナダのトロント大学にて免疫学博士号取得。1971～72年には引き続きイギリスで免疫学の研究を進める。そして1973年カナダで医者となり現在に至る。陳雷には大学時代から既に中国語詩集及び散文集等の作品があり、1965年海外に赴任した後も中国語の詩を創作し続け、少数ではあるが英語の詩や小説も創作する。1982年には中国語で228事件をテーマとした長編小説『百家春』を発表。1986年に『台灣文學發展 e 下一個階段』と短編台湾語小説『美麗 e 樟腦林』を発表。以来全ての作品を漢字とローマ字を用い

て台湾語で描いている。作品は、詩、散文、小説（120作あまりの短編小説を含む）、戯曲や評論等幅広いジャンルにわたる。2005年には台湾シラヤ族の社会歴史長編小説『郷史補記』を完成させる。（勝村亜季 譯）

---

Ngô Cảnh Dụ (Ngô, Kéng-jū) bút danh Trần Lôì, sinh năm 1939, người Ma Đâu, Đài Nam.

Ông học cấp 3 trường Trung học Đài Nam, ông tốt nghiệp chuyên ngành Y của Học viện Y khoa, Đại học Quốc lập Đài Loan. Năm 1965, ông học tập tại Học viện Y khoa, Trường Đại học Michigan, Hoa Kỳ trong vai trò một bác sĩ thực tập. Sau đó, ông tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Miễn dịch học tại trường Đại học Toronto, Canada. Từ năm 1971-1972 ông sống ở Vương quốc Anh và tiếp tục các nghiên cứu về Miễn dịch học. Từ năm 1973 đến nay, ông ở Canada và theo đuổi sự nghiệp bác sĩ.

Thời kì còn học Đại học, Trần Lôì đã có tuyển tập thơ văn và tản văn bằng tiếng Trung. Năm 1965, sau khi xuất ngoại, ông vẫn tiếp tục sáng tác thơ tiếng Trung và một số bài thơ, tiểu thuyết bằng tiếng Anh. Năm 1982, ông đã sáng tác cuốn tiểu thuyết “Bách gia xuân” (百家春) bằng tiếng Trung về chủ đề sự kiện 228. Năm 1986, ông viết tác phẩm “Giai đoạn phát triển tiếp theo của văn học Đài Loan” (台灣文學發展 e 下一個階段) và tập truyện ngắn bằng tiếng Đài “Vẻ đẹp của rừng cây long não” (美麗 e 樟腦林), trong tất cả các sáng tác sau này ông hoàn toàn sử dụng loại chữ kết hợp giữa chữ La-Tinh với chữ Hán. Các tác phẩm của ông bao gồm: thơ, văn xuôi, tiểu thuyết (bao gồm hơn 120 truyện ngắn), kịch ngắn và bình luận v.v... Năm 2005, ông hoàn thành cuốn tiểu thuyết dài “Ghi chép bổ sung về lịch sử làng” (郷史補記) - tác phẩm miêu tả lịch sử xã hội của tộc người Siraya tại Đài Loan. (Đặng Thị Kiều Oanh dịch)

## Ngô, Siok-hôa

Ngô, Siok-hôa (吳淑華) holds a doctorate in Russian language and culture from Saint Petersburg State University. After graduating from the Russian Department at Chinese Culture University, she went to Russia for her master's and doctor's degrees in Russian languages. After she returned to Taiwan, Siok-hôa has been teaching in Kun Shan University of Technology as an assistant professor in the Foreign Language Center.



Professor Ngô specializes in teaching Russian, Second Language teaching, lexicology, dictionary compilation and Chinese-Russian oral and written translation. Her academic research area is in lexicon and idioms. She has also been engaged in language and culture studies for some time. In recent years she has taken up issues involving Taiwanese and Southeast Asian languages and culture. In the area of teaching, Siok-hôa has established Russian classes in and outside of her school, hoping to encourage and nurture young people in southern Taiwan to study Russian. In addition, she also works to promote the Taiwanese language and Taiwanese culture.

Her experience includes nearly two decades of Chinese-Russian oral translation and in recent years, the translation of novels. It is her hope that there will be opportunities to introduce Taiwanese culture and languages to the world and make Taiwanese culture more known and accepted in the world.

(Trans. by V.T.S.)

---

Ngô, Siok-hôa (吳淑華)、文化大学のロシア文学部を卒業した後にロシア留学し、サンクトペテルブルク大学国文科で修士号、博士号を修了する。帰国した現在は崑山科技大学の外国語センターで助理教授を務める。ロシア語、第二外国語、語彙論の指導をする他に、辞書の編纂やロシア語と中国語の通訳、翻訳といった様々な分野で活躍している。学術研究では主に語彙論と成語を研鑽し、長期に渡って言語や文化に関する研究を行っている。近年

は特に台湾や東南アジアの言語・文化に関する問題への取り組みに力を入れている。教育方面では、校外でロシア語の講習を開講し、台湾の中南部でロシア語を勉強する若者を増やすことを目指している。また、同時に台湾語と台湾文化の推進活動も行う。

ロシア語の通訳を二十年経験し、現在は小説等の翻訳も行っている。近い将来、台湾の言語を翻訳する機会を得て、台湾の文化を国際的に広め、より多くの人々に台湾の文化を理解し認めて貰うことが彼女の最大の目標である。(勝村亞季 譯)

---

Ngô Thục Hoa (Ngô; siok-hôa) , tiến sĩ khoa Văn học Nga trường Đại học Tổng hợp Sankt-Peterburg. Tốt nghiệp khoa tiếng Nga trường Đại học Văn hóa; theo học thạc sĩ, tiến sĩ khoa ngôn ngữ Nga tại nước Nga. Sau đó về nước giảng dạy tại trường Đại học Côn Sơn, hiện đang đảm nhiệm chức trợ lý giáo sư tại trung tâm ngoại ngữ của trường.

Chuyên về các phương diện như: giảng dạy tiếng Nga, giảng dạy ngôn ngữ thứ hai, từ vựng học, biên soạn từ điển và phiên dịch nói và viết tiếng Nga. Trên phương diện học thuật, chuyên nghiên cứu về các lĩnh vực như từ vựng và thành ngữ, dành nhiều thời gian cho các nghiên cứu liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa, những năm gần đây cũng nghiên cứu về ngôn ngữ và văn hóa liên quan đến Đài Loan cũng như Đông Nam Á. Trên công tác giảng dạy, tổ chức các lớp học tiếng Nga trong và ngoài trường, với mong muốn có thể đào tạo thêm nhiều lớp trẻ có nguyện vọng học tiếng Nga ở khu vực Trung, Nam Bộ, cũng như đẩy mạnh công tác truyền bá tiếng Đài và văn hóa Đài Loan.

Ngoài kinh nghiệm gần 20 năm trong công tác phiên dịch nói qua lại giữa hai thứ tiếng Trung và tiếng Nga, hiện nay bỏ không ít công sức trong việc phiên dịch các tác phẩm tiểu thuyết, với mong muốn thông qua phiên dịch để quảng bá ngôn ngữ và văn hóa Đài Loan đến với bạn bè thế giới, tạo điều kiện để văn hóa Đài Loan ngày càng được nhiều người biết đến và công nhận. (Lư Bội Thiên dịch)

## Ô; Bîn-siông

Ô; Bîn-siông (胡民祥) was born in Ô;chhù-liâu, Siân-hòa, Tâi-lâm City in 1943. He went to America in 1967 for graduate study, receiving his PhD in Mechanical Engineering, and worked as an engineer (1974–2011) at Westinghouse Electric Company. He resides in Murrysville, western Pennsylvania. In 1979, Ou was the president of the Pittsburgh Chapter of the Taiwanese American Association. He has served as the secretary of the Society for the Study of Taiwan Literature in North America (1986–1988), and was a member of the editorial board of the Taiwan Literature Magazine (1990–93) and the editor-in-chief of the Taiwanese Culture column and Literature Garden page on Taiwan Tribune (1998–2002). From 1984 to 1992, he arranged the North America speaking tour for ten-plus Taiwanese writers.



He serves on the board of directors of Professor Chen Wen-Chen's Memorial Foundation, and is a member of Taiwanese Literature Battlefield. He has been participating in the liberation movement of Taiwanese Nation, and devoting in it from the aspects of literature, studying Taiwan Literature history, and recognizing that the Taiwanese language and writing is one of the necessary elements of the Taiwanese Nation State, thus actively engaging in the writing of Taiwanese Literature. North America where he has resided for decades is now his hometown, from which perspective he has written on the various life aspects of Taiwanese Americans regarding their homesickness, wandering and final settlement, and has published a dozen books of essays, poetry, novels and critiques. (Trans. by B.O.)

---

Ô; Bîn-siông (胡民祥) 台南善化胡厝寮出身、1943 年生まれ。1967 年アメリカに留学。機械工学博士号を取得し、1974 年から 2011 年までウェスティングハウス・エレクトリックでエンジニアとして勤め、ペンシルベニア州の西側マリズビルに定住する。1979 年度ピッツバーグ台湾同郷会会長、北米台湾文学研究会、1986～88 年秘書といった経歴を経て『台湾文藝』1990～93 年の編集委員を担当し、『台湾公論報』の【台湾文化専刊】及び【文學園】(1998～



2002) を委員の中心となって編集し、十名ほどの台湾作家を北米に招き交流する。現在は「陳文成教授紀年基金会」理事、「台文戦線」社員である。文学という面から台湾民族解放運動に参加し、台湾文学史を研究し、台湾語を知る。それは台湾という一つの民族国家として必須項目であり、その後台湾語文学を執筆する一員となる。北米を故郷とし、台湾とアメリカの思想の記録しながら放浪生活を送る。散文、詩、小説、評論等の著書を発表。（勝村亜季 譯）

---

Hồ Dân Tường (Ô, Bîn-siông), sinh năm 1943, người Hồ Thác Liêu, Thiện Hóa, Đài Nam. Năm 1967, ông đi Mỹ học tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Cơ khí. Từ năm 1974-2011, ông là kỹ sư công ty Westinghouse. Ông định cư tại Pennsylvania, Bắc Mỹ. Ông là Hội trưởng Hội đồng hương Đài Loan tại Pittsburgh vào năm 1979. Từ năm 1986-1988, ông là thư ký Hội Nghiên cứu Văn học Đài Loan tại Bắc Mỹ. Từ năm 1990-1993, ông đảm nhận vị trí Ủy viên Ban biên tập tạp chí “Văn nghệ Đài Loan” (台灣文藝). Từ năm 1998-2002, Tổng biên tập chuyên mục “Văn hóa Đài Loan” (台灣文化專刊) và “Vườn Văn học” (文學園) trong tạp chí “Đài Loan công luận báo” (台灣公論報), ông lần lượt đưa hơn mười tác gia Đài Loan đến Bắc Mỹ giao lưu.

Hiện nay, ông là Ủy viên Ban chấp hành Quỹ tưởng niệm Giáo sư Trần Văn Thành, hội viên “Đài Văn chiến tuyến” (台文戰線). Ông nhiệt huyết tham gia phong trào giải phóng dân tộc Đài Loan bằng quan điểm văn học, đi vào nghiên cứu, thảo luận về vấn đề lịch sử văn học Đài Loan, ông nhận ra rằng ngữ văn tiếng Đài là một trong những yếu tố tất yếu của một quốc gia do dân tộc Đài Loan làm chủ. Ông chuyển sang sáng tác các tác phẩm văn học tiếng Đài như: “Quê tôi Bắc Mỹ” (北美居久是我鄉), đây là những ký sự về nỗi nhớ quê hương của những người con Đài Loan ở Mỹ, về cuộc sống trôi dạt tha phương cầu thực của họ. Ông đã xuất bản hơn mười cuốn sách với nhiều thể loại như: văn xuôi, thơ, tiểu thuyết, và các bình luận v.v. (Đặng Thị Kiều Oanh dịch)



## Ô; Goân-hiáp

Ô; Goân-hiáp (胡元洽) was born on the 10th of December, 1950, in Éng-chēng Town, Chiang-hòa. He graduated from high school and finished the Japanese program at Fu Jen University. He has been a host of “Live Together, Folks”, (鄉親來鬥陣) a radio program; an assistant in the office of the former legislator Ng Chú-bûn, and the secretary-general of Chiang-hoa Folks’ Association. He has written and edited, *Precious Booklet of Folksy Proverbs in Taiwanese* (台灣母語民間諺語寶典), *It Sounds Very Good in Taiwanese* (台灣話真好聽), and *Frequently Used Expressions in Taiwanese* (台語捷用詞彙集). (Trans. by J.K.L.)



Ô; Goân-hiáp (胡元洽)、1950年12月10日出生。彰化永靖出身。中等學校、輔仁大學日本語學科卒業。過去に「鄉親來鬥陣」番組司会、立法委員黃主文国会秘書、資深青商会會長及び彰化県同郷会秘書長を担当する。作品は『台灣母語民間諺語寶典』、『台灣話真好聽』、『台語捷用詞彙集』がある。(勝村亞季 譯)

Hồ Nguyễn Hợp (Ô; Goân-hiáp), sinh ngày 10 tháng 12 năm 1950, người Vĩnh Tĩnh, Chương Hóa. Ông tốt nghiệp lớp chuyên tu tiếng Nhật trường Phụ Nhân (Fu Jen Catholic). Ông từng đảm nhận vị trí người dẫn chương trình “Gặp gỡ đồng hương”; Trợ lý cho Ủy viên Ban Lập pháp Hoàng Chủ Văn; Hội trưởng Hội Doanh nhân trẻ và Trưởng ban Thư ký Hội đồng hương Chương Hóa. Các sáng tác của ông bao gồm: “Bộ sưu tầm quý giá về ngôn ngữ dân gian tiếng mẹ đẻ Đài Loan” (台灣母語民間諺語寶典), “Tiếng Đài nghe thật hay” (台灣話真好聽), “Tuyển tập từ ngữ thường dùng trong tiếng Đài” (台語捷用詞彙集). (Đặng Thị Kiều Oanh dịch)

## Ông, Cheng-bûn

Ông, Cheng-bûn (王貞文)(1965-2017) was a reverend of the Presbyterian Church in Taiwan. She studied Contextual Mission Church History in Germany, and was an assistant professor at Tainan Theological College and Seminary until her recent passing. She started writing in Taiwanese in 1994, and her prolific works covered poetry, prose, fiction and translations from German. She won the Ông Sè-hun Literature Award for New Writers, K's Youth Humane Award, The Whale Literature Award (the first place in Poetry and Novel), and the A-khioh-siú<sup>n</sup> Award.



In 2006 she published a collection of Taiwanese short stories, *Angel* (天使). She has also written books and prose in Chinese, including *Kôe-hiòh-á Tree at Seaside* (海邊的棵葉樹, 1992), *Notes on Seeking the Way* (求道手記, 1996), *Back and Forth on the Bridge* (橋上來回, 1998), and *Christ in a Beech Tree* (櫻樹裡的基督, 2005). *When the First Ray Broketh through the Night* (當第一道光突破暗夜) published in 2005, combines a novel and travelogues. She has also written non-literary works, "Accusations and Remembrance: Reflection on the 2-2-8" (控訴與紀念——二二八的省思) in 1998, and *River of Faith—Tracing the Origins of European Religions* (信仰的長河——歐洲宗教溯源) in 2002. (Trans. by J.K.L.)

Ông, Cheng-bûn (王貞文)、台湾基督長老教会牧師、ドイツに留学して教会歴史を専攻し、現在は台南神学院にて講師を勤める。1994年に台湾語で本を書き始め、作品は詩、散文、小説や訳書等。王世勛小説新人賞、K氏青年人文賞、海翁文学賞(詩と小説の二つは最優秀賞)、阿却賞を受賞。台湾語小説集：『天使』(台南：人光)。中国語の散文集：『海邊的棵葉樹』(台北：雅歌1992)、『求道手記』(台北：雅歌1996)、『橋上來回』(台南：人光1998)、『櫻樹裡的基督』(台北：雅歌2005)。小説、遊記：『当第一道光突破暗夜』(台北：雅歌2005)。文学以外の作品では、『控訴與紀念——二二八的省思』(台北：二二八紀念館1998)、『信仰的長河——歐洲宗教溯源』(台北：三民2002)がある。(勝村亜季譯)

Vương Trinh Văn (Ông, Cheng-bùn), là mục sư Giáo hội Tin Lành Đài Loan, du học tại Đức chuyên nghiên cứu về lịch sử Giáo hội, hiện đang giảng dạy tại Học viện Thần học Đài Nam. Năm 1994 bà bắt đầu sử dụng tiếng Đài để sáng tác, tác phẩm của bà bao gồm: thơ, văn xuôi, tiểu thuyết và sách biên dịch. Bà đã từng nhận được Giải Gương mặt mới trong Giải thưởng tiểu thuyết Vương Thế Huân; Giải thưởng Thanh niên Nhân văn K Thị; Giải thưởng Văn học Hải Ông (giải Nhất về thơ và tiểu thuyết) và Giải thưởng Văn học A Khước. Xuất bản tập tiểu thuyết tiếng Đài: “Thiên sứ” (天使) (Đài Nam: Nhân Quang 2006). Các tác phẩm viết bằng tiếng Trung bao gồm tuyển tập văn xuôi: “Cây Tra làm chiếu bên bờ biển” (海邊的稜葉樹) (Đài Bắc: Nhã Ca 1992); “Bản ghi chép cầu đạo” (求道手記) (Đài Bắc: Nhã Ca 1996); “Qua lại trên cầu” (橋上來回) (Đài Nam: Nhân Quang 1998); “Đạo Tin lành trên thân cây cừ” (樺樹裡的基督) (Đài Bắc: Nhã Ca 2005). Tiểu thuyết và bút ký: “Khi ánh sáng đầu tiên xua tan màn đêm tối” (當第一道光突破暗夜) (Đài Bắc: Nhã ca 2005). Các bài viết: “Lên án và hoài niệm – Suy nghĩ về 228” (控訴與紀念——二二八的省思) (Đài Bắc: Bảo tàng sự kiện 228 1998); “Dòng sông Tín ngưỡng – Tìm về cội nguồn tôn giáo châu Âu” (信仰的長河——歐洲宗教溯原) (Đài Bắc: Tam Dân 2002). (Đặng Thị Kiều Oanh dịch)

## Ông, Gē-bêng

Ông, Gē-bêng (王藝明) is the director of Ong Gek Beng Puppet Theater from its founding until now. The goal of the theater company is to promote traditional Taiwanese puppet theater through innovative telling of local stories using puppetry. Having performed a variety of innovative plays for decades, the company hopes to pass down the heritage of traditional Taiwanese puppet theater to the next generation. Therefore, while the company wants to retain certain traditional folk elements, it also creates new puppet characters, costumes and stories. It always strives to be creative and innovative in its efforts so an old traditional culture may have new life and attract a new audience.



From the age of 16, Mr. Ong started learning about Puppet Theater, from handling the movements of the puppets, supplying background music, making props to telling the introductory soliloquy. So he became quite familiar with all aspects of the traditional puppet theater. At 26, he started his own theater company in order to nurture a new generation of audience. He has been invited to many schools to show and demonstrate puppetry, drawing much attention and interest. The theater company has been awarded a variety of cultural awards, such as NanYing Art Award for Outstanding Arts Group, Official Tainan City Traditional Art Puppet Show, 2014 Outstanding Performance Group, and other honors.

Works (All new): 2010, Legends of Taiwanese Heros – Battle at Siraya (台灣英雄傳之決戰西拉雅). 2012, The Legend of the Spider Monster at Toa-Bak-kang (present day Sin-hoa) (大目降十八嬖傳奇). 2013, Legends of Taiwanese Heros—Battle at Ta-Pa-Ni (台灣英雄傳之決戰礁吧岬). 2014, Legends of Taiwanese Heros—The Story of the Robber Hero (台灣英雄傳之義俠傳奇). 2015, Legends of Taiwanese Heros – Boys of the Island (台灣英雄傳之海島男兒). (Trans. by V.T.S)

Ông, Gē-bêng (王藝明) は「王芸明掌中劇団」の団長で、1980年に結団して以来、「創新」かつ「現地の物語」である舞台を創り、台湾の伝統的な布袋劇を推進している。長期に渡ってあらゆるジャンルの新しい演劇を創作することを推進し、台湾伝統布袋劇を受け継いでいくことを望んでいる。そして、この

団は伝統民俗文化の理念を継承しながら、時代の流れに沿った新しい台本を創作しつつ、団員や衣装道具まで創意工夫をし、実社会の行動を演出することにより劇場が台湾本土の風情で満ち溢れ、「台湾の象徴」である布袋劇が更に発展することを理想としている。

王芸明は今年で62歳になるが、16歳の時から前場の人形操作、後場の楽団が演奏する音楽、出場詩の念白と口白、及び道具等、全ての演出動作に熟練できるまでには十年もの研究歴を要した。26歳の時には自分の布袋劇団を結団し、若年層の関心を得るために、学校訪問の要請を受け付ける以外にも、毎年自主的に学校の巡回公演の申請をする。「文化資産傳統表演藝術保存團體」、「臺南市市定傳統藝術布袋戲」、「南瀛藝術獎－傑出團隊」、「南瀛文化藝術貢獻獎」、「2013年蕭壠國際藝術村進駐藝術家」、「2014年傑出演藝團隊」、「2015年傑出演藝團隊」の称号を獲得する。創作経歴：2010年創作新演劇「台灣英雄傳之決戰西拉雅」、2012年創作新演劇「大目降十八嬈傳奇」、2013年創作新演劇「台灣英雄傳之決戰礁吧咩」、2014年創作新演劇「台灣英雄傳之義俠傳奇」、2015年創作新演劇「台灣英雄傳之海島男兒」。

(勝村亜季 譯)

Vương Nghệ Minh (Ông, Gē-bēng), Đoàn trưởng đoàn kịch rối Vương Nghệ Minh, đoàn được thành lập từ năm 1980 và hoạt động từ đó cho đến nay, lấy tiêu chí “đổi mới” và biểu diễn “những chuyện quanh ta” làm phương châm, đoàn đã phát triển nghệ thuật múa rối truyền thống Đài Loan. Đoàn kiên trì cho ra đời nhiều tiết mục sáng tạo, với hy vọng nghệ thuật múa rối truyền thống của Đài Loan sẽ được bảo tồn từ đời này sang đời khác, do đó đoàn một mặt bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa phong tục dân gian truyền thống, mặt khác để đáp ứng được trào lưu thời đại, sáng tạo ra các kịch bản mới, vai diễn mới và trang phục đạo cụ mới. Đoàn không ngừng tăng cường đầu tư, diễn xuất được “đổi mới” sao cho phù hợp với thực tế, hi vọng có thể truyền tải được đầy đủ sắc màu văn hóa truyền thống bản địa Đài Loan, cũng là đại diện cho “hình ảnh Đài Loan” tiến bước trên con đường rộng mở.

Vương Nghệ Minh năm nay 62 tuổi, năm 16 tuổi ông bắt đầu đi theo đoàn kịch để học các kỹ năng biểu diễn trên sân khấu, cũng như về âm nhạc, về dẫn chuyện và nói lời thoại ở hậu trường, ông cũng học nhiều về các loại đạo cụ. Ông hiểu phương thức mà đoàn rối hoạt động. Ông đã trải qua 10 năm nghiên cứu và trau dồi kiến thức về nghệ thuật múa rối. Năm 26 tuổi ông tự đứng ra thành lập đoàn kịch múa rối của riêng mình, với mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng cho những khán giả trẻ tuổi về nghệ thuật múa rối truyền thống Đài Loan, bên cạnh việc nhận lời mời đến diễn thuyết tại các trường, hàng năm ông đều tự xin tiến hành các tour biểu diễn tại khuôn viên của các trường. Đoàn kịch của ông đã nhận được nhiều giải thưởng như: “Tổ chức bảo tồn tài sản văn hóa nghệ thuật biểu diễn truyền thống”; “Đoàn múa rối nghệ thuật truyền thống thành phố Đài Nam”; “Đội xuất sắc - Giải thưởng nghệ thuật Nam Doanh”; “Giải thưởng vì sự nghiệp Văn hóa Nghệ thuật Nam Doanh”; “Nghệ nhân chuyên biểu diễn tại Làng nghệ thuật Quốc tế Tiêu Long năm 2013”; “Đoàn biểu diễn nghệ thuật xuất sắc năm 2014”; “Đoàn biểu diễn nghệ thuật xuất sắc năm 2015”.

Các sáng tác, bao gồm: Năm 2010 sáng tác vở mới “Đài Loan anh hùng truyện - Quyết chiến Siraya” (台灣英雄傳之決戰西拉雅). Năm 2012 sáng tác vở mới “Đại Mục Giáng 18 loạn truyện kỳ” (大目降十八嬖傳奇). Năm 2013 sáng tác vở mới “Đài Loan anh hùng truyện - Quyết chiến Tapani (Ngọc Tĩnh) (台灣英雄傳之決戰瞧吧咩). Năm 2014 sáng tác vở mới “Đài Loan anh hùng truyện - Kiếm sĩ truyện kỳ” (台灣英雄傳之義俠傳奇). Năm 2015 sáng tác vở mới “Đài Loan anh hùng truyện - Nam nhi hải đảo” (台灣英雄傳之海島男兒). (Đặng Thị Kiều Oanh dịch)

## Ông, Khek-hiông

Ông, Khek-hiông (王克雄) was born in 1944, the oldest son of Ông, iók-lîm, the Taiwanese prosecutor put to death by the KMT during the February 28 holocaust in 1948. He has been active in the Taiwanese-American community in the U.S., having served as a board member and the founder of Taiwan Institute, the president of the Alumni Association of Tainan First Boy's School and chair of scholarship fund; CEO of Metro Properties, Inc.; president of Friends of A-Bian for President Association and Friends of Tsai Association, San Diego; president of FAPA(Formosan Association for Public Affairs), San Diego Chapter, and the founding chair of Taiwan Chamber of Commerce, San Diego. He is currently the chair of the board of Taiwanese-American Foundation in San Diego.(Trans. by V. T. S.)



Ông, Khek-hiông (王克雄)、1944 年生まれ。過去に 228 事件で政治的な被害を受けた王育霖検察官の長男。アメリカ台湾研究院の創始者であり、董事も務めた。その他に南カリフォルニア南一中学の校友会会長及び奨学金の主幹事、大都会地産会社董事長、僑務委員、陳水扁後援会サンディエゴ支部会長、陳水扁友の会アメリカ支部副団長、蔡英文後援会サンディエゴ支部会長、台湾人公共事務会サンディエゴ支部会長、サンディエゴ台湾商会創会会長といった経歴がある。現在はサンディエゴ台米基金会董事長を務める。(勝村亞季 譯)

Vương Khắc Hùng (Ông, Khek-hiông) sinh năm 1944, là con trai cả của công tố viên Vương Dục Lâm, một nạn nhân của sự kiện chính trị 228. Ông Vương Khắc Hùng đã từng là người khởi xướng và giám đốc phụ trách Viện nghiên cứu Đài Loan ở Mỹ, hội trưởng Hội cựu sinh viên trường Trung học phổ thông đệ nhất Nam California và là người triệu tập học bổng của Hội cựu sinh viên của trường, đồng

thời ông cũng là Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty bất động sản đô thị, ủy viên ban Kiêu vụ, Hội trưởng tổ chức những người ở San Diego ủng hộ Trần Thủy Biển trong cuộc tranh cử tổng thống, phó trưởng đoàn hội thân hữu Trần Thủy Biển ở Mỹ, Hội trưởng tổ chức những người ở San Diego ủng hộ Thái Anh Văn; ngoài ra ông còn là Hội trưởng phân hội Formosan về các vấn đề quản trị công cộng ở San Diego, Hội trưởng sáng lập thương hội Đài Loan ở San Diego. Hiện nay ông đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch hội đồng quản trị quỹ Đài Loan-Mỹ ở San Diego. (Thái thị Thanh Thủy dịch)



## Si, Chùn-chiu

Mahohshuki Ianbupo, the pen name of Si, Chùn-chiu (施俊州), was born in Tiong-chng, Hoe-tôa<sup>n</sup> Township, Chiang-hòa. He got his Master of Fine Arts from the Division of Creative Writing of the Department of Chinese Literature at the National Dong Hwa University, then his PhD in Art from the National Cheng Kung University. He won the 21st, 22nd, 23rd Phoenix Tree Awards, the 1st, 2nd, 4th, 5th, 14th, and 15th Hú-siâ<sup>n</sup> Literature Awards, and the Hōng-ék Tá-káu and Tâi-lâm Literature Awards in 2011. He also received the 2005 Thesis Grant of Lí Kang Khioh Taiwanese Literature Study, the Grant of National Museum of Taiwan Literature Grant and the T<sup>n</sup> Hok-tiân Foundation Grant in 2010.



His works include poetry, books and novels: *Epistolary Writing in Tâi-Lâm* (寫在台南的書信體) in 1999, *Amour Parts* (愛情部品), a novel, for his MFA in 2003, the dissertation for his Ph.D., *Symbolic Power via Linguistic Institutions: “A Study of Pre-movement Relations between Taiwanese Literature and Chinese Literature in Postwar Taiwan”* (語言、體制、象徵暴力；戰後台語文學 kap 華語文學關係研究) in 2010, and “Nest Genre: Introduction to Taiwanese Literature” (巢窟文類：台語文學導論) in 2012. (Trans. by J.K.L.)

Si, Chùn-chiu (施俊州)、筆名は Mahohshuki Ianbupo。1969 年彰化県花壇郷中庄出身。東華大学創作芸術研究所修士、成功大学文学博士。第 21-23 回鳳凰樹文学賞、第 1-2、4-5、14-15 回府城文学賞、第 12 回連合文学小説新人賞、2000 年優秀青年詩人賞、第 4 回砵溪文学賞、2011 年鳳邑打狗文学賞、2011 年台南文学賞、2005 年李江却台語文学研究論文賞、2007 年台湾文学館、2010 年鄭福田文教基金会博士論文賞受賞。著書は以下の通り。詩集：『寫在台南的書信體』（1999）、長編『愛情部品』（2003 MFA）、『語言、體制、象徵暴力：戰後台語文學 kap 華語文學關係研究』（2010 PHD）、『巢窟文類：台語文學導論』（2012）。（勝村亜季 譯）

Thi Tuấn Châu (Si, Chùn-chiu), bút danh Mahohsuki Ianbupo. Ông sinh năm 1969, người làng Hoa Đàn, Chương Hóa. Thạc sĩ Nghệ thuật Khoa Sáng tác, Đại học Đông Hoa, tiến sĩ Văn học, Đại học Thành Công. Đạt Giải thưởng Văn học Cây Phượng Vĩ lần thứ 21-23; Giải thưởng Văn học Phủ Thành lần 1-2, 4-5, 14-15; Giải Gương mặt mới trong Giải thưởng văn học tiểu thuyết Liên Hợp lần thứ 12; Giải thưởng Nhà thơ Trẻ ưu tú năm 2000; Giải thưởng Văn học Hoàng Khê lần thứ 4; Giải thưởng Văn học Phượng Ấp Đả Cầu năm 2011; Giải thưởng Văn học Đài Nam; Ông nhận được tài trợ cho luận văn nghiên cứu Ngữ văn Đài Lý Giang Khước năm 2005; Nhận được tài trợ cho luận văn tiến sĩ của Bảo tàng Văn học Đài Loan năm 2007 và Quỹ giáo dục Trịnh Phúc Điền năm 2010. Các ấn phẩm của ông, bao gồm: tập thơ “Thẻ thư tín viết tại Đài Nam” (寫在台南的書信體)(1999); Truyện dài kỳ “Linh kiện ái tình” (愛情部品) (2003 MFA); “Ngôn ngữ, thể chế, tượng trưng bạo lực: nghiên cứu về mối quan hệ giữa văn học tiếng Hoa và văn học tiếng Đài thời kỳ hậu chiến” (語言、體制、象徵暴力：戰後台語文學 kap 華語文學關係研究) (2010 PhD); “Sào Quật Văn Loại: dẫn luận văn học tiếng Đài” (巢窟文類：台語文學導論) (2012). (Đặng Thị Kiều Oanh dịch)

## Si, Péng-hôa

Si, Péng-hôa (施炳華) was born in 1946. He graduated from Ka-gī Teacher's College and then the Department of Chinese at National Cheng Kung University. He received his Master of Arts from the Institute of Chinese Literature in National Chengchi University. He is a professor emeritus of the faculty of the Department of Chinese Literature at National Cheng Kung University.

Si was the 2nd chairman of the board of the Koa<sup>n</sup>-bâng-hoe Taiwanese Association in Tainan, and now the chairman of the board of The Association of Taiwan Koa-á-chheh, and the chief editor of *Tâi-kang Taiwanese Literature* (臺江臺語文學), a journal.

Si has been engaged in promoting Taiwanese, Nâm-kóan (a traditional instrument), and Liām-koa. Eliciting cooperation from official institutions and/or non-government groups for some twenty years, he has opened dozens of classes for Taiwanese Studies in Tainan and nearby towns and counties. He is also the professional advisor for textbooks published by the Nan-I Bookstore. His specialities are Si-keng, Taiwanese, Taiwanese Literature, Nâm-kóan, and Koa-á-chheh studies. (Trans. by J.K.L.)



Si, Péng-hôa (施炳華) 1946 年生まれ。嘉義師範、成功大学中国文学部、政治大学中国文学研究所卒業。国立成功大学中国文学部教授退職。過去に台南市菅芒花台語文学会二代目理事長、『臺江臺語文學』編集長を務める。現在は台湾歌仔冊学会理事長。20 年以上台湾語、南管、唸歌を研究、推奨し、政府機関や民間団体と協力し、台南市やその近隣の市で台湾語塾を数十カ所開いている。南一郷土語教材編集指導教授。専門：詩經、台湾語、台湾語文学、南管、歌仔冊。(勝村亜季 譯)

-----

Thi Bính Hoa (Si, Péng-hôa), sinh năm 1946. Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Gia Nghĩa, Khoa Văn học Trung Quốc, Đại học Thành Công, Viện nghiên cứu Văn học Trung Quốc, Đại học Chính Trị. Nguyên Giáo sư khoa Văn học Trung Quốc, Đại học Quốc lập Thành Công. Ông đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội văn học tiếng Đài Hoa lau thành phố Đài Nam nhiệm kỳ 2; Tổng biên tập “Ngữ Văn Đài Đài Giang” (臺江臺語文學); Hiện là Chủ tịch Hội Sách Ca Tử Đài Loan (歌仔冊). Hơn 20 năm qua, ông nghiên cứu, phát triển tiếng Đài, âm nhạc Nam Quản (南管), hát nói. Ông hợp tác với Cơ quan Chính phủ, các đoàn thể dân gian tại thành phố Đài Nam, các huyện, thành phố lân cận để mở hàng chục lớp học tập, nghiên cứu tiếng Đài. Ông cũng là Giáo sư hướng dẫn biên tập Giáo trình ngôn ngữ bản địa của Hiệu sách Nam Nhất.

Chuyên nghiên cứu: Kinh Thi, tiếng Đài, Văn học tiếng Đài, Nam Quản, Sách Ca Tử. (Đặng Thị Kiều Oanh dịch)

## So', Siōng-kî

So', Siōng-kî (蘇頌淇) was born in the town of Iâm-tiâ<sup>n</sup> in Tâi-lâm in 1977. She got her BA from the Department of Taiwanese Literature at Aletheia University, and her Master of Arts from the Literary Creation Group of the Institute of Creative Writing and English Literature in National Dung Hwa University. So' was one of the editors of *Hái-ang Taiwanese Teaching Quarterly* (海翁台語文教育季刊).

So's short stories had been selected for a book of collections, *The Parking lot of Gods* (眾神的停車位) by the Vistaread Publishing Co. in 2002, and her novel, *Sister* (阿姐), was published by Tainan Public Libraries in 2009. Currently she teaches at Nan Ying Vocational High School, and also serves as the graphics editor of the newsletter for volunteers at Tâi-Lâm Culture Center. (Trans. by J.K.L.)



So', Siōng-kî (蘇頌淇) 1977 年台南市塩埕で生まれる。真理大学台湾文学科卒業。東華大学創作英語文学研究所文学創作部芸術修士。過去に『海翁台語文教育季刊』の編集長を務める。現在は南英商工の教師を務めながら、台南市文化センターのボランティア通訳(通信)『文化義世代』のイラスト、レイアウト編集をし、組版と美術の仕事も担当する。専門文学：小説を専門とし、趣味は影絵芝居。小説作品入選：遠景版『眾神的停車位』(2002)、2008 年教育部母国語文学賞。著作：中国語長編小説『阿姐』(台南市立図書館、2009 年 12 月)。(勝村亜季 譯)

Tô Tụng Kì (So', Siōng-kî) sinh năm 1977 tại Diêm Trình, Thành phố Đài Nam. Bà tốt nghiệp Khoa Văn học Đài Loan, Đại học Chân Lý; Thạc sĩ Nghệ thuật chuyên ngành Sáng tác Văn học thuộc Viện Sáng tác và Văn học Anh, Đại học Đông Hoa. Bà từng đảm nhiệm vị trí Chủ biên của Tạp chí quý Văn hóa Giáo dục Đài ngữ Hải Ông. Hiện nay, bà là giáo viên bán thời gian trường Thương mại và

Công nghiệp Nam Anh, đồng thời là Biên tập Mỹ thuật tạp chí “Thời đại nghĩa Văn hóa” của Trung tâm Văn hóa Thành phố Đài Nam, phụ trách công việc biên tập và thiết kế mỹ thuật. Sở trường văn học của bà: ngoài tiểu thuyết ra, vẫn chỉ có tiểu thuyết. Bên cạnh đó, làm phim viết kịch chỉ là những nổi hứng thú nghệ thuật của bà. Tác phẩm tiểu thuyết “Chỗ đỗ xe của chúng thần” (眾神的停車位) (2002) năm 2008, được nhận giải thưởng Văn học tiếng mẹ đẻ của Bộ Giáo dục Đào tạo. Ấn phẩm: Truyện dài kỳ viết bằng tiếng Hoa “Chị gái” (阿姐) (Thư viện thành phố Đài Nam 2009.12).(Đặng Thị Kiều Oanh dịch)

## Tân, Bêng-jîn

Asia Jilimpo is a pen name of Tân, Bêng-jîn (陳明仁), who was born in Goân-táu-lí, Tek-ûi-á-chng, Jī-lím Town in Chiang-hòa. He was one of the first Taiwanese writers to use the writing style of composite Hàn and Roman characters, and a pioneer grass-roots organizer of the Taiwanese Writing Movement.

He was a member of the commission of Information Bureau of the Executive Yuan, and a supervisory member of the Hakka Affairs Council. Currently, he holds a number of posts: as the Chairperson of Taiwanese Pen (2015~2017), the Chairman of the executive committee of Taiwan Whale Taiwanese Education Association, managing director of the Association of LKKs for Taiwanese Education, publisher for *Taiwanese Writing News Bong-Po* (台文通訊罔報), lecturer at Lin Rung San Foundation for Culture and Social Welfare, and the chief editor of *Taiwanese Education News* (台語教育報).



His works include many poetry selections and short stories, notably *Search for a Wandering Taiwan* (走找流浪的台灣), *Notes of A Rover* (流浪記事), *Tân Bêng-jîn's Taiwanese Odes* (陳明仁台語歌詩), *Fallow Stories* (A-Chhûn, Pha 荒 ê 故事), *Crickets under Roadside Trees* (路樹下 ê tō-peh-á) and *Tân Bêng-jîn's Selected Taiwanese Works* (陳明仁台語文學選), an anthology etc. (Trans. by J.K.L.)

Tân, Bêng-jîn (陳明仁) Asia jilimpo は彼のペンネームの一つである。1954年生まれ、彰化二林原斗里竹竹園仔庄出身。台湾語文学を漢字とローマ字で描き始めた作家で、台湾語文学運動を先駆けた存在である。経歴：行政院新聞局審議委員、行政院客家委員会諮詢委員。現任：台湾語ペンクラブ理事長、台湾海翁台語文教育協会理事長、李江却台語文教基金会常務代表取締役、『台文通訊罔報』雑誌社社長、林榮三文化公益基金会台湾語文学講師、『台語教育報』編集長。著書：『走找流浪的台灣』、『流浪記事』、『陳明仁台語歌詩』、『A-chhûn』、『Pha 荒 ê 故事』、『陳明仁台語文學選』、『路樹下 ê tō-peh-á』等。(勝村亜季 譯)

---

Trần Minh Nhân (Tân, Bêng-jîn), bút danh Asia Jilimpo. Ông sinh năm 1954, người làng Trúc Vi Tử, Nguyên Đầu, Nhị Lâm, Chương Hóa.

Ông là thế hệ nhà văn đi đầu trong phong trào sáng tác văn học Đài Loan bằng chữ Hán - Latinh, ông cũng là chiến sĩ nông cốt tiên phong trong cuộc vận động ngữ văn Đài. Ông từng đảm nhiệm vị trí: Ủy viên Kiểm tra và Phê duyệt Sở Thông tin Viện Hành chính; Ủy viên Tư vấn Ủy ban Khách Gia (Hakka) Viện hành chính. Hiện nay ông đảm nhiệm vị trí: Chủ tịch Hội Bút Đài Loan (Taiwanese Pen); Chủ tịch Hiệp hội Giáo dục Ngữ Văn Đài Hải Ông; Thành viên thường vụ Hội đồng Quản trị Quỹ Giáo dục Ngữ văn Lí Giang Khước; Giám đốc Tạp chí Báo Bong Thông tấn xã văn học Đài Loan; Giảng viên Văn học tiếng Đài Quỹ Công ích Văn hóa Lâm Vinh Tam; Tổng biên tập Báo Giáo dục tiếng Đài. Các tác phẩm của ông đã xuất bản, bao gồm: “Đi tìm Đài Loan lưu lạc”( 走找流浪的台灣 ); “Lưu lạc ký sự”( 流浪記事 ); “Thơ ca tiếng Đài Trần Minh Nhân”( 陳明仁台語歌詩 ), “A Tồn”(A-chhûn), “Những câu chuyện khai hoang”(Pha 荒 ê 故事 ); “Tập văn học Đài ngữ Trần Minh Nhân”( 陳明仁台語文學選 ); “Con dế dưới cây bên đường”( 路樹下 ê tō-peh-á), v.v. ( Đặng Thị Kiều Oanh dịch)



## Tân, Bō-chin

Tân, Bō-chin (陳慕真) was born on 5th Dec. 1980 in Pîn-tong. She received her Master of Arts from the Institute of Taiwanese Literature at National Cheng Kung University. Then she attained her PhD in the Department of Taiwanese Culture, Language and Literature at National Taiwan Normal University. She was one of the executive editors of *Hâi-ang Taiwanese Teaching Quarterly* (海翁台語文教學季刊) and the co-editor of the special columns of the Taiwanese and Hakfa Literature in the newsletter of the National Museum of Taiwan Literature.



Her works include her the thesis, “Views on Civilization in Romanized Taiwanese Literature--Centering on Taiwan Prefectural City Church News” (漢字之外：台灣府城教會報 kap 台語白話字文獻中 ê 文明觀) and poems selected in *2009 Poets Walking--Annual Collection of Taiwanese Poets* (2009 詩行——年度台語詩人大會集) and in *Streams, Lands, and Love Affairs--Annual Selected Works of 2009 Taiwanese Literature* (流、土地、戀：2009 台語文學選) (Trans. by J.K.L.)

Tân, Bō-chin (陳慕真)、1980 年 12 月 5 日屏東生まれ。成功大学台湾文学研究所卒業、台湾師範大学台湾文学研究所博士取得、現在は国立台湾文学館のアシスタント研究員務めている。過去に『海翁台語文教學季刊』編集長、『台湾文學館通訊』の「台語文學專欄」、「客語文學專欄」の編集を担当する。著書は『漢字之外：《台灣府城教會報》kap 台語白話字文獻中 ê 文明觀』(2007)、入選作品は『2009 詩行—年度台語詩人大會集』、『流・土地・戀：2009 台語文學選』がある。(勝村亜季 譯)

Trần Mộ Chân (Tân, Bō-chin), sinh ngày 5/12/1980, người Bình Đông, thạc sĩ Khoa Văn học Đài Loan, Đại học Thành Công và tiến sĩ Khoa Văn học Đài Loan, Đại học Sư phạm Đài Loan, đồng thời là nghiên cứu viên của Bảo tàng Văn học Quốc gia Đài Loan. Những vị trí từng đảm nhiệm: Biên tập viên “Tập thơ Hai-ang - Quý San Giảng dạy Văn học tiếng Đài Loan” (海翁台語文教學季刊),

biên tập “Chuyên mục Văn học tiếng Đài”, “Chuyên mục Văn học tiếng Khách Gia” trong Thông tấn Bảo tàng Văn học Quốc gia Đài Loan (台灣文學館通訊). Các tác phẩm của cô gồm có “Ngoài Hán tự: Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo và Quan điểm về văn minh trong tài liệu chữ La-tinh tiếng Đài” (漢字之外: 《台灣府城教會報》kap 台語白話字文獻中 ê 文明觀) (2007); Tuyển tập “Hội nhà thơ tiếng Đài năm 2009 – Thơ hành” (2009 詩行 – 年度台語詩人大會集), “Tuyển tập văn học tiếng Đài năm 2009: Dòng chảy. Đất nước. Tình yêu” (流 · 土地 · 戀 : 2009 台語文學選). (Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)

## Tân, Chèng-hiông

Tân, Chèng-hiông (陳正雄) was born in 1962 at Liú-iâ<sup>a</sup> Township in Tâi-Lâm. He lives in the An-Pêng District of Tâi-lâm. He retired from being an instructor at the National Tainan First Senior High School, and is now a member of the council of Taiwanese Pen.

Tân's poetry works include *Homeland's Song* (故鄉的歌), *Silver Grass in the Wind* (風中的菅芒), *Romancing Tainan* (戀愛府城), *Insomniac's Collection* (失眠集), and *Notes on Pale Hairs* (白髮記). His numerous awards include the Salt District Literature Award, Nan-ying Literature Award, New Writer's Award, Tainan Literature Award, Whale of Taiwanese Literature Award, Ministry of Education's Culture and Arts Award, Ministry of Education's Mother Tongue Creation Award, and Lí Kang-khioh Taiwanese Award. (Trans. by J.K.L.)



Tân, Chèng-hiông (陳正雄)、1962年台南縣柳營鄉出身、現在は台南市安平區に居住。台南第一高校教師を退職し、現在は台湾語ペンクラブの理事である。過去に受賞した賞：塩分地帯文学賞、南瀛文学新人賞、南瀛文学創作賞、府城文学賞、海翁台語文学賞、教育部文芸創作賞、教育部母国語文学賞、李江却台文賞、台南市推展本土語言傑出貢獻賞、教育部推展本土語言傑出貢獻賞、台南文学賞。著書：台湾語詩集『故鄉的歌』（台南県文化局）、『風中的菅芒』（台南市図書館）、『失眠集』（南一書局）、『戀愛府城』（府城旧冊店）。（勝村垂季 譯）

Trần Chính Hùng (Tân, Chèng-hiông), sinh năm 1962 tại thôn Liễu Doanh, Đài Nam, hiện cư trú tại An Bình, Thành phố Đài Nam. Là giáo viên đã về hưu của trường Trung học Đệ nhất Đài Nam, hiện nay là Ủy viên Ban chấp hành Hội Bút Đài Loan.

Những giải thưởng từng đạt được: Giải thưởng văn học vùng Diêm Phân; Giải Gương mặt mới và Giải sáng tác trong loạt giải thưởng văn học Nam Doanh; Giải thưởng văn học Phủ Thành; Giải thưởng văn học tiếng Đài Hai-ang; Giải thưởng sáng tác văn nghệ của Bộ giáo dục; Giải thưởng văn học tiếng mẹ đẻ do Bộ giáo dục trao tặng; Giải thưởng văn học tiếng Đài Lý Giang Khước; Giải thưởng cống hiến giành cho những cá nhân xuất sắc trong phong trào thúc đẩy và mở rộng ngôn ngữ mẹ đẻ do thành phố Đài Nam và do Bộ giáo dục trao tặng; Giải thưởng văn học Thành phố Đài Nam.

Tác phẩm: Tập thơ tiếng Đài “Bài hát quê hương” (故鄉的歌), Cục Văn hóa Đài Nam. Tập thơ tiếng Đài “Cỏ lau trong gió”(風中的菅芒), Thư viện thành phố Đài Nam. Tập thơ tiếng Đài “Mất ngủ”(失眠集), Nhà xuất bản Nam Nhất. Tập thơ tiếng Đài “Phủ Thành yêu thương” (戀愛府城), Tiệm sách cũ Phủ Thành. (Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)

## Tân, Éng-him

Tân, Éng-him (陳永鑫) was born in 1968 at Khoe-ô' Town in Chiang-hòa County. He is about to gain his PhD in Taiwanese Literature from the Institute of Taiwanese Literature at National Cheng Kung University. He obtained a D.E.A from EHESS in France in 1994.

He was an adjunct instructor of the Department of Applied Foreign Languages at Chiankuo Technology University, and is now an adjunct instructor in the Department of Taiwanese Language and Literature at Chung San Medical University, an advisor of the Taiwan Language Examination Center in National Cheng Kung University, and a director of Taiwanese Pen.



In addition to teaching, he is also involved in music and composition, translation and editing of English and French works. His main translation works are *Le Sabotage Amoureux* (愛傷害) by Amelie Nothomb, published by Rye Field Publishing Co. in 2005; “Is Art always Late? From Avantgarde in Film to the Postmodernism in Games” (藝術總是遲到? 從電影的前衛到遊戲的後現代性) by Jens Hauser, published in Film Appreciation Academy Journal, Vol. 120 in 2004; and “Movies, Still” (還是電影) by Yann Beauvais (ibid, Vol. 127, 2006), and so on. (Trans. by J.K.L.)

Tân, Éng-him (陳永鑫) 1968 年生まれ。彰化県溪湖鎮出身。国立成功大学台湾文学研究所博士候補。フランス高等社会科学研究院 (EHESS) 社会言語学 D.E.A. (1994) 建国科技大学応用外国語学部で専門講師の経歴があり、現在は中山医学大学台湾文学部の兼任講師、国立成功大学台湾語検定センターの顧問、台湾語ペンクラブ理事を務めている。教育関連の仕事以外にも、音楽創作、文字創作や英語・フランス語翻訳も行っている。翻訳作品は、『愛傷害』(Le Sabotage Amoureux。Amelie Nothomb 原作、麦田出版社、2005 年 12 月 03 日)、『藝術總是遲到? 從電影的前衛到遊戲的後現代性』(Jens Hauser 作、映画鑑賞雑誌第 120 期/2004.7-9 月号)、『還是電影』(Yann Beauvais 作 (映画鑑賞雑誌第 127 期/2006.4-6 月号) 等。(勝村亜季 譯)

Trần Vĩnh Hâm (Tân, Éng-him), sinh năm 1968 tại Khê Hồ, Chương Hóa.

Nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Khoa Văn học Đài Loan, Đại học Quốc gia Thành Công.

D.E.A. Ngôn ngữ Xã hội học, Viện nghiên cứu khoa học xã hội cao cấp Pháp (EHESS) (1994).

Từng là giảng viên Khoa Ngoại ngữ Ứng dụng, Đại học Khoa học Kỹ thuật Kiến Quốc; Hiện tại là giảng viên thỉnh giảng của Khoa Văn học Đài Loan, Đại học Y học Trung Sơn; Cố vấn của Trung tâm Trắc nghiệm Ngữ văn Đài Loan, Đại học Quốc gia Thành Công; Ủy viên Ban chấp hành Hội bút Đài Loan. Ngoài công việc giảng dạy, ông còn chuyên sáng tác âm nhạc, viết văn, hiệu đính và phiên dịch các tác phẩm sang tiếng Anh và tiếng Pháp. Tác phẩm dịch tiêu biểu: “Tổn thương tình yêu” (愛傷害) (nguyên tác Le Sabotage Amoureux. Amelie Nothomb, NXB Michel, ngày 3 tháng 12 năm 2005), “Nghệ thuật luôn luôn đến muộn? Từ điện ảnh nhìn về tính chất hậu hiện đại của trò chơi” (藝術總是遲到? 從電影的前衛到遊戲的後現代性) (tác giả Jens Hauser, Tạp chí thưởng thức điện ảnh kỳ 120, số ra tháng 7-9 năm 2004; “Vẫn là điện ảnh” (還是電影) (tác giả Yann Beauvais, Tạp chí thưởng thức điện ảnh kỳ 127, số ra tháng 4-6 năm 2006) v.v. (Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)

## Tân, Hong-hūi

Tân, Hong-hūi (陳豐惠) was born in Ko-Hiông on 16th Sep. 1968. She uses several pen names, such as Pó-hūi, A-Hūi and Siragalan. She obtained her Master of Arts from the Department of Taiwanese Language and Culture at National Taiwan Normal University. She has written books, essays and produced a CD. The book, *We Love Our Mother Tongue, Rather than the Election* (愛母語，不是愛選舉) was published by in 1996, and a CD, “Sea Wind, Migratory Bird and Dreams”(海風渡鳥眠夢) was released in 2001. Her essay, “Sweet Beauty”(甘甜ê美麗) was chosen as a selection in the University Taiwanese Reading Selection I (大學台語文選 I), and another, “Spring Wind Comes and Goes”(春風來來去去) was chosen for the Ministry of Education’s publication of Selections for Reading. Her other works have been published in *Taiwanese Communications* (台文通訊), *Taiwanese Literature News* (台文 BONG 報), *The Whale Taiwanese Education Quarterly* (海翁台語文教學季刊), *Taiwan Church News* (台灣教會公報), *The New Messenger* (新使者), and *Taiwanese Communication & Literature News* (台文通訊 BONG 報). (Trans. by J.K.L.)



Tân, Hong-hūi (陳豐惠) 1968年9月16日高雄市出身。過去に「ポーフィ」、  
「アーフィ」、  
「シラガラン」等のペンネームを使っている。学歴：国立台湾師範大学台湾語文学部文学修士。作品：『愛母語，不是愛選舉』、『海風 渡鳥眠夢』。入選の作品：『大學台語文選』上、文部省「台湾閩南語朗讀文章選輯」。重要な経歴：財団法人李江却台語文教基金会総幹事、社団法人台湾ローマ字協会理事、台湾基督長老協会総会台湾民族母国語推進委員会委員、高雄市教育局本土言語訪問委員、高雄医学大学兼任講師、台湾神学院兼任講師、『台文通信』台湾総連絡人、『台文罔報』と『台文通信 BONG 報』副総編集、成功大学全民台湾語検定検定委員、口語リーディング試験委員。(勝村亜季 譯)

Trần Phong Huệ (Tân, Hong-hūi), sinh ngày 16 tháng 9 năm 1968 tại Thành phố Cao Hùng. Những bút danh bà từng sử dụng là “Pó-hūi”, “A-Hūi”, “Siragalan”. Trình độ học vấn: Thạc sỹ ngành Văn học khoa Văn học Đài Loan, Đại học Sư Phạm Đài Loan.

Tác phẩm: “Yêu tiếng mẹ đẻ, không phải là thích bầu cử” (愛母語，不是愛選舉), “Hải phong – Độ Điều – Nhân Mộng” (海風 渡鳥 眠夢). Tác phẩm được chọn vào “Tuyển tập văn học tiếng Đài Đại học” (Tập 1) (大學台語文選 - 上冊), “Tuyển tập các tác phẩm đọc diễn cảm tiếng Mân Nam Đài Loan” (台灣閩南語朗讀文章選輯) của Bộ giáo dục.

**Kinh nghiệm:**

- CEO Quỹ Giáo dục tiếng Đài Lý Giang Khước.
- Ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Chữ Latinh Đài Loan.
- Ủy viên Ủy ban phát triển tiếng mẹ đẻ của các dân tộc Đài Loan thuộc Tổng hội Giáo hội Cơ Đốc Giáo Đài Loan (The Presbyterian Church in Taiwan).
- Ủy viên điều tra ngôn ngữ bản địa thuộc Cục Giáo Dục, Thành phố Cao Hùng.
- Giảng viên thỉnh giảng Đại học Y học Cao Hùng; Giảng viên thỉnh giảng Viện Thần học Đài Loan.
- Người phụ trách “Thông tấn tiếng Đài”, Phó tổng biên tập “Báo điện tử tiếng Đài” và “Báo BONG thông tấn tiếng Đài”.
- Ủy viên Hội đồng thi Trắc nghiệm Ngôn ngữ tiếng Đài Loan, Ủy viên Hội đồng chấm thi phần kỹ năng nói trong kỳ thi Trắc nghiệm Ngôn ngữ tiếng Đài Loan.

(Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)



## Tân, Kiàn-sêng

Tân, Kiàn-sêng (陳建成) was born in Tâi-lâm in 1960. He is a dramatist, poet and writer. In 2007 he was the chief editor of the monthly *The Attitude of the City of Kings* (王城氣度), which was honored by the 31st Golden Tripod Award (an award for excellence in periodical publications). In 2008 he was selected as one of the poets in the 1st Poetry Walking, *Taiwanese Poet in Mother Tongue*. He wrote *Rover's Poetry* (浪人詩集) in 2009 and turned it into an opera. In the following year he wrote the hand puppet drama, “Legends of Taiwanese Heroes – Decisive Battle in Siraya” (台灣英雄傳之決戰西拉雅), published by National Museum of Taiwan Literature and gave public performances around the island. The next drama he wrote was “The Affairs of Tâi-oân” (戀戀大員), a musical, in 2011.



In recent years Tân has been on the editorial board for several Tainan City publications, and was the chief editor of *Leisurely Tainan* (悠活台南) and of *Tainan City News* (台南都會報), in 2013. (Trans. by J.K.L.)

-----

Tân, Kiàn-sêng (陳建成)、1960年台灣台南出身、文字工作者。2013年、『台南都會報』の編集長になる。2012年、台南市政府出版品評委員、及び台南市刊『悠活台南』編集主任を務め、著作『大目降十八嬖』のシナリオ、及び製作公演を果たす。2011年、著作『戀戀大員』のシナリオを担当し、公演を実施。2010年、著作『台灣英雄傳之決戰西拉雅』を国立台湾文学館にて出版、巡回公演を主催する。2009年、著作『浪人詩集』を改編、舞台劇公演を実施。2008年、第一回台湾母国語詩人大会の詩人に抜擢される。2007年、月刊『王城氣度』の編集主任を務め、第三十一回金鼎賞を受賞。(勝村亜季 譯)

-----

Trần Kiến Thành (Tân, Kiàn-sêng), sinh năm 1960 tại Đài Nam, Đài Loan, là nhà văn. Năm 2013, ông làm tổng biên tập “Hội Báo Thành phố Đài Nam” (台南都會報).

Năm 2012, làm Ủy viên hội phê bình và tuyển chọn các ấn phẩm xuất bản của Chính phủ Thành phố Đài Nam; Chủ biên tạp chí “Đài Nam sống chậm” (悠活台南); Soạn kịch bản kiêm chế tác và diễn xuất vở kịch “Đại mục giáng thập bát nhiêu” (大目降十八嬈). Năm 2011, soạn kịch bản kiêm giới thiệu và diễn xuất vở kịch “Luyến luyến đại viên” (戀戀大員). Năm 2010, viết “Truyền kỳ anh hùng Đài Loan – Cuộc chiến Siraya” (台灣英雄傳之決戰西拉雅), Bảo tàng Văn học Đài Loan đã cho xuất bản và tài trợ biểu diễn nhiều nơi. Năm 2009, sáng tác tập thơ “Người phóng túng” (浪人詩集) và cải biên thành kịch biểu diễn sân khấu. Năm 2008, được bầu chọn là nhà thơ tiêu biểu của Đại hội nhà thơ tiếng mẹ đẻ Đài Loan Thơ Hành lần 1. Năm 2007, chủ biên Nguyệt San “Khí phách Vương Thành” (王城氣度), lọt vào danh sách đề cử của Giải thưởng Kim Đỉnh lần thứ 31 năm 2007. (Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)

## Tân, Kim-hoa

Tân, Kim-hoa (陳金花) Born in 1959, Tân, Kim-hoa obtained a master in Taiwanese Literature from the National Kaohsiung Normal University and since then has been teaching all levels of Taiwanese in a variety of schools. In addition, she is the secretary general of Taiwanese Romanization Association.

Since she joined the Taigibun Movement(Written and Spoken Taiwanese Movement), She has strongly felt the importance of writing, because “Words from the Mouth are made sharper by a sharp pen.” In the future she will continue to insist on carrying out Taiwanese writing, to broaden the paths of Taiwanese language and literature.(Trans. by V. T. S.)



Tân, Kim-hoa (陳金花)、1959年生まれ。高雄師範大学台湾文学部修士号を修了し、現在は様々な学校で台湾語の講師として務め、同時に台湾ローマ字協会秘書長も務める。

台湾語運動参加後、台湾語の書き取りの重要性を深く実感する。それは、台湾語の書き取りが一般的になれば、誰もが自分の口で話した台湾語を自分の手で書き取ることが出来るようになるからである。彼女は今後も引き続き台湾語の書き取りに力を注ぎ、台湾語の道を開拓するために全力を尽くすだろう。

(勝村亞季 譯)

Bà Trần Kim Hoa (Tân, Kim-hoa) sinh năm 1959, tốt nghiệp Thạc sĩ khoa Văn học Đài Loan trường Đại học Sư phạm Cao Hùng, hiện nay đang dạy tiếng Đài ở tất cả các cấp của nhiều trường học, đồng thời đảm nhiệm chức vụ thư ký trưởng của Hiệp hội chữ La-tinh Đài Loan.

Sau khi tham gia phong trào văn hóa ngôn ngữ Đài Loan, bà thấm thía sâu sắc tầm quan trọng của chữ viết, bởi lẽ cầm bút viết chữ Đài Loan là thực hiện khẩu hiệu “tay tôi viết những gì miệng tôi nói”. Trong tương lai bà sẽ tiếp tục kiên trì viết và sáng tác bằng chữ Đài Loan, phát triển và mở rộng con đường của chữ viết Đài Loan. (Thái thị Thanh Thủy dịch)

## Tân, Lē-kun

Tân, Lē-kun (陳麗君) was born on 26 Dec. 1972 in Sin-ying of Tâi-lâm. She received her PhD from the Graduate School of Modern Social Culture at Niigata University. She was a visiting fellow of Tokyo University of Foreign Studies. She is now an associate professor in the Department of Taiwanese Literature at National Cheng Kung University.

Her important works are all in Japanese: 《バイリンガリズムにおけるコードスイッチングの実態とその機能的分析—台湾における台湾中国語と台湾閩南語の関係—》、〈台湾語「有+VP」と日本語「～テアル」との対照研究〉、〈台湾語「有+VP」と日本語「～テアル」との対照研究〉. (Trans. by J.K.L.)



Tân, Lē-kun (陳麗君)、1972年12月26日台南新營生まれ。日本国立新潟大学現代社会文化研究科文学博士。過去に僑委会海外教師研究会講師、国立東京外国語大学客座研究員等を務め、現在は国立成功大学台湾文学部副教授を務める。重要著作には、『バイリンガリズムにおけるコードスイッチングの実態とその機能的分析—台湾における台湾中国語と台湾閩南語の関係—』、「台湾語「有+VP」と日本語「～テアル」との対照研究」、「台湾語「有+VP」と日本語「～テアル」との対照研究」等がある。(勝村亜季 譯)

Trần Lê Quân (Tân, Lē-kun), sinh ngày 26/12/1972, tại Tân Doanh Đài Nam, Tiến sĩ Văn học, Chuyên ngành Nghiên cứu Văn hóa Xã hội Hiện đại, Đại học Niigata, Nhật Bản, từng là cựu giảng viên của hội giáo sư Hoa Kiều; Nghiên cứu viên danh dự của trường Đại học Ngoại ngữ Tokyo, hiện tại là phó giáo sư của khoa Văn học Đài Loan trường Đại học quốc gia Thành Công.

Tác phẩm chính: “Sự chuyển đổi ngôn ngữ trong thực tế giáo dục song ngữ và phân tích chức năng của chuyển đổi ngôn ngữ - trường hợp tiếng Trung của Đài Loan và tiếng Mân Nam Đài Loan tại Đài Loan” (《バイリンガリズムにお

けるコードスイッチングの実態とその機能的分析—台湾における台湾中国語と台湾閩南語の関係—》), các tác phẩm nguyên tác tiếng Nhật khác: 台湾語「有+VP」と日本語「～テアル」との対照研究、〈台湾語「有+VP」と日本語「～テアル」との対照研究〉 v.v. (Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)

## Tân, Lī-sêng

Tân, Īn (born Tân, Lī-sêng (陳利成), in Éng-chēng Township, Chiong-hòa County) graduated from the Department of Chinese Literature, Tamkang University. He is a junior high school teacher and the person in charge of Liú-hô Culture Studio. He has published many books, including 4 poetry anthologies, 5 volumes of essays and a collection of critiques on education, etc. He has received over 20 important literature awards. He has two blogs —“Liú-hô” (<http://blog.xuite.net/inriver/river>) and “Tân Īn’s Literature ” (<http://blog.udn.com/inriver/article>). Email: [edufire2002@yahoo.com.tw](mailto:edufire2002@yahoo.com.tw) (Trans. By E.H.T.)



Tân, Lī-sêng (陳利成)、ペンネームは陳胤。彰化県永靖郷出身。淡江大学中国文学部卒業。中学校教員。柳河文化工作室責任者。作品は、詩集『流螢』、『戀歌』、『島嶼凝視』、『青春浮彫』、散文『半線心情』、『悲歡歲月』、『放牛老師手札』、『咖啡・咖啡』、『經口之春』、創作コラージュ『秋末冬初』等。これらの作品は文部省文芸創作賞、礦溪文学賞、塩分地帯文芸創作賞、中県文学賞、大武山文学賞、花蓮文学賞、台中風華現代詩評審賞、李江却台文賞、高雄メトロ現代詩賞、吳濁流文学賞、竹塹文学賞、彰化県台湾語文学創作賞、教育部母国語文学創作賞、夢花文学賞、馬祖文学賞、鄭福田生態文学賞、菊島文学賞、玉山文学賞等を受賞している。サイト：「柳河部落」、「陳胤の文学部落」。メール：[edufire2002@yahoo.com.tw](mailto:edufire2002@yahoo.com.tw) (勝村亜季 譯)

Trần Lợi Thành (Tân, Lī-sêng), bút danh Trần Dận, người làng Vĩnh Tịnh, Chương Hóa. Tốt nghiệp Khoa Trung văn, Đại học Đạm Giang. Hiện là Giáo viên trung học, kiêm Giám đốc cơ sở kinh doanh cá nhân Văn hóa Liễu Hà.

**Tác phẩm:**

- Tập thơ: “Lư Huỳnh” (流螢), “Tình Ca” (戀歌), “Đảo Dữ Ngưng Thị” (島嶼凝視), “Phù Điêu Thanh Xuân” (青春浮雕)
- Văn xuôi: “Nửa sợi tâm tình” (半線心情), “Bi hoan tuế nguyệt” (悲歡歲月), “Thư tay của Thầy giáo chăn trâu” (放牛老師手札), “Cà phê . Cà phê” (咖啡 · 咖啡), “Kinh khẩu chi xuân” (經口之春).
- Sáng tác tranh ghép dán: tác phẩm “Cuối thu đầu xuân” (秋末冬初).

Nhiều tác phẩm từng đoạt Giải thưởng sáng tác văn nghệ của Bộ giáo dục, Giải thưởng văn học Hoàng Khê, Giải thưởng sáng tác văn nghệ vùng Diêm Phân, Giải thưởng văn học Trung Huyện, Giải thưởng văn học Đại Võ Sơn, Giải thưởng văn học Hoa Liên, Giải Yêu thích trong Giải thưởng thơ hiện đại Phong Hoa Đài Trung do Ban giám khảo bình chọn, Giải thưởng văn học tiếng Đài Lý Giang Khước, Giải thưởng thơ hiện đại Tiệp Vận Cao Hùng, Giải thưởng văn học Ngô Trọc Lưu, Giải thưởng văn học Trúc Khiếm, Giải thưởng sáng tác văn học tiếng Đài huyện Chương Hóa, Giải thưởng sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ của Bộ giáo dục, Giải thưởng văn học Mộng Hoa, Giải thưởng văn học Mã Tổ, Giải thưởng văn học sinh thái Trịnh Phúc Điền, Giải thưởng văn học Cúc Đảo, Giải thưởng văn học Ngọc Sơn, v.v. Trang web: 「柳河部落」, 「陳胤的文學部落」.  
Email: edufire2002@yahoo.com.tw

(Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)

## Tē<sup>n</sup>, Pang-tìn

Tē<sup>n</sup>, Pang-tìn (鄭邦鎮) was born in Oân-lîm, Chiang-hòa in 1947, and received his MA from the Institute of Chinese Literature at National Taiwan University. He was an associate professor, the chairman of the Chinese Literature and the chairman of Taiwan Studies Center at Providence University. Later he became the director-general of Education Bureau of Tâi-lâm City. He is now a member of Taiwan Association of University Professors.



Tē<sup>n</sup> participated in founding the Taiwan Independence Party in 1996. As the party candidate, he had run for the Mayor of Tai Chung City, for the legislature, and for the President of ROC. He has received the literature critic's medal from the Chinese Writers' & Artists' Association. (Trans. by J.K.L.)

Tē<sup>n</sup>, Pang-tin (鄭邦鎮)、1947年彰化県員林鎮出身。国立台湾大学中国文学研究所卒業。過去に静宜大学副教授、中国文学部主任、台湾研究センター主任、国立台湾文学館館長、台南市教育局長の経歴がある。台湾教授協会会員。1996年に建国党を発起し、建国党の代表として台中市長、立法委員、中華民国総統に選ばれる。中国文芸奨章文学批評賞を受賞。(勝村亜季 譯)

Trịnh Bang Trấn (Tē<sup>n</sup>, Pang-tìn), sinh năm 1947 tại Viên Lâm, Chương Hóa. Tốt nghiệp Cao học ngành Trung văn, Đại học Quốc gia Đài Loan. Từng giữ chức vụ Phó giáo sư, Trưởng khoa Văn học Trung Quốc kiêm Chủ nhiệm Trung tâm nghiên cứu Đài Loan trường Đại học Tĩnh Nghi, Giám đốc Bảo tàng Văn học Quốc gia Đài Loan, Cục trưởng Cục giáo dục thành phố Đài Nam.

Ông là hội viên Hiệp hội giáo sư Đài Loan. Năm 1996, ông tham gia và thành lập Đảng Kiến Quốc, từng đại diện Đảng Kiến Quốc tham gia bầu cử Thị trưởng Thành phố Đài Trung, Ủy viên Ủy Ban Lập pháp, Tổng thống Trung Hoa Dân Quốc. Ông từng được bình chọn Giải thưởng phê bình văn học văn nghệ Trung Quốc. (Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)



## Teng, Hōng-tin

Teng, Hōng-tin (丁鳳珍) was born on Jan. 3rd, 1970, at Sai-si-ô' of Iâm-po' township in Chiang-hòa County. She is now living in Tâi-Tiong City. She is an assistant professor in the Department of Taiwanese Languages and Literature at National Taichung University of Education.

In 1990, she graduated from the Department of Accounting and Statistics in National Taichung Commercial College. And then she continued studying in the Department of Chinese Literature of National Cheng Kung University, where, she got her Master of Arts from the Department of Chinese Literature of National Cheng Kung University in 1996, with her thesis, "Female Characters in the Taiwan Short Stories during the Japanese Occupation" (台灣日據時期短篇小說中的女性角色).

She received her Ph.D from the Department of Chinese Literature in Tunghai University with her dissertation, "The Historical Interpretation of Taiwan in Koa-á-chheh, Taking the Narrative Songs of the Revolt of Tiu<sup>n</sup> Péng and Tè Tiâu-chhun as Study Objects" (「歌仔冊」中的台灣歷史詮釋——以張丙、戴潮春起義事件敘事歌為研究對象) in 2005. (Trans. by J.K.L.)



Teng Hōng-tin (丁鳳珍)、女性、1970年1月3日生まれ。彰化県埔塩郷西勢湖庄出身。現在は台中に居住し、台中教育大学台湾語文学部教師。東海大学中国文学部博士(2005)、論文『「歌仔冊」中の台灣歷史詮釋——以張丙、戴潮春起義事件敘事歌為研究對象』(指導教授は施炳華、洪銘水)。成功大学中国文学部修士(1996)、論文『台灣日據時期短篇小說中的女性角色』(指導教授は林瑞明、吳達芸)、成功大学中国文学部修了(1993)、台中商專五專部会計統計科卒業(1990)。(勝村亜季 譯)

-----

Đinh Phụng Trân (Teng Hōng-tin), nữ, sinh ngày 3/1/1970 tại thôn Tây Thế Hồ, làng Phố Diêm, Chương Hóa. Hiện nay, sống tại thành phố Đài Trung, hiện tại là giáo viên khoa văn học Đài Loan, Đại học Giáo dục Đài Trung. Tiến sỹ khoa Trung Văn trường Đại học Đông Hải (2005), luận án là “Quan điểm về lịch sử Đài Loan trong Ca Tài Sách – Lấy bài ca viết về câu chuyện khởi nghĩa Trương Bính, Đới Hồ Xuân làm đối tượng nghiên cứu” (「歌仔冊」中的台灣歷史詮釋——以張丙、戴潮春起義事件敘事歌為研究對象) (Giáo sư hướng dẫn là Thi Bính Hoa, Hồng Minh Thủy); Thạc sỹ khoa Trung văn trường Đại học Thành Công (1996), luận văn là “Các nhân vật nữ trong những tiểu thuyết ngắn của Đài Loan trong thời Nhật trị” (台灣日據時期短篇小說中的女性角色) (Giáo sư hướng dẫn là Lâm Thụy Minh, Ngô Đạt Vân), sinh viên Khoa Trung văn trường Đại học Thành Công (1993), tốt nghiệp Khoa Kế toán Thống kê, Đại học Thương Mại Đài Trung hệ 5 năm (1990). (Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)

## Tiō, Thian-gî

Tiō, Thian-gî (趙天儀) was born in Tâi-Tiong in 1935. He graduated from National Taichung First Senior High School, and got his BA, and MA from the Department of Philosophy at National Taiwan University. He became an instructor, later promoted to be a professor in the Department of Philosophy in his alma mater. After that, He went to work for the National Institute for Compilation and Translation.

Later, he went to the Providence University to teach in the Department of Chinese Literature, the Department of Ecology, and the Department of Taiwanese Literature until his retirement.

Tiō uses the pen name Liú Bûn-thiat (柳文哲). He has published twelve books of poetry including *Visiting the Fruit Field* (菓園的造訪). He has also written prose collections published in *Essays in the Storm Building* (風雨樓隨筆), *The Beginning of Taiwanese Aesthetics* (台灣美學的出發), and about children's literature in *A First Exploration of children's poems*(兒童詩初探). He had won the Wu San Lien Foundation Award For New Poems in 2011, and the 16th Oxford Literature Award of Aletheia University in 2012. (Trans. by J.K.L.)



Tiō, Thian-gî (趙天儀)、1935年台中市出身。高校は台中第一高校に通い、台湾大学哲学部、哲学研究所を卒業し、哲学部教授になる。その後国立編訳館の職に就き、台中の静宜大学中国文学部、生態学部及び台湾文学部教授を務め退職。ペンネームは柳文哲、詩集は『菓園的造訪』等12作。その他にも散文集『風雨樓隨筆』、美学文集『台灣美學的出發』、児童文学『兒童詩初探』等著書は多種に及ぶ。2011年に呉三連新詩類文学賞、2012年には真理大学第16回オックスフォード文学家文学賞を受賞する。(勝村亜季 譯)

Triệu Thiên Nghi (Tiō, Thian-gî) sinh năm 1935 tại Đài Trung. Cấp 3 học tại trường Trung học Đệ nhất ở Đài Trung, tốt nghiệp Khoa Triết học và cao học ngành Triết học, là giáo sư khoa Triết học, Đại học Đài Loan. Về sau, công tác tại phòng biên dịch quốc gia, sau đó trở thành giảng viên Khoa Văn học Đài Loan, Khoa Sinh thái và Khoa Trung Văn trường Đại học Tĩnh Nghi Đài Trung cho đến khi nghỉ hưu.

Ông lấy bút danh là Liễu Văn Triết, tập thơ có 12 loại, tiêu biểu như “Đến thăm vườn trái cây” ( 菓園的造訪 ), ngoài ra còn có tập văn xuôi “Tùy bút lầu phong vũ” ( 風雨樓隨筆 ), tập văn học mỹ học “Sự khơi nguồn mỹ học Đài Loan” ( 台灣美學的出發 ), văn học thiếu nhi “Bước đầu tìm hiểu thơ thiếu nhi” ( 兒童詩初探 ) v.v. Năm 2011, đoạt Giải thưởng thơ mới trong Giải thưởng Văn học Ngô Tam Liên, năm 2012 đoạt Giải thưởng văn học mang tên Nhà văn Ngưu Tân lần thứ 16 của Đại học Chân Lý. (Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)

## Tiu<sup>n</sup>, Giòk-phêng

Tiu<sup>n</sup>, Giòk-phêng (張玉萍) was born in Kok-sèng Township, Lâm-tâu County. She received her M.A. from the Department of Taiwanese Literature at NCKU, and has been studying for her PhD at the Department of Taiwan Culture, Languages and Literature in National Taiwan Normal University. Her thesis, *The Female Images and the Concept of Gender in Taiwanese Ballads Under the Japanese*, won the 2008 Taiwan Studies Award of the Dr. Peng Ming-min Foundation. (Trans. by J.K.L.)

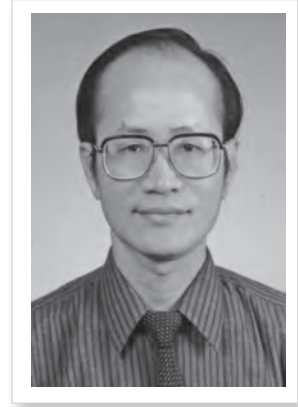


Tiu<sup>n</sup>, Giòk-phêng (張玉萍)、南投県国姓郷出身。現在は台南に住んでいる。成功大学台湾文学研究所修士、現在は台湾師範大学台湾語文学部博士。修士論文のタイトルは『日治時期臺灣歌仔冊内底 ê 女性形象 kap 性別思維』。財団法人彭明敏文教基金会 2008 年「台湾研究」学位論文賞奨学金を得る。  
(勝村亜季 譯)

Trương Ngọc Bình (Tiu<sup>n</sup>, Giòk-phêng), sinh tại làng Quốc Tính, Nam Đầu, hiện sinh sống tại Đài Nam. Thạc sỹ khoa Văn học Đài Loan trường Đại học Thành Công, hiện nay là nghiên cứu sinh Khoa Văn học Đài Loan, Đại học Sư phạm Đài Loan. Luận văn thạc sỹ “*Tư duy giới tính và hình tượng nữ tính trong Ca Tài Sách của Đài Loan thời Nhật trị*” (日治時期臺灣歌仔冊内底 ê 女性形象 kap 性別思維). Từng đoạt học bổng tài trợ cho luận văn tốt nghiệp về “*Nghiên cứu Đài Loan*” năm 2008 của Quỹ Văn hóa Giáo dục Bành Minh Mẫn. (Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)

## Tiu<sup>n</sup>, Hók-chû

Babuza Chû (Tiu<sup>n</sup>, Hók-chû 張復聚) is a descendant of the Pe Po People in Changhua. Born in 1951, he graduated from the Kaohsiung Medical College in 1979. He began to develop interest in Taiwanese in 1991, and learned to write romanized Taiwanese from Rev. Tin ji-giokk (鄭兒玉) in 1994. Between 1995 and 2001 Babuza Chû trained more than 400 Taiwanese teachers in the Kaohsiung area in cooperation with Tainan Theological Seminary.



### Experience:

- 2001 Lecturer in Taiwanese, Kaohsiung Medical University
- 1997 Board member, Li Kang Khioh Foundation for Taiwanese Culture and Education
- 2001 Founding Chairman, Association for Taiwanese Romanization
- 2003-2005 President, Federation of Medical Professionals in Kaohsiung
- 2014-2016 President, Taiwan Society, Southern Chapter
- 2006 Listed in Who's Who in Medicine and Care
- 2005 Winner, Lai Ho Humanitarian Award in Medicine

### Publications:

- 2001 ABC of Taiwanese Words (台灣字 ABC)
- 2002 Aesop's Fables in Taiwanese (Í-sap Gū-giân 台語版)
- 2003 Introduction to Medical Terms in Taiwanese (醫學台語文入門)
- 2014 Doctor-Patient Dialogue (醫病對話)

### Editorial Works:

- 2005 Taiwanese Mother Tongue Q & A (台灣母語問答集)
- 2005 Romanized Taiwanese version of Magnolia (a novel originally in Hakka by Chan kui-hai, M.D.) (夜合「白話字版」)
- 2010 Romanized Taiwanese version of Images (collection of Hakka essays by Chan kui-hai, M.D.) (畫面(台語文, 曾貴海))

### Special experience:

- 1996-1999 Taiwanese teacher to Mr. Darrell Jenks, Director of AIT, Kaohsiung Branch Office
- 2012- Doctor of internal medicine, Goan Ho Him Medical Office, Pingtung

(Trans. by V.T.S)

Tiu<sup>n</sup>, Hók-chû (張復聚)、ペンネームはバブザ・チュ。彰化県平埔族の子孫。1951年に生まれ、1979年に高雄医学院医科卒業。1991年に台湾語の文章に興味を持ち始める。1994年に鄭兪玉牧師のもとで白話字を学習する。1995年から2001年には高雄及び台南地区で神学院と協力し400名以上の母国語教師を育成する。経歴：2001年高雄医学大学台湾語文講師、1997年李江却台語文教基金会董事、2001年台湾ローマ字協会総会理事長、2003-2005年高雄医界連盟会長、2006年Who Is Who in Medicine and Care大物リスト。出版：『台湾字ABC』(2001)、『伊索寓言』(Í-sap Gū-giân)台語版(2002)、『醫學台語文入門』(2003)、『醫病對話』(2014)。主筆：『台湾母語問答集』(2005)、『夜合』「白話字版」(曾貴海醫生客語原作)(2005)、『畫面』(台語文, 曾貴海)(2010)。特殊経験：アメリカ台湾協会高雄分處處長長金大友(Darrell Jenks)、台湾語教師1996-1999年。現任：屏東市元和馨診所内科専門医(2012年～) (勝村亜季 譯)

Trương Phục Tụ (Tiu<sup>n</sup>, Hók-chû), bút danh Babuza Chû. Dân tộc Bình Phố, huyện Chương Hóa. Sinh năm 1951, năm 1979 tốt nghiệp Khoa Y, Viện Y học Cao Hùng. Năm 1991, bắt đầu quan tâm đến văn học tiếng Đài. Năm 1994, theo học chữ Bạch thoại (chữ POJ) cùng với mục sư Trịnh Nhi Ngọc. Năm 1995-2001, phối hợp với Viện Thần học Đài Nam và khu vực Cao Hùng đã bồi dưỡng đào tạo hơn 400 giáo viên tiếng Đài.

#### **Kinh nghiệm:**

- 2001, Giảng viên văn học tiếng Đài trường Đại học Y Cao Hùng.
- 1997, Ủy viên Hội đồng quản trị Quỹ giáo dục tiếng Đài Lý Giang Khước.
- 2001, Chủ tịch sáng lập Hiệp hội chữ Latinh Đài Loan
- 2003-2005, Chủ tịch Liên minh cộng đồng y tế Cao Hùng
- 2014-2016, Hội trưởng Hội Đài Loan (khu vực phía Nam).
- 2006, Danh nhân trong sách “Ai là ai trong y học và chăm sóc” (Who Is Who in Medicine and Care).
- 2005, Giải thưởng nhân văn y tế Lại Hòa

**Xuất bản phẩm:**

Chữ Đài Loan ABC ( 台灣字 ABC ) (2001)

Truyện ngụ ngôn Í-sap, bản tiếng Đài ( 伊索寓言 Í-sap Gū-giân 台語版 ) (2002)

Nhập môn tiếng Đài trong Y học ( 醫學台語文入門 ) (2003)

Đôi thoại giữa bác sỹ và bệnh nhân ( 醫病對話 ) (2014)

**Chủ biên:**

Hỏi đáp tiếng Đài Loan ( 台灣母語問答集 ) (2005)

Dạ Hợp (phiên bản chữ Bạch thoại) (nguyên tác tiếng Khách Gia của Bác sỹ

Tằng Quý Hải) ( 夜合「白話字版」曾貴海醫生客語原作 ) (2005)

Họa Diện (Văn tiếng Đài, Tăng Quý Hải) ( 畫面 台語文 , 曾貴海 ) (2010)

**Kinh nghiệm:**

Năm 1996-1999, là giáo viên tiếng Đài cho trường phòng Darrell Jenks của Hiệp hội Người Mỹ tại Đài Loan, phân nhánh Cao Hùng.

Hiện nay, ông là bác sỹ chuyên khoa nội Phòng khám Nguyên Hòa Hình ở Bình Đông (2012~)

(Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)



## Tiu<sup>n</sup>, Siok-chin

Tiu<sup>n</sup>, Siok-chin (張淑真). Since literature is the health food for her soul, whenever she gets the chance to speak siok-chin loves to talk about all things Taiwanese, especially Taiwanese literature and Taiwanese culture. Her childhood dream was to 1. be a teacher; 2. do fun radio broadcasting. The year that she was taking her Joint University Entrance Exam, she failed to get into her first choice school, Taichung Teacher's College. Ever since, she did not attend college. Instead, she studied from life and says she hasn't graduated yet.



After the September 21, 1999 earthquake, she started to work in radio broadcasting as a volunteer DJ. She started inadvertently, but soon discovered that it was the perfect setting for her to air her ideas and also the most cost-saving. She claims that, “When you put out a good program, you get good rewards.”

Coming from a farming/laborer's family background, at age 30, she began working in the service industry as a land registration agent, dealing with all things and people having to do with real estate. From her rich experience, she became inspired to write about things and the people she encountered, following the footsteps of more experienced Taiwanese writers to start penning stories in Taiwanese. (Trans. by V.T.S)

Tiu<sup>n</sup>, Siok-chin (張淑真)。文学は彼女の健康食品と言われ、彼女は台湾に関することを話すのが非常に好きで、中でも台湾語文学、台湾文化が彼女の最愛である。幼少期の夢は先生になることで、趣味は放送だった。当時第一志望であった台中師專の入試に落ちてしまい、大学進学を断念する。彼女はずっと社会大学で勉強しているのに、ずっと卒業していない、と語っている。1999年の921大地震の後、不意に台湾語教育・台湾語放送界の道に踏み入るが、きっかけはボランティアでやっていたDJからであった。彼女は「番組が最も安く、最も理念を放送しやすいところ」、「良い放送をすると、良い報いが得られる」と言う。

農家の娘で肉体労働が主な仕事であったが、30歳になりサービス業に移転し、不動産業者となる。不動産関係者や関連の物事と接していくうちにますます理解が深まり、そこから多くの文学素材を得る。関心のある世態人情を描くことに勤しみ、台湾語文學界の先輩や、理想を抱き気迫のある有志の若者らとともに、チャンスがあるうちに奮闘努力する日々である。(勝村 亜季 譯)

---

Trương Thục Chân (Tiu<sup>n</sup>, Siok-chin), lấy văn học làm cảm hứng tâm hồn, thích trò chuyện, đặc biệt thích nói chuyện về Đài Loan, đặc biệt yêu thích văn học tiếng Đài và văn hóa Đài Loan. Nguyên vọng lúc nhỏ là giáo viên, yêu thích truyền thông. Ngày trước, bà có nguyên vọng thi vào làm giáo viên ở Cao đẳng Sư Phạm Đài Trung, nhưng không thành nên không học đại học. Bà nói, bà theo học “trường đời” mãi, nhưng không tốt nghiệp được. Năm 1999, sau sự kiện động đất 921, vô tình tham gia vào công việc giảng dạy tiếng Đài / Nghề phát thanh tiếng Đài, khởi nghiệp từ việc làm tình nguyện viên cho DJ. Bà cho rằng “Đài phát thanh là nơi truyền bá tư tưởng tốt nhất và rẻ nhất, làm tốt truyền thông sẽ nhận được nhiều báo đáp tốt.”

Xuất thân từ gia đình nông dân, năm 30 tuổi, bà thay đổi nghề nghiệp, làm nghề địa chính, chuyên tiếp xúc với các nhân vật ngành bất động sản, bà đã có được tư duy sâu sắc và tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm sống. bà muốn viết về nhân tình thế thái, những nhà văn học tiếng Đài đi trước, cũng như thế hệ trẻ đang phấn đấu không ngừng vì lý tưởng. (Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)

## Tō, Sìn-liông

Tō, Sìn-liông (杜信龍) was born in 1981, and not formally educated in Taiwanese literature. He received a master's degree in electrical engineering. Now he is working for a foreign company. He lives in Hú-siân (Tainan). His parents were not educated, and the whole family speak Taiwanese at home. He started to write in Taiwanese in 2013, hoping that he will do his part to raise the status of Taiwanese literature and the Taiwanese language in the future to recover the dignity of his mother tongue, and build the foundation for Taiwanese independence!



His poem, “The Childhood Dream of Hayashi” (Hayashi 囡仔夢) placed second in the 2014 Hayashi Department Store Poetry Contest for New Poems; his poem, “The Paint Brush” (畫筆), won first place in the Chiayi City Sixth Peach City Literature Award for New Poetry(2015); an essay, “Who Really Betrayed Taiwan” (到底 siàng 出賣台灣?) won honorable mention in the essay contest on reading the classic Taiwan Betrayed, held by the AvantGarde Press. His works have been variously published in many Taiwanese magazines and periodicals, such as *Tai Kang Taiwanese Literature Magazine* (台江臺語文學雜誌), *Taiwanese Communication & Literature News* (台文通訊 BONG 報), and *Taiwan Church News* (台灣教會公報). Later on, he plans to put all his works in one volume of collected works. The book is tentatively titled, *Children's Mischievousness* (囡仔 giát).(Trans. by V.T.S)

Tō, Sìn-liông (杜信龍)、1981 年生まれ。正式な台湾語教育や文学の訓練を受けたことがなく、電子電機学部修士を卒業し、現在は外資系企業で勤務している。府城に住み、両親は一切教育を受けておらず、家ではずっと台湾語を話す。2013 年末に台湾語文を創作し始め、将来台湾語文学と台湾語の地位を確立させ、母国語の尊厳を守り、台湾独立への基礎を作り上げることを目指している。作品「Hayashi 囡仔夢」は 2014 年林百貨詩文コンクールで新詩部門第二

位を獲得し、作品「畫筆」は嘉義市第六回桃城文学賞新詩部門第一位を獲得 (2015)、作品「到底 siáng 出賣台灣？」は前衛出版社「公民，從閱讀中覺醒『被出賣的台灣』有獎徵文活動」で銀賞を受賞 (2015)。作品の多くは『台江臺語文學雜誌』、『台文戰線』、『海翁文學雜誌』、『台灣教會公報』、『台文通訊 BONG 報』、『民報論壇』等現在流行している台湾語誌で発表されている。将来自分の総作品集を作る計画をしており、タイトルは『囡仔 giát』 (暫定)。(勝村亜季 譯)

---

Đỗ Tín Long (Tō, Sin-liông), sinh năm 1981, chưa từng học qua lớp văn học cũng như tiếng Đài Loan nào, tốt nghiệp thạc sỹ điện cơ điện tử. Hiện tại làm việc cho công ty ngoại thương. Sinh sống tại Đài Nam, ba mẹ chưa từng đi học, trong gia đình đều nói tiếng Đài. Năm 2013, ông bắt đầu sáng tác văn học bằng tiếng Đài và mong muốn được đóng góp cho nền văn học tiếng Đài, cũng như đấu tranh cho tiếng Đài, tìm lại được sự tôn nghiêm của tiếng mẹ đẻ, phần đầu hết mình vì sự nghiệp Đài Loan độc lập.

Tác phẩm: “Hayashi giấc mộng trẻ thơ” (Hayashi 囡仔夢) từng đoạt Giải nhì nhóm thơ mới trong Cuộc thi sáng tác thơ Lâm Bách Hóa năm 2014, tác phẩm “Họa Bút” (畫筆) từng giành được Giải nhất nhóm thơ mới Giải thưởng văn học Đào Thành thành phố Gia Nghĩa lần 6. Năm 2015, tác phẩm “Rốt cuộc ai đã bán đứng Đài Loan?” (到底 siáng 出賣台灣?) từng đoạt giải xuất sắc trong Cuộc thi sáng tác “Người dân, thức tỉnh từ việc đọc sách “Đài Loan bị bán đứng” của nhà xuất bản Tiền Vệ. “Các tác phẩm đa phần được đăng trên” “Tạp chí văn học tiếng Đài Đài Giang”, “Đài Văn Chiến tuyến”, “Tạp chí văn học Hai-ang”, “Công báo giáo hội Đài Loan”, “Báo BONG thông tấn tiếng Đài”, “Luận đàm dân báo” v.v. Hiện tại các bài phát biểu được lưu hành trong giới nghiên cứu tiếng Đài. Mục tiêu trước mắt là tập hợp tất cả tác phẩm đã sáng tác xuất bản thành sách, tạm thời đặt tên sách là “Trẻ con nghịch” (囡仔 giát). (Phạm Ngọc Thúy Vi dịch)

## 2016 Event photos: literary exchange and Taiwanese puppetry show in Penang, Malaysia

台文筆會到馬來西亞檳城進行文學交流 hām 布袋戲公演

Kàu Malaysia Pinang chìn-hêng bûn-hák kau-liû hām  
pò-tē-hì kong-ián















